

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

(Để đăng ký kiểm định chất lượng trường Đại học Đại Nam)

Hà Nội, năm 2016

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	i
BẢNG DANH MỤC CHỮ CÁI VIẾT TẮT	ii
PHẦN A: GIỚI THIỆU VỀ NHÀ TRƯỜNG	1
PHẦN B: TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA NHÀ TRƯỜNG.....	10
TIÊU CHUẨN 1: SỨ MẠNG VÀ MỤC TIÊU CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM.....	14
TIÊU CHUẨN 2: TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ.....	19
TIÊU CHUẨN 3: CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	34
TIÊU CHUẨN 4: HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO.....	51
TIÊU CHUẨN 5: ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIẢNG VIÊN VÀ NHÂN VIÊN	72
TIÊU CHUẨN 6: NGƯỜI HỌC.....	89
TIÊU CHUẨN 7: NGHIÊN CỨU KHOA HỌC , ỨNG DỤNG, PHÁT TRIỂN VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ.....	119
TIÊU CHUẨN 8 : HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC QUỐC TẾ	133
TIÊU CHUẨN 9: THƯ VIỆN, TRANG THIẾT BỊ HỌC TẬP VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT KHÁC.....	139
TIÊU CHUẨN 10: TÀI CHÍNH VÀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH.....	158
KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ	164
TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ.....	175
CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC.....	177
DANH MỤC VÀ MÃ MINH CHỨNG.....	211

BẢNG DANH MỤC CHỮ CÁI VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Chữ đầy đủ
BGDĐT	Bộ giáo dục và đào tạo
BGH	Ban giám hiệu
CB	Cán bộ
CBGD	Cán bộ giảng dạy
CBGV	Cán bộ giảng viên
CBQL	Cán bộ quản lý
CBVC	Cán bộ viên chức
CĐCN	Cao đẳng chuyên nghiệp
CGCN	Chuyển giao công nghệ
CLB	Câu lạc bộ
KCM	Khoa chuyên môn
CNTT	Công nghệ thông tin
CTĐT	Chương trình đào tạo
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
ĐH	Đại học
DNU	Dai Nam University
ĐT	Đào tạo
GD	Giáo dục
GD&ĐT	Giáo dục & Đào tạo
GS	Giáo sư
GV	Giảng viên
GVC	Giảng viên chính

GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
HCM	Hồ Chí Minh
HCQT	Hành chính quản trị
HDQT	Hội đồng quản trị
HTQT	Hợp tác quốc tế
IT	Information technology
KĐCL	Kiểm định chất lượng
KĐDH	Kiểm định đại học
KHCN	Khoa học công nghệ
KP	Kinh phí
KT & ĐBCL	Khảo thí & Đảm bảo chất lượng
KTX	Ký túc xá
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NCS	Nghiên cứu sinh
NĐ-CP	Nghị định – chính phủ
NGƯT	Nhà giáo ưu tú
NHTM	Ngân hàng thương mại
NN	Nhà nước
NQ-ĐU	Nghị quyết – Đảng ủy
PGS	Phó giáo sư
PR	Quan hệ công chúng
QĐ	Quyết định
QHCC & TT	Quan hệ công chúng & truyền thông
QLSV	Quản lý sinh viên

QTKD	Quản trị kinh doanh
SV	Sinh viên
TCCN	Trung cấp chuyên nghiệp
TCNH	Tài chính ngân hàng
TDTT	Thể dục thể thao
Ths	Thạc sỹ
TN	Thanh niên
TNCSHCM	Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TS	Tiến sỹ
TT	Thông tư
VJK	Viện Hợp tác và Đào tạo
VLVH	Vừa học vừa làm

QUYẾT ĐỊNH

(V/v thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 14/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Đại Nam;

Căn cứ Quyết định số 63/2011/QĐ-TTg ngày 10/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức hoạt động của trường đại học tự thực ban hành theo Quyết định số 61/2009/QĐ-TTg ngày 17/04/2009;

Căn cứ Công văn số 462/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 09/5/2013 về hướng dẫn tự đánh giá trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Đại Nam gồm các ông bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2: Hội đồng có nhiệm vụ tự đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Đại Nam theo tiêu chuẩn đánh giá và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3: Các đơn vị thuộc Trường Đại học Đại Nam và các Ông (Bà) thành viên của Hội đồng tự đánh giá chịu trách nhiệm thi hành Quyết định./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- HĐQT (để báo cáo);
- Lưu: p. NCKH & HTQT, VT.

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. PHAN TRỌNG PHÚC

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

(Ban hành kèm theo QĐ số:68/QĐ-ĐN, ngày 01 tháng 02 năm 2016)

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH CHỨC VỤ	NHIỆM VỤ
1.	PGS.TS. Phan Trọng Phúc	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ Trưởng nhóm 2
2.	TS. Lương Cao Đông	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ Trưởng nhóm 3
3.	TS. Lê Đắc Sơn	Chủ tịch HĐQT	Ủy viên Trưởng nhóm 1
4.	Bà Cao Thị Hòa	Phó Hiệu trưởng	Ủy viên Trưởng nhóm 6
5.	TS. Nguyễn Thị Hương Lan	Phó trưởng khoa TC-NH	Ủy viên Trưởng nhóm 4
6.	ThS. Nguyễn Việt Anh	Phó Hiệu trưởng Trưởng phòng KT&ĐBCL	Ủy viên Trưởng nhóm 5
7.	Ông Đỗ Quân	Phó Chủ tịch HĐQT	Ủy viên
8.	ThS. Phùng Thị Trung	Phó Trưởng khoa Sau Đại học	Ủy viên
9.	TS. Lê Thị Thanh Hương	Trưởng phòng Đào	Ủy viên

		tạo	
10.	ThS. Nguyễn Ngọc Minh	Cán bộ phòng NCKH & HTQT	Ủy viên
11.	Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Cán bộ Giáo vụ Khoa Kế toán	Ủy viên
12.	ThS. Phạm Văn Minh	Phó Trưởng khoa QTKD kiêm Phó Trưởng phòng ĐT	Ủy viên
13.	Bà Thái Thu Phương	Trưởng phòng HCQT	Ủy viên
14.	Bà Nguyễn Thị Thơm	Cán bộ phòng HCQT	Ủy viên
15.	ThS. Phạm Tố Nga	Giảng viên khoa CNTT	Ủy viên
16.	Ông Lê Ngọc An	Giảng viên khoa CNTT	Ủy viên
17.	ThS. Dương Trọng Châu	Trưởng phòng QLSV	Ủy viên
18.	Ông Chu Hà Chung	Cán bộ phòng KT & ĐBCL	Ủy viên
19.	TS. Đặng Ngọc Hương	Trưởng khoa Ngoại ngữ	Ủy viên
20.	ThS. Trần Thanh Bình	Giảng viên khoa	Ủy viên

		QHCC & TT	
21.	Bà Nguyễn Thị Hương Lê	Trưởng phòng Tài chính – Kế toán	Ủy viên
22.	ThS. Lê Thế Anh	Trưởng khoa Kế toán	Ủy viên

Ấn định danh sách có 22 người

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

1. Nhóm chuyên trách 1: Chuyên trách 1 tiêu chuẩn

Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu của Trường Đại học Đại Nam (2 tiêu chí)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Ghi chú
1	TS. Lê Đắc Sơn	Chủ tịch HĐQT	Chủ trì	
2	Ông Đỗ Quân	Phó CT HĐQT	Thành viên	
3	ThS. Phùng Thị Trung	Phó Trưởng khoa Sau Đại học	Thư ký	

2. Nhóm chuyên trách 2: Chuyên trách 2 tiêu chuẩn

Tiêu chuẩn 3: Chương trình giáo dục (6 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo (7 tiêu chí)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Ghi chú
1	PGS.TS. Phan Trọng Phúc	Hiệu trưởng	Chủ trì	
2	TS. Lê Thị Thanh Hương	Trưởng phòng ĐT	Thành viên	
3	ThS. Nguyễn Ngọc Minh	Cán bộ phòng NCKH và HTQT	Thành viên	
4	Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Cán bộ Giáo vụ khoa Kế toán	Thư ký	

3. Nhóm chuyên trách 3: Chuyên trách 2 tiêu chuẩn

Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý (7 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên (8 tiêu chí)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Ghi chú
1	TS. Lương Cao Đông	Phó Hiệu trưởng	Chủ trì	

2	ThS. Phạm Văn Minh	Phó Trưởng phòng ĐT	Thành viên	
3	Bà Thái Thu Phương	Trưởng phòng HCQT	Thành viên	
4	ThS. Phạm Tố Nga	Giảng viên khoa CNTT	Thành viên	
5	Bà Nguyễn Thị Thơm	Cán bộ phòng HCQT	Thành viên	
6	Ông Lê Ngọc An	Giảng viên Khoa CNTT	Thư ký	

4. Nhóm chuyên trách 4: Chuyên trách 1 tiêu chuẩn

Tiêu chuẩn 6: Người học (9 tiêu chí)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Ghi chú
1	TS. Nguyễn Thị Hương Lan	Phó trưởng Khoa TCNH	Chủ trì	
2	ThS. Dương Trọng Châu	Trưởng Phòng Công tác SV	Thành viên	
3	Ông Chu Hà Chung	Cán bộ phòng KT & ĐBCL	Thư ký	

5. Nhóm chuyên trách 5: Chuyên trách 2 tiêu chuẩn

Tiêu chuẩn 7: NCKH, ứng dụng và chuyển giao công nghệ (7 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 8: Hoạt động hợp tác quốc tế (3 tiêu chí)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Ghi chú
1	ThS. Nguyễn Việt Anh	Phó Hiệu trưởng	Chủ trì	
2	TS. Đặng Ngọc Hương	Trưởng Khoa Ngoại ngữ	Thành viên	
3	ThS. Trần Thanh Bình	Giảng viên Khoa QHCC	Thư ký	

6. Nhóm chuyên trách 6: Chuyên trách 2 tiêu chuẩn

Tiêu chuẩn 9: Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác (9 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 10: Tài chính và quản lý tài chính (3 tiêu chí)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Ghi chú
1	Bà Cao Thị Hòa	Phó Hiệu trưởng	Chủ trì	
2	Bà Nguyễn Thị Hương Lê	Trưởng phòng Tài chính - Kế toán	Thành viên	
3	Bà Thái Thu Phương	Trưởng phòng HCQT	Thành viên	
4	Bà Nguyễn Thị Thơm	Cán bộ phòng HCQT	Thành viên	
5	ThS. Lê Thế Anh	Trưởng Khoa Kế toán	Thư ký	

PHẦN A: GIỚI THIỆU VỀ NHÀ TRƯỜNG

I. Thông tin chung về Nhà trường

1. Tên trường (tên chính thức):

- Tên tiếng Việt: Trường Đại học Đại Nam
- Tên tiếng Anh: Dai Nam University (DNU)

2. Cơ quan/Bộ Chủ quản: Bộ Giáo dục & Đào tạo

3. Địa chỉ trường:

- Cơ sở chính: Số 1, Phố Xóm – Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội
- Cơ sở số 1: 56 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội

4. Thông tin liên hệ:

Điện thoại: (04) 35577799 - Fax: (04) 35578759

Email: dnu@dainam.edu.vn

5. Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập):

Trường Đại học Đại Nam được thành lập ngày 14/11/2007 theo Quyết định số 1535/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ.

6. Loại hình trường: Tư nhân

II. Giới thiệu khái quát về Nhà trường

1. Quá trình hình thành và phát triển

Trường Đại học Đại Nam được thành lập theo Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 14/11/2007 của Thủ tướng chính phủ. Trường là một cơ sở Giáo dục đại học tư thục nằm trong hệ thống Giáo dục quốc dân do Bộ Giáo dục và Đào tạo trực tiếp quản lý. Trường có sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao trong các lĩnh vực Kinh tế; Kỹ thuật- Công nghệ; Y Dược; Khoa học Xã hội- Nhân văn và Ngoại ngữ phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh hội

nhập quốc tế. Ngay từ ngày thành lập, Trường Đại học Đại Nam đã đề ra mục tiêu trở thành một trong những Trường đại học có uy tín trong nước và quốc tế về “Chất lượng đào tạo, đổi mới và phục vụ”.

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Nhà trường nguyên là các nhà giáo của các Trường đại học và các chủ doanh nghiệp trong nước. Đứng đầu là chủ tịch HĐQT - Tiến sỹ Lê Đắc Sơn - nguyên giảng viên Đại học Bách khoa Hà nội (1979-1989), Cựu Nghiên cứu sinh ở Châu Âu (1989-2000), nguyên Tổng giám đốc Ngân hàng VPBank (2001-2009) . Trong những ngày đầu thành lập (2007) Trường có 220 sinh viên hệ Đại học chính quy. Chỉ sau 2 năm thành lập, năm 2010 có 3000 sinh viên, đến năm 2015 là hơn 10.000 sinh viên đã và đang theo học tại trường hệ chính quy với 14 ngành đào tạo Đại học: Tài chính- ngân hàng; Kế toán- Kiểm toán; Quản trị kinh doanh; Luật kinh tế; Quan hệ công chúng- Truyền thông (PR); Công nghệ thông tin; Kỹ sư xây dựng; Kiến trúc; Kỹ thuật Hóa học; Dược sỹ Đại học; Tiếng Anh, Du lịch. Ba ngành đào tạo cao học cấp độ Thạc sỹ: Tài chính – Ngân hàng; Kế toán – kiểm toán, Quản lí Kinh tế.

Trường Đại học Đại Nam xây dựng các Trung tâm thực hành nhằm tạo điều kiện để sinh viên rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp ngay từ khi còn ngồi trên ghế Nhà trường. Phương châm “Học đi đôi với hành”, “Lý luận gắn liền với thực tế” đã phát huy kết quả tốt. Năm 2015 Trường đã có 5 khóa sinh viên tốt nghiệp ra trường với hơn 5000 sinh viên của các ngành đào tạo. Hầu hết các sinh viên ra trường đã có việc làm.

Cho đến nay, Trường có 15 Khoa; 12 Phòng, Ban, Trung tâm, Viện; 14 ngành đào tạo; với 295 cán bộ giảng dạy gồm các giáo sư, phó giáo sư, tiến sỹ và thạc sỹ có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, nhiều người được đào tạo từ nước ngoài như Mỹ, Anh, Australia, Singapore, v.v. và hơn 6000 sinh viên đang theo học các hệ. Trường đang nỗ lực chuẩn bị mọi điều kiện để đào tạo trình độ Thạc sỹ các ngành: Tiếng Anh; Kỹ thuật

Xây dựng, Quản lý kinh tế và trình độ Tiến sỹ ngành Tài chính- Ngân hàng.

Trong những năm qua, trên cơ sở chức năng và nhiệm vụ của mình Nhà trường đã luôn luôn thực hiện tốt mục tiêu: Chất lượng đào tạo đi đôi với đa dạng hóa các loại hình đào tạo, cấp độ và lĩnh vực đào tạo; phấn đấu xây dựng Nhà trường trở thành cơ sở giáo dục đại học có uy tín cao trong nước và quốc tế.

2. Sứ mệnh và tầm nhìn

Ban Lãnh đạo Nhà trường xác định: Sứ mệnh của trường là đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao trong các lĩnh vực kinh tế; kỹ thuật - công nghệ; khoa học xã hội - nhân văn và ngoại ngữ phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Tầm nhìn của nhà trường là đến năm 2020, Trường Đại học Đại Nam đứng trong nhóm 20 các Trường Đại học Việt Nam được xã hội tin nhiệm cao về chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, là Trường Đại học đào tạo đa ngành, đa cấp, đóng góp quan trọng vào sự nghiệp giáo dục - đào tạo và phát triển bền vững của đất nước.

3. Cơ sở vật chất

Trụ sở chính: Tổng diện tích 9,6 ha

Địa chỉ: Số 1 Phố Xóm, Phú Lãm - Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội

Bao gồm các hạng mục công trình sau:

- Phòng làm việc của lãnh đạo Nhà trường và các Khoa, Phòng, Ban trung tâm
- Phòng học lý thuyết: 53 phòng học với diện tích là 11.518 m²
- Các xưởng thực hành: 01 phòng với diện tích là 100 m²
- Phòng học máy tính: 02 phòng với diện tích là 280m²
- Phòng học ngoại ngữ: 02 phòng với diện tích là 280m²

- Thư viện: 01 Trung tâm thư viện với diện tích 340m² với 4000 đầu sách
- Ký túc xá có 144 phòng với tổng diện tích là 5000m²
- Các trung tâm thí nghiệm và thực hành.
- Phòng giáo dục thể chất: 01 phòng với trang thiết bị tập luyện hiện đại, đạt tiêu chuẩn.

Cơ sở số 1: Tổng diện tích 3.950 m²

Địa chỉ: Tòa nhà 6 tầng số 56 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Bao gồm các hạng mục công trình sau:

- Khu làm việc Hiệu bộ
- Phòng học lý thuyết: 16 phòng học với diện tích là 1,600 m²
- Phòng học máy tính: 02 phòng với diện tích là 200m²
- Phòng học ngoại ngữ: 02 phòng với diện tích là 200m²
- Trung tâm thực hành: 01 phòng với diện tích 86m²

4. Đội ngũ giảng viên

Hiện nay, Nhà trường có 295 giáo viên cơ hữu gồm các Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Thạc sĩ tại các lĩnh vực: Kinh tế, Kỹ thuật, Xã hội nhân văn và Y-Dược

Ngoài ra Nhà trường còn mời các giảng viên thỉnh giảng là giảng viên của các trường Đại học, Viện nghiên cứu về giảng dạy, đáp ứng yêu cầu đào tạo đã được đặt ra.

Trường thực hiện đầy đủ các chính sách về đào tạo cán bộ giảng viên, lương và phụ cấp lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho cán bộ giảng viên.

III. Cơ cấu tổ chức

1. Hội đồng Quản trị

Chủ tịch Hội đồng Quản trị: TS. Lê Đắc Sơn

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị: Đỗ Quân

2. Ban Giám hiệu

Hiệu trưởng: PGS. TS. Phan Trọng Phúc

Phó Hiệu trưởng: TS. Phạm Văn Nguyên

Phó Hiệu trưởng: TS. Lương Cao Đông

Phó Hiệu trưởng: Cao Thị Hòa

Phó Hiệu trưởng: NCS.ThS. Nguyễn Việt Anh

Phó Hiệu trưởng: PGS.TS. Nguyễn Thị Bạch Tuyết

3. Các Khoa, Viện, Trung tâm Đào tạo

3.1 Khoa Tài chính- Ngân hàng

ĐT: 0945925900

Email: khoataichinh-nganhang@dainam.edu.vn

3.2 Khoa Kế toán

ĐT: 0904706406

Email: khoaketoan@dainam.edu.vn

3.3 Khoa Quản trị Kinh doanh

ĐT: 0973768322

Email: minhpv@dainam.edu.vn

3.4 Khoa Luật

ĐT: 0923239999

Email: khoaluat@dainam.edu.vn

3.5 Khoa Du lịch

ĐT: 0915682838

Email: khoadulich@dainam.edu.vn

3.6 Khoa Quan hệ công chúng & Truyền thông

ĐT: 0915553699

Email: hunglm@dainam.edu.vn

3.7 Khoa Ngoại ngữ

ĐT: 0942938958

Email: mainndainam@yahoo.com.vn

3.8 Khoa Công nghệ Thông tin

ĐT: 0912519591

Email: pthy84@yahoo.com.vn

3.9 Khoa Xây dựng – Kiến trúc

ĐT: 0913006880

Email: khoaxaydung@dainam.edu.vn

3.10 Khoa Kỹ thuật Hóa học

ĐT: 0466868288

Email: khoakythuathoahoc@dnu.edu.vn

3.11 Khoa Chính trị

ĐT: 0915553699

Email: hunglm@dainam.edu.vn

3.12 Khoa Dược

ĐT: 0983498985

Email: phuongnguyendhd@gmail.com

3.13 Khoa Điều dưỡng

ĐT: 0983498985

Email: khoadieuduong@dainam.edu.vn

3.14 Khoa Quốc tế

ĐT: 0933666989

Email: khoaquocte@dainam.edu.vn

3.15 Viện Đào tạo Sau đại học

ĐT: 0933666989

Email: ducanh6002@yahoo.com.vn

3.16 Viện Đào tạo và Hợp tác quốc tế

ĐT: 0979753886

Email: viendthtqt@dainam.edu.vn

3.17 Viện Hợp tác và Đào tạo VJK

ĐT: 0989956598

Email: vienvjk@dainam.edu.vn

3.18 Trung tâm Đào tạo liên tục ngành Dược

ĐT: 0912818004

Email: ttdtduoc@dainam.edu.vn

3.19 Trung tâm Ngoại ngữ Trường Đại học Đại Nam

ĐT: 0961569572

Email: englishcenter@dainam.edu.vn

3.8 Trung tâm phát triển nguồn nhân lực

ĐT: 0904599959

Email: doanhamc@gmail.com

4. Các Phòng Chức năng

4.1 Phòng Tuyển sinh

ĐT: 0987264888

Email: tuyensinh@dainam.edu.vn

4.2 Phòng Đào tạo

ĐT: 0977993291

Email: lethanhhuong@dainam.edu.vn

4.3 Phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng

ĐT: 0988493374

Email: ktdbcl@dainam.edu.vn

4.4 Phòng Quản lý Sinh viên

ĐT: 0905420750

Email: chaudt@dainam.edu.vn

4.5 Phòng Nghiên cứu Khoa học và Hợp tác Quốc tế

ĐT: 0969914423

Email: p.nckh.htqt@dainam.edu.vn

4.6 Phòng Hành chính - Quản trị

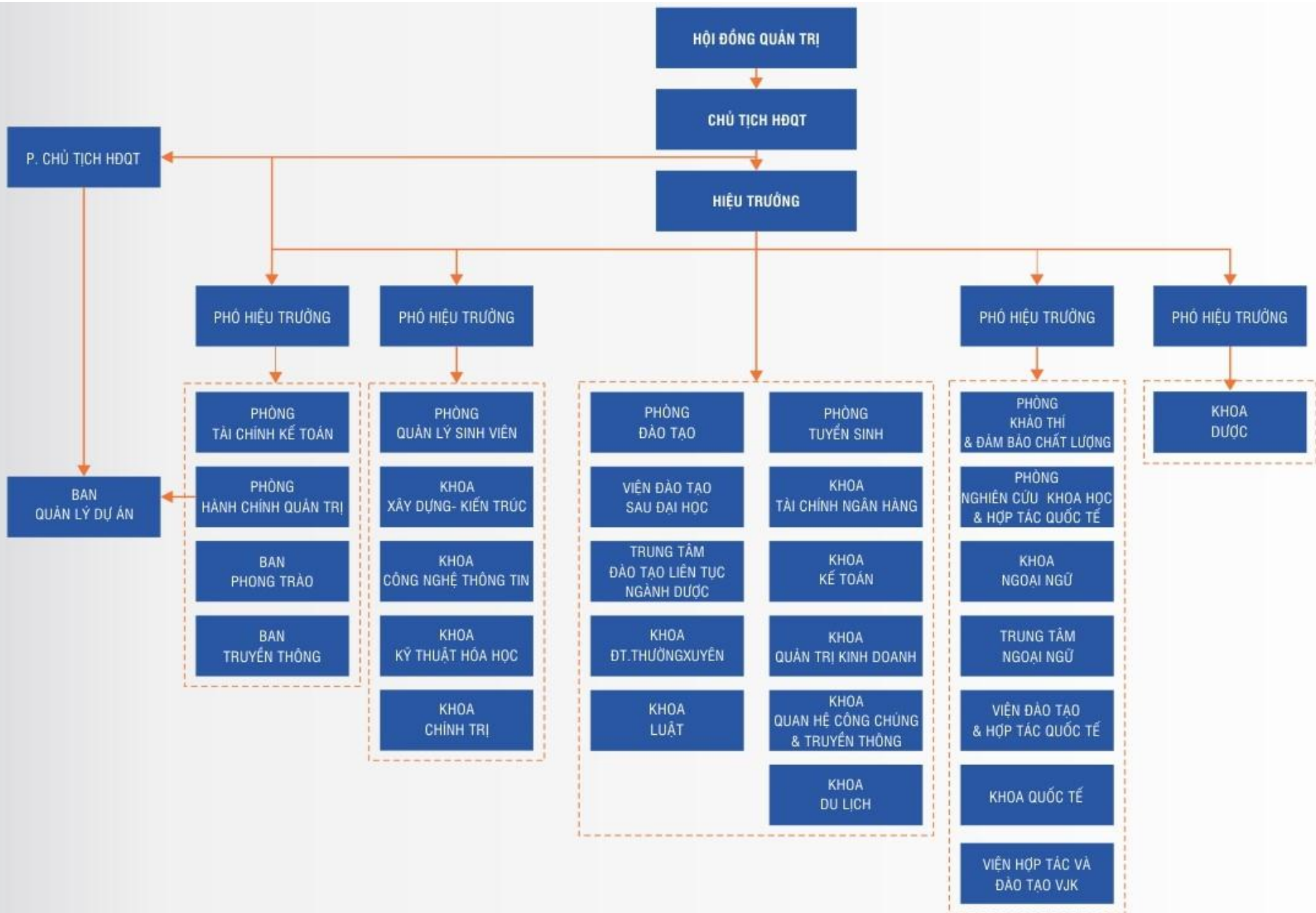
ĐT: 0943254762

Email: phuongtt@dainam.edu.vn

4.7 Phòng Tài chính – Kế toán

ĐT: 01663053073

Email: lenth@dainam.edu.vn



PHẦN B: TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA NHÀ TRƯỜNG

I. Đặt vấn đề

Tự đánh giá chất lượng là một khâu quan trọng trong hoạt động kiểm định chất lượng (KĐCL) đại học. Thực hiện chủ trương của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) về hoạt động kiểm định chất lượng đại học, Trường Đại học Đạo Nam đã nhanh chóng triển khai thực hiện công tác tự đánh giá theo đúng các văn bản hướng dẫn do Bộ GD&ĐT đưa ra. Mục đích của hoạt động tự đánh giá này là tiến hành xem xét, phân tích, đánh giá chất lượng và hiệu quả các hoạt động của Trường Đại học Đạo Nam, bao gồm: đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH), kế hoạch tài chính, tổ chức các bộ, hợp tác quốc tế, công tác sinh viên và các công tác liên quan khác; qua đó, xác định những điểm mạnh, những điểm còn tồn tại cần khắc phục của Nhà trường để có thể đưa ra các giải pháp, kế hoạch hành động phù hợp để nâng cao chất lượng đào tạo của Trường.

Tự đánh giá không chỉ tạo cơ sở cho công tác đánh giá ngoài mà còn thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và dịch vụ xã hội theo chức năng nhiệm vụ được giao và phù hợp với sứ mạng đã được xác định. Qua việc tự đánh giá chất lượng giáo dục theo 10 tiêu chuẩn quy định, Nhà trường đã có dịp:

- Xem xét một cách hệ thống, toàn diện tất cả các mặt hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH), chuyển giao công nghệ (CGCN), hợp tác quốc tế (HTQT); tất cả các nguồn lực: cán bộ giảng dạy (CBGD), cán bộ quản lý (CBQL), nhân viên, sinh viên (SV), nguồn tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị của Trường;

- Tìm ra những điểm mạnh, yếu trong từng mặt hoạt động để từ đó đề ra các kế hoạch hành động.

Qui trình tự đánh giá của Trường

(1) Thành lập Hội đồng tự đánh giá và các nhóm chuyên trách (ngày thành lập: 05/11/2015), mỗi nhóm chịu trách nhiệm thu thập minh chứng, viết báo cáo theo từng tiêu chuẩn liên quan

(2) Triển khai phổ biến chủ trương của Nhà trường tới toàn thể lãnh đạo các đơn vị và CBVC trong Trường.

(3) Lập kế hoạch tự đánh giá

(4) Thu thập thông tin và minh chứng

(5) Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được

(6) Viết báo cáo tự đánh giá

(7) Họp hội đồng tự đánh giá để thống nhất nội dung trong bản báo cáo tự đánh giá của Trường.

Thực hiện hoạt động tự đánh giá, Nhà trường đã phổ biến rộng rãi chủ trương của Bộ GD&ĐT về hoạt động này, đồng thời, tổ chức các lớp tập huấn công tác tự đánh giá do các chuyên gia từ Bộ trực tiếp giảng dạy để giúp các cán bộ, giảng viên tham gia dự án nắm rõ hơn về phương thức thực hiện đánh giá. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng chính thức thành lập Hội đồng Tự đánh giá Chất lượng Đại học; Ban Thư kí và các nhóm đề tài chuyên trách. Mười tiêu chuẩn đánh giá chất lượng được lãnh đạo Nhà trường phân bổ về 6 nhóm chuyên trách. Theo đó, mỗi nhóm đề tài có trách nhiệm thu thập và mã hóa minh chứng, xử lý thông tin qua văn bản lưu trữ, khảo sát giảng viên, sinh viên, cán bộ quản lí và viết báo cáo tự đánh giá các tiêu chuẩn, tiêu chí được phân công theo đúng lịch trình ban hành. Trên cơ sở các quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Hiệu trưởng, trong quá trình thực hiện tự đánh giá, Nhà trường đã tổ chức các buổi họp định kỳ để tổng kết, đánh giá, góp ý để hoàn thiện các báo cáo đánh giá. Ban Thư kí có trách nhiệm tổng hợp và biên tập báo cáo của các nhóm thành văn bản đề trình Hội đồng tự đánh giá. Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ, Hội đồng tổ chức đánh giá theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí và hoàn thiện văn bản gửi về Cục Khảo thí và Kiểm định Chất lượng Giáo dục.

II. Tổng quan chung

Mở đầu

Trường Đại học Đại Nam được thành lập theo Quyết định số 1535/QĐ - TTg ngày 14/11/2007 của Thủ tướng chính phủ. Trường là một cơ sở Giáo dục

đại học tư thục nằm trong hệ thống Giáo dục quốc dân do Bộ Giáo dục và Đào tạo trực tiếp quản lý. Trường có sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao trong các lĩnh vực Kinh tế; Kỹ thuật- Công nghệ; Y Dược; Khoa học Xã hội- Nhân văn và Ngoại ngữ phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Ngay từ ngày thành lập, Trường Đại học Đại Nam đã đề ra mục tiêu trở thành một trong những Trường Đại học có uy tín trong nước và quốc tế về “Chất lượng đào tạo, đổi mới và phục vụ”.

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Nhà trường nguyên là các nhà giáo của các Trường đại học và các chủ doanh nghiệp trong nước. Đứng đầu là chủ tịch HĐQT - Tiến sỹ Lê Đắc Sơn - nguyên giảng viên Đại học Bách khoa Hà nội (1979-1989), Cựu Nghiên cứu sinh ở Châu Âu (1989-2000), nguyên Tổng giám đốc Ngân hàng VPBank (2001-2009).

Trong những ngày đầu thành lập (2007) Trường có 220 sinh viên hệ Đại học chính quy. Chỉ sau 2 năm thành lập, năm 2010 quy mô đào tạo của Trường đã đạt 3000 sinh viên, đến năm 2015 – 2016 đã có hơn 15.000 sinh viên đã và đang theo học tại trường hệ chính quy với 14 ngành đào tạo Đại học: Tài chính Doanh nghiệp - Ngân hàng Thương mại; Kế toán; Quản trị kinh doanh; Luật kinh tế; Quan hệ công chúng- Truyền thông (PR); Công nghệ thông tin; Kỹ sư xây dựng; Kiến trúc; Kỹ thuật Hóa học; Dược sỹ Đại học; Tiếng Anh Thương mại, Tiếng Anh Biên – Phiên dịch, Quản trị Dịch vụ Du lịch & Lữ hành. Ba ngành đào tạo cao học cấp độ Thạc sỹ: Tài chính – Ngân hàng; Kế toán – kiểm toán, Quản lí Kinh tế.

Trường Đại học Đại Nam xây dựng các Trung tâm thực hành nhằm tạo điều kiện để sinh viên rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp ngay từ khi còn ngồi trên ghế Nhà trường. Phương châm “**Học đi đôi với hành**”, “**Lý luận gắn liền với thực tế**” đã phát huy kết quả tốt. Năm 2015 Trường đã có 5 khóa sinh viên tốt nghiệp ra trường với hơn 5000 sinh viên của các ngành đào tạo. Hầu hết các sinh viên ra trường đã có việc làm.

Cho đến nay, Trường có 15 Khoa; 12 Phòng, Ban, Trung tâm, Viện; với 295 cán bộ giảng dạy gồm các giáo sư, phó giáo sư, tiến sỹ và thạc sỹ có trình

độ chuyên môn nghiệp vụ cao, nhiều người được đào tạo từ nước ngoài như Mỹ, Anh, Australia, Singapore, v.v. và gồm 10.000 sinh viên đang theo học các hệ. Trường đang nỗ lực chuẩn bị mọi điều kiện để xin Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo trình độ Thạc sỹ các ngành: Tiếng Anh; Kỹ thuật Xây dựng, Tiếng Nhật; Điều dưỡng và trình độ Tiến sỹ ngành Tài chính - Ngân hàng.

Trường Đại học Đại Nam đặc biệt quan tâm tới công tác nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế. Hoạt động nghiên cứu khoa học - công nghệ là một trong những nhiệm vụ chính của Nhà trường. Hàng năm Trường đều tổ chức các Hội thảo khoa học các cấp, các Hội nghị khoa học sinh viên, giảng viên, và các buổi trình giảng của các giảng viên trẻ.

Về Hợp tác quốc tế, Trường đã và đang đẩy mạnh xúc tiến hợp tác giáo dục, đào tạo với các cơ sở trên khắp thế giới. Trong số đó có thể kể đến một số chương trình tiêu biểu như chương trình chuyển đổi tín chỉ 2 năm tại Việt Nam, 2 năm tại nước ngoài với các Trường đại học Saxion (Hà Lan), Đại học Charles Sturt (Australia) và Đại học Worcester (Anh); Trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép liên kết đào tạo với Trường Stamford Raffles (Singapore); Chương trình trao đổi sinh viên với Đại học Khoa học Công nghệ Nam Đài Loan...

Trong những năm qua, Nhà trường không ngừng nỗ lực nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời cung cấp nhiều loại hình đào tạo khác nhau để đáp ứng tốt nhất nhu cầu người học. Qua đó, xây dựng Nhà trường trở thành một cơ sở đào tạo uy tín trong và ngoài nước.

TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TỪNG TIÊU CHUẨN/TIÊU CHÍ

TIÊU CHUẨN 1: SỨ MẠNG VÀ MỤC TIÊU CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM

Sứ mạng và mục tiêu của Trường Đại học Đại Nam được xác định gắn liền với chức năng, nhiệm vụ của Trường được Nhà nước giao phó: “Là cơ sở đào tạo đại học và nghiên cứu loại hình đào tạo tại chỗ đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của xã hội, góp phần tăng tiềm lực khoa học kỹ thuật cho đất nước”. Sứ mạng của nhà trường đã chính thức được công bố năm 2012 như sau: “Là cơ sở đào tạo đại học đa ngành, đa cấp độ, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu xã hội trong bối cảnh hội nhập khu vực và thế giới ngày càng sâu rộng”.

Trong công cuộc đổi mới nền kinh tế, đặc biệt là trong bối cảnh hội nhập ngày càng sâu rộng và đa chiều, Việt Nam ta đứng trước một thách thức có tính lịch sử: vừa chống nguy cơ tụt lại so với các đối tác, vừa phải tăng tốc phát triển để trong một khoảng thời gian không dài có thể rút ngắn và bắt kịp trình độ phát triển đa số các nước trong khu vực và quốc tế. Để đạt được điều đó, việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có ý nghĩa hết sức quan trọng; có nghĩa là cần mở rộng ngành nghề đào tạo, các hệ đào tạo và các cấp độ đào tạo để tạo điều kiện rộng rãi cho đội ngũ những người đang trong độ tuổi lao động được tiếp cận các cơ hội giáo dục đào tạo, nâng cao kiến thức thực tiễn và có khả năng làm việc với yêu cầu thực tế của công việc.

Vì vậy, mục tiêu đào tạo của Trường trong từng giai đoạn luôn bám sát chức năng, nhiệm vụ đã được Nhà nước giao phó, đồng thời gắn với các định hướng chiến lược của Đảng và nhà nước về giáo dục đào tạo. Mục tiêu chung của Trường là đa dạng hóa các loại hình đào tạo, cấp độ đào tạo, phát triển quy mô đào tạo gắn với chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

Sứ mạng và mục tiêu của Trường gắn liền với chức năng, nhiệm vụ nhà trường và các định hướng chiến lược phát triển về giáo dục đào tạo của Đảng, Nhà nước và đã được chính thức công khai hóa với toàn xã hội.

Trong năm 2012, Trường tổ chức giới thiệu và quảng bá sứ mạng và mục tiêu của Trường Đại học Đại Nam với toàn xã hội dưới các hình thức đa dạng hơn (trên Website, các trang thông tin nội bộ của Trường, thông tin đào tạo, tổ chức tuyên truyền tại các đợt sinh hoạt tập thể của nhà trường...).

Tiêu chí 1.1: Sứ mạng của trường đại học được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của nhà trường; phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của địa phương và cả nước.

1. Mô tả

Trường Đại học Đại Nam thành lập từ năm 2007 theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, có chức năng và nhiệm vụ: “Là cơ sở đào tạo đại học và nghiên cứu loại hình đào tạo tại chỗ đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của xã hội, góp phần tăng tiềm lực khoa học kỹ thuật cho đất nước” (H1.1.1.1). Chức năng và nhiệm vụ này của Trường Đại học Đại Nam được ghi nhận tại các tài liệu giới thiệu về nhà trường, tài liệu giới thiệu về các Khoa, Phòng, Trung tâm, Viện trong trường (H1.1.1.2), chiến lược phát triển của Trường Đại học Đại Nam (H1.1.1.3) và được công bố rộng rãi đến sinh viên thông qua các cuốn “Thông tin đào tạo” (H1.1.1.4) “Cẩm nang sinh viên” (H1.1.1.5).

Năm 2012, Trường Đại học Đại Nam đã chính thức công khai sứ mạng của nhà trường: “Là cơ sở đào tạo đại học đa ngành, đa cấp độ, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu xã hội trong bối cảnh hội nhập khu vực và thế giới ngày càng sâu rộng” (H1.1.1.6). Đây là cơ sở vững chắc cho các hoạt động của nhà trường trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ đã được Nhà nước giao phó.

Để phù hợp với sứ mạng đặt ra, trường Đại học Đại Nam đã chủ trì 01 đề tài cấp Nhà nước, 02 đề tài cấp Bộ (trong đó 01 đề tài về đổi mới phương pháp giảng dạy tại các trường đại học ngoài công lập), nhiều đề tài cấp cơ sở phục vụ thiết thực cho công tác đổi mới phương pháp đào tạo đáp ứng yêu cầu xã hội trong bối cảnh hội nhập khu vực và thế giới ngày càng sâu rộng (H1.1.1.6).

2. Những điểm mạnh

Sứ mạng của Trường Đại học Đại Nam đã được xác định rõ ràng, phù hợp với đường lối phát triển giáo dục của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn mới. Đồng thời, sứ mạng của nhà trường cũng được xác định phù hợp với định hướng phát triển Trường Đại học Đại Nam cũng như gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

3. Những tồn tại

Sứ mạng của Trường Đại học Đại Nam mới được công bố gần đây, vì vậy, vẫn còn một bộ phận trong xã hội chưa hiểu biết về sứ mạng và mục tiêu của Trường Đại học Đại Nam.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2016 - 2017, triển khai một cách có hệ thống việc tuyên truyền sứ mạng của Trường Đại học Đại Nam, giới thiệu và quảng bá với toàn thể toàn xã hội dưới nhiều hình thức khác nhau (trên website, các trang thông tin nội bộ, trong các sinh hoạt tập thể của trường).

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 1.2: Mục tiêu của trường đại học được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục và sứ mạng đã tuyên bố của nhà trường; được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và được triển khai thực hiện.

1. Mô tả

Giai đoạn 2007 - 2012, Trường Đại học Đại Nam đã đặt ra mục tiêu là đa dạng hóa ngành nghề đào tạo, loại hình đào tạo. Nhà trường đã thực hiện làm các đề án xin Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép mở các ngành đào tạo (Các chương trình đào tạo bậc Đại học (Đại học, Cao đẳng) đã được xây dựng, hoàn thiện H1.1.2.1).

Giai đoạn 2012 - 2015 Trường Đại học Đại Nam xác định mục tiêu: Là cơ sở giáo dục đại học đào tạo đội ngũ nhân lực chủ yếu theo hướng ứng dụng (H1.1.2.2). Quy mô đào tạo của các chương trình đào tạo định hướng ứng dụng trình độ đại học, thạc sĩ chiếm ít tỷ lệ lớn nhất trong tổng quy mô đào tạo của nhà trường.

So với giai đoạn 2007 - 2012, việc xác định và thực hiện mục tiêu đã đề ra trong giai đoạn này đã đánh dấu một bước tiến mới trong hoạt động đào tạo của Trường, chuẩn hóa qui trình quản lý đào tạo, từng bước đáp ứng linh hoạt nhu cầu thị trường lao động của thực tiễn trong điều kiện hội nhập quốc tế. Trong giai đoạn này, Trường Đại học Đại Nam đã xây dựng kế hoạch và tập trung thực hiện mục tiêu: Tiếp tục triển khai đa dạng hóa chương trình đào tạo và loại hình đào tạo trên cơ sở áp dụng phương tiện kỹ thuật và công nghệ truyền thông hiện đại; Phát triển qui mô đào tạo một cách hợp lý, vừa đảm bảo nâng cao chất lượng đào tạo, vừa củng cố và phát triển các điều kiện về đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị.

Mục tiêu cụ thể hàng năm của Trường Đại học Đại Nam thường xuyên được điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với đặc điểm tình hình và sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước thông qua việc cập nhật các chương trình đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy, áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, chú trọng và thiết kế lượng kiến thức tiếng Anh nhiều, các học phần có kiến thức về kỹ năng chuyên ngành.

2. Những điểm mạnh

Mục tiêu chung và mục tiêu ngắn hạn của Trường Đại học Đại Nam được xây dựng phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học qui định tại Luật giáo dục và phù hợp với sứ mạng đã tuyên bố của nhà trường, phù hợp với yêu cầu của thực tiễn trong từng giai đoạn cụ thể.

3. Những tồn tại

Mục tiêu giáo dục của nhà trường chưa được phổ biến và quán triệt đến tất cả các giáo viên thỉnh giảng, các cộng tác viên và từng sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016- 2017, Trường tổ chức tuyên truyền rộng rãi mục tiêu chiến lược, mục tiêu ngắn hạn đến toàn thể các cán bộ, giáo viên và người học.

5. Tự đánh giá: Đạt

KẾT LUẬN

Trường Đại học Đại Nam đã xác định sứ mạng nhà trường rõ ràng, phù hợp với đường lối phát triển giáo dục của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn mới. Đồng thời, sứ mạng của nhà trường cũng được xác định phù hợp với định hướng phát triển Trường Đại học Đại Nam cũng như gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước. Trường đã đặt ra các mục tiêu chung và mục tiêu ngắn hạn phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật giáo dục và sứ mạng đã tuyên bố của nhà trường, phù hợp với yêu cầu của thực tiễn trong từng giai đoạn cụ thể. Tuy nhiên, do là một trường đại học mới, sứ mạng và mục tiêu của trường chưa được biết đến rộng rãi trong xã hội như các trường đã ra đời trước đây. Vì vậy, trong các năm học tới, trường sẽ tổ chức tuyên truyền rộng rãi sứ mạng, các mục tiêu chiến lược của trường tới xã hội cũng như toàn thể các cán bộ, giáo viên và người học.

Kết quả: 2/2 tiêu chí đạt

TIÊU CHUẨN 2: TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

Trường Đại học Đại Nam được tổ chức và hoạt động theo Quy định của Điều lệ trường đại học và Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đại Nam. Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận, cá nhân cán bộ, giảng viên, nhân viên được cụ thể hóa bằng các văn bản, được triển khai và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Các kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn được xây dựng để thực hiện các mục tiêu

Hệ thống văn bản về tổ chức quản lý các mặt công tác của trường được cập nhật và xây dựng và đổi mới theo xu hướng nhằm phục vụ có hiệu quả hoạt động quản lý của nhà trường.

Tiêu chí 2.1. Cơ cấu tổ chức của trường đại học được thực hiện theo quy định của Điều lệ trường đại học và các quy định khác của pháp luật có liên quan, được cụ thể hóa trong quy chế về tổ chức và hoạt động của nhà trường.

1. Mô tả

Trường Đại học Đại Nam được tổ chức và hoạt động theo Quy định của Điều lệ trường đại học và Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đại Nam (H2.2.1.1).

Cơ cấu tổ chức của nhà trường hợp lý, rõ ràng được thực hiện theo đúng quy định của Luật giáo dục đại học và Điều lệ trường đại học, phù hợp với đặc thù của một trường Đại học ngoài công lập. Hội đồng quản trị gồm 06 thành viên, trong đó bầu thành công 01 Chủ tịch HĐQT đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo có quyết định công nhận. Ban Kiểm soát cũng được thành lập nhằm kiểm soát chặt chẽ các hoạt động của Hội đồng Quản trị nhằm đảm bảo công khai, minh bạch trong công tác quản lý (H2.2.1.2). Cơ cấu tổ chức của nhà trường đã được cụ thể hóa trong quy chế hoạt động (H2.2.1.1).

Qua 9 năm xây dựng và phát triển, hiện tại Ban Giám hiệu gồm 01 Hiệu trưởng và 04 Phó Hiệu trưởng, 7 phòng, 14 khoa, 2 trung tâm. Mối quan hệ giữa

Ban Giám hiệu với các đơn vị phòng ban được thể hiện qua sơ đồ cơ cấu tổ chức của nhà trường (H2.2.1.3). Cũng theo đó, việc điều hành, quản lý, phân công công việc được đồng bộ, khoa học. Các đơn vị đều có chức năng, nhiệm vụ phù hợp với hoạt động của nhà trường (H2.2.1.4).

Cơ cấu tổ chức của trường thường xuyên được điều chỉnh. Việc thành lập, sáp nhập, đổi tên các đơn vị phòng ban đòi hỏi phù hợp với thực tế phát triển của nhà trường (H2.2.1.5).

2. Điểm mạnh

- Cơ cấu tổ chức hợp lý, rõ ràng, đúng quy định, phù hợp với thực tế phát triển của nhà trường.

- Việc phân cấp quyền hạn, trách nhiệm của các đơn vị rõ ràng, thuận tiện công tác quản lý và điều hành.

3. Tồn tại:

- Một số hoạt động của các đơn vị mới thành lập (VD: phòng Tuyển sinh) chưa thực sự hòa nhập với các đơn vị và bộ máy đã có của nhà trường.

4. Kế hoạch hành động:

- Trong quý 1 năm 2017, nhà trường sẽ xây dựng và ban hành các quy định về hoạt động phối hợp giữa các đơn vị mới với các đơn vị khác để tạo sự hanh thông trong mọi hoạt động của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.2. Có hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động của trường.

1. Mô tả

- Căn cứ theo Quy chế tổ chức và hoạt động, Trường đã tiến hành xây dựng hệ thống văn bản về tổ chức và quản lý cho các hoạt động tương đối đầy đủ và khoa học: Các văn bản về công tác Đào tạo và nghiên cứu khoa học (H2.2.2.1), các văn bản về công tác quản lý tài chính (H2.2.2.2), các văn bản về công tác quản lý hành chính (H2.2.2.3), các văn bản về quản lý nhân sự, tiền lương (H2.2.2.4), các văn bản về công tác sinh viên và giáo viên chủ nhiệm (H2.2.2.5); các văn bản thành lập đơn vị, quy định chức năng nhiệm vụ các đơn vị trong nhà trường (H2.2.1.4); các văn bản về công tác đánh giá và tiêu chí đánh giá cán bộ, giảng viên, nhân viên (H2.2.2.6)...

Ngoài ra, nhà trường đã xây dựng và ban hành quy định Quản lý Nội bộ nhằm tổng hợp và chi tiết tất cả các quy định, quy trình thực hiện các công việc liên quan đến các lĩnh vực hoạt động (H2.2.2.7). Đối với sinh viên, nhà trường đã và đang hoàn thiện sơ thảo và ban hành Cẩm nang sinh viên nhằm giúp các em hiểu rõ nhất quy định của nhà trường về công tác đào tạo và quản lý sinh viên (H2.2.2.8).

Hệ thống văn bản của nhà trường được phổ biến rộng rãi đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên, sinh viên bằng nhiều hình thức: Họp giao ban lãnh đạo hàng tháng, gửi qua hòm thư điện tử, trên website trường và gửi văn bản giấy.

Định kỳ hàng tháng, nhà trường tổ chức họp giao ban (thành phần gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Ban Giám hiệu và Lãnh đạo các đơn vị) để báo cáo tình hình thực hiện công việc đã thực hiện tháng trước và kế hoạch, phân công công việc tháng tiếp theo. Nội dung cuộc họp được ban hành thành văn bản và gửi về tất cả các đơn vị trong trường (H2.2.2.9).

Hiện nay, tất cả các đơn vị trong trường đều có máy tính nối mạng, hệ thống wifi hoạt động tối đa nên việc phát hành văn bản qua hệ thống thư điện tử đạt hiệu quả cao.

Cuối mỗi năm học, nhà trường ban hành văn bản hướng dẫn viết báo cáo để tổng kết, đánh giá mức độ hoàn thành công việc và đặt ra nhiệm vụ, mục tiêu cho năm học tiếp theo. Trên cơ sở thực hiện công việc và hiệu quả hoạt động, các đơn vị tổ chức bình xét danh hiệu thi đua đối với đơn vị và cá nhân (H2.2.2.10).

2. Điểm mạnh

- Nhà trường ban hành hệ thống văn bản tổ chức, quản lý kèm theo quy trình hướng dẫn rõ ràng, không chồng chéo và phổ biến thông tin bằng nhiều kênh thông tin, do đó việc tiếp nhận thông tin đạt mức tối đa. Thực hiện dân chủ trong quá trình xây dựng văn bản

- Hệ thống website, các trang thông tin điện tử của nhà trường hoạt động hiệu quả nên việc tiếp cận thông tin của cán bộ, giảng viên, sinh viên đạt hiệu suất cao.

3. Tồn tại

- Văn bản chưa được lưu trữ dưới dạng điện tử.

4. Kế hoạch hành động

- Trong năm 2017 nhà trường sẽ tổ chức xây dựng hệ thống phần mềm quản lý văn bản điện tử, tiến tới sử dụng chữ ký điện tử trong việc ban hành, giải quyết và lưu trữ văn bản trong những năm tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.3. Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý và nhân viên được phân định rõ ràng.

1. Mô tả

Tính đến ngày 31/12/2015, trường Đại học Đại Nam có 23 đơn vị trong đó có 14 khoa, 7 phòng, 2 trung tâm hoạt động (H2.2.1.2). Mỗi đơn vị đều có quy định về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động rõ ràng (H2.2.1.4).

Trên cơ sở quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, nhà trường ban hành quy định chung nhằm đảm bảo các cá nhân thực hiện nghiêm túc quy định của nhà trường như Nội quy lao động (H2.2.3.1), Đối với lao động mới tuyển dụng, các cá nhân đã xác định rõ công việc ngay quy định về tuyển dụng và ký kết hợp đồng lao động (H2.2.3.2), Quy định về chế độ đối với công tác giảng dạy(H2.2.3.3)...

Nhà trường ban hành văn bản phân định rõ ràng trách nhiệm, quyền hạn của tập thể lãnh đạo và các cá nhân: Quyết định phân công nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Giám hiệu (H2.2.3.4), Trong các đơn vị cũng được chia thành từng mảng công việc, việc phân công công việc được thực hiện nội bộ và do Lãnh đạo đơn vị phân công (H2.2.3.5)

Ngoài việc phân định rõ ràng nội dung các công việc, nhà trường còn ban hành các quy định nhằm phối hợp thực hiện giữa các đơn vị phòng ban để không bị chồng chéo trong công tác đào tạo, giảng dạy (H2.2.2.7), công tác đào tạo giảng viên tập sự (H2.2.3.6).

Để rút kinh nghiệm sau khi thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ nhà trường đề ra, cuối mỗi năm học, nhà trường tổ chức công tác đánh giá, khen thưởng. Các cá nhân thực hiện công tác đánh giá qua các tiêu chí đã được ban hành (H2.2.2.6), các đơn vị thực hiện công tác báo cáo để tổng kết thực hiện công việc của đơn vị và bình xét cá nhân tiêu biểu. Trên cơ sở đó, nhà trường tổ chức Họp tổng kết các công tác của trường, triển khai công tác năm học mới và khen

thường cho tập thể, cá nhân đạt thành tích hoàn thành tốt công việc trong năm học (H2.2.3.7).

2. Điểm mạnh

- Các văn bản quy định về các mặt hoạt động quản lý, đào tạo, nghiên cứu khoa học... rõ ràng, cụ thể, phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn của tập thể, cá nhân.

- Thực hiện công tác dân chủ trong quá trình ban hành và thực hiện công việc nhằm tạo tính thống nhất, chặt chẽ và thực thi hiệu quả hiệu lực văn bản

3. Tồn tại

- Sự phối hợp công tác giữa các đơn vị, cá nhân còn hạn chế ở một số hoạt động cần có sự tham gia của nhiều đơn vị.

4. Kế hoạch hành động

- Trong quý 1 năm 2017, nhà trường hoàn thiện xây dựng các văn bản phối hợp thực hiện giữa các đơn vị, xây dựng quy trình thực hiện công việc rõ ràng trong năm học tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.4. Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong trường đại học hoạt động hiệu quả và hàng năm được đánh giá tốt; các hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể thực hiện theo quy định của pháp luật

1. Mô tả

Hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể của nhà trường được thực hiện theo quy định của Pháp luật. Chi bộ thực hiện chức năng lãnh đạo theo Điều lệ Đảng và các quy định của Ban Bí thư Đảng. Các tổ chức đoàn thể hoạt động theo đúng quy định của Hiến pháp, pháp luật, điều lệ trường đại học và các điều lệ của tổ chức, đoàn thể. Tất cả các tổ chức đoàn thể đã phát huy trách nhiệm cùng nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục (H2.2.4.1).

Chi bộ trường Đại học Đại Nam luôn giữ vai trò lãnh đạo chính quyền và các tổ chức đoàn thể trong trường, luôn là Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ (H2.2.4.2). Tổ chức Đảng và các đoàn thể luôn là trung tâm của sự đoàn kết và tập hợp đông đảo cán bộ, giảng viên, nhân viên và người lao động tham gia sinh hoạt và duy trì hoạt động nề nếp theo quy định. Chi bộ trường không ngừng phát triển về số lượng và chất lượng Đảng viên, là hạt nhân cho mọi hoạt động của trường và tạo mọi điều kiện phát huy tính chủ động sáng tạo của Đảng viên và quần chúng. Năm 2015, Chi bộ đã kết nạp được 10 đảng viên là sinh viên và 02 đảng viên là cán bộ trẻ (H2.2.4.3).

Tổ chức Công đoàn đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình để bảo vệ quyền lợi chính đáng của đoàn viên, hội viên (H2.2.4.4) (H2.2.4.5). Công đoàn trường và các công đoàn bộ phận đã làm tốt chức năng, nhiệm vụ được giao. Công đoàn luôn quan tâm đến các công tác chính trị cũng như các hoạt động phong trào của công đoàn viên, đồng thời tham mưu cho lãnh đạo Trường việc nâng cao chất lượng đời sống và tinh thần của công đoàn viên. Kết quả hoạt động công đoàn được thể hiện qua báo cáo tổng kết công đoàn.

Đoàn TNCSHCM của trường đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của tổ chức Đoàn và tổ chức Hội trong trường đại học, giữ vai trò nòng cốt trong các

phong trào thi đua học tập và rèn luyện của sinh viên toàn trường và thu hút đông đảo sinh viên tham gia.

Đoàn trường và Hội sinh viên đã thành lập các câu lạc bộ nhằm tạo sân chơi cho các em giao lưu, học tập: Câu lạc bộ Khởi nghiệp, Câu lạc bộ tiếng Anh, Câu lạc bộ Cầu lông, Câu lạc bộ Ghita (H2.2.4.7) ... Đoàn thanh niên thường xuyên tổ chức các hoạt động bổ ích, đem lại hiệu quả thiết thực trong việc nâng cao tinh thần, ý thức trách nhiệm của đoàn viên, góp phần thực hiện tốt mục tiêu đào tạo của nhà trường. Cụ thể là tổ chức thành công cuộc thi Khởi nghiệp cùng Đại Nam năm 2015 và 2016, tham gia và đạt giải 3 khu vực phía bắc Cuộc thi Olympic tiếng Anh khối không chuyên năm 2014 (H2.2.4.8) ...

Phong trào Giảng đường xanh, chương trình “Tấm bánh nghĩa tình” với việc tổ chức gói và tặng hàng ngàn chiếc bánh chưng đến những người có hoàn cảnh khó khăn vào dịp cuối năm hàng năm đã tạo được sự quan tâm và hoan nghênh rất lớn từ cộng đồng; phong trào nhặt rác, làm sạch cảnh quan Hồ Tây, Hồ Gươm là hoạt động diễn thường niên vào chủ nhật hàng tuần đã và đang được cán bộ, giảng viên, sinh viên nhà trường thực hiện thường xuyên giúp hình thành văn hóa Đại Nam (H2.2.4.9)

2. Điểm mạnh

Hoạt động của Đảng bộ và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường đã thực hiện đúng Điều lệ quy định, có sự tham gia đông đảo và nhiệt tình của cán bộ, giảng viên và sinh viên. Các Đảng viên trong Chi bộ đoàn kết nhất trí trong mọi hoạt động của nhà trường. Chi bộ đã lãnh đạo các đoàn thể tổ chức nhiều hoạt động tích cực và hiệu quả trong việc thực hiện mục tiêu và sứ mạng của trường.

3. Tồn tại:

- Các tổ chức đoàn thể trong trường còn chưa chủ động được kinh phí hoạt động, phụ thuộc nhiều vào kinh phí chung của trường.

- Phương thức hoạt động của các tổ chức Công đoàn chưa phong phú

4. Kế hoạch hành động:

- Từ năm học 2016 – 2017, các tổ chức đoàn thể trong trường chủ động đề ra kế hoạch hành động thiết thực và tìm kiếm thêm các nguồn hỗ trợ kinh phí ngoài ngân sách của trường;

- Đầu năm học 2016 – 2017 Công đoàn trường và Đoàn thanh niên sẽ xây dựng kế hoạch cụ thể trong năm học nhằm đổi mới phương thức hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu của sinh viên, cán bộ giảng viên trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.5. Có tổ chức đảm bảo chất lượng giáo dục đại học, bao gồm trung tâm hoặc bộ phận chuyên trách; có đội ngũ cán bộ có năng lực để triển khai các hoạt động đánh giá nhằm duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường

1. Mô tả

Nhằm đảm bảo thực hiện chuyên trách công tác đo lường đánh giá kết quả đào tạo và đảm bảo chất lượng, nhà trường đã chính thức thành lập Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng từ năm 2010 (nay là phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng). Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng được quy định rõ ràng về quy chế tổ chức hoạt động, chức năng, nhiệm vụ: Là đơn vị tham mưu cho Hội đồng quản trị, Ban Giám hiệu về công tác Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động tự đánh giá và khảo thí trong phạm vi toàn trường nhằm không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo (H2.2.5.1).

Từ khi thành lập đến nay, phòng đã liên tục xây dựng và triển khai các công việc liên quan đến công tác đảm bảo chất lượng giáo dục của trường: Xây dựng quy định và tổ chức thực hiện đánh giá công tác của Lãnh đạo và cán bộ, nhân viên theo năm học, tổ chức khảo sát ý kiến của người học về công tác giáo viên chủ nhiệm, công tác giảng dạy của giảng viên(H2.2.5.2)... Năm 2015, phòng tham mưu thành lập Hội đồng tự đánh giá, thành lập các nhóm chuyên trách viết báo cáo, tổ chức mời chuyên gia tập huấn cho các nhóm chuyên trách và dự kiến hoàn thành báo cáo tự đánh giá kiểm định chất lượng theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2016 (H2.2.5.3).

Đội ngũ cán bộ của Phòng hiện có 05 cán bộ trong đó có 2 cán bộ chuyên trách về đảm bảo chất lượng, là những cán bộ có năng lực, có khả năng tham mưu, triển khai tổ chức các hoạt động đánh giá, đảm bảo chất lượng giáo dục, cán bộ của phòng được tham dự nhiều lớp tập huấn về đảm bảo chất lượng do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Cục Khảo thí và Đảm bảo chất lượng tổ chức(H2.2.5.4), (H2.2.5.5).

2. Điểm mạnh

- Trường đã thành lập phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục với đội ngũ có năng lực và được tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ công tác đảm bảo chất lượng giáo dục đại học.

- Các hoạt động tổ chức đánh giá, khảo sát ý kiến của sinh viên, cán bộ, giảng viên thực hiện định kỳ hàng năm, chuyên nghiệp, đạt kết quả cao.

3. Tồn tại

- Đội ngũ cán bộ thực hiện công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng chưa được đào tạo đúng trình độ chuyên môn, việc tham gia tập huấn các lớp nghiệp vụ còn hạn chế. Chưa có cán bộ được đào tạo bài bản về kiểm định chất lượng giáo dục.

- Công tác đảm bảo chất lượng chưa được triển khai rộng, sâu trong các hoạt động của nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

- Từ năm 2017, tăng cường cho đội ngũ cán bộ khảo thí và đảm bảo chất lượng đi bồi dưỡng chuyên môn, tham gia các lớp tập huấn do Bộ, Ngành tổ chức.

- Từ năm 2017, tiến hành triển khai mạng lưới hoạt động đảm bảo chất lượng trong nhà trường trên các mặt hoạt động.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.6. Có các chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của nhà trường; có chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch của nhà trường

1. Mô tả

Nhằm đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững của nhà trường, trường Đại học Đại Nam đã xây dựng và công khai kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường đến năm 2020 và công bố trên hệ thống website Đại Nam (H2.2.6.1).

Để thực hiện chiến lược phát triển của nhà trường, các bản kế hoạch dài hạn, kế hoạch trung hạn và kế hoạch ngắn hạn được xây dựng (H2.2.6.2), (H2.2.6.3), (H2.2.6.4). Những kế bản kế hoạch này được xây dựng trên cơ sở triển khai và phù hợp với mục tiêu phát triển nhà trường.

Kế hoạch ngắn hạn được tập trung tại buổi họp Giao ban hàng tháng (được tổ chức vào tuần đầu tiên của tháng) trong đó tổng kết các kết quả đã đạt được trong tháng, kế hoạch cần phải thực hiện và đạt được trong tháng tiếp theo (H2.2.6.4).

Tất cả các kế hoạch của nhà trường đều đi chi tiết theo hình thức từ dưới lên, từ trên xuống. Các đơn vị trong trường hàng tháng, hàng năm đều thực hiện việc báo cáo lên Ban Giám hiệu, Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Từ đó, Lãnh đạo nhà trường tổng kết các hoạt động để xây dựng kế hoạch và hướng đi đảm bảo đạt kết quả cao trong quá trình xây dựng và phát triển nhà trường.

2. Điểm mạnh

- Ngay từ khi thành lập trường đã có chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của nhà trường.

- Kế hoạch ngắn hạn của nhà trường luôn được điều chỉnh phù hợp với thực tế phát triển của nhà trường và xã hội.

3. Tồn tại

- Các đơn vị trực thuộc trường chưa chủ động đặt ra cho đơn vị mục tiêu và kế hoạch, còn phụ thuộc vào chỉ đạo của Lãnh đạo nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

- Từ năm 2017, để các đơn vị tự điều chỉnh và xây dựng và chủ động thực hiện kế hoạch hành động của đơn vị và báo cáo Lãnh đạo nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.7. Thực hiện định kỳ báo cáo cơ quan chủ quản, các cơ quan quản lý về các hoạt động và lưu trữ đầy đủ các báo cáo của nhà trường

1. Mô tả

Trường thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ báo cáo định kỳ theo văn bản quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan quản lý liên quan đến các mặt hoạt động của nhà trường về công tác: an ninh chính trị (H2.2.7.1), kê khai thuế (H2.2.7.2), công tác xây dựng trường (H2.2.7.3), công tác sinh viên (H2.2.7.4), đào tạo (H2.2.7.5), NCKH (H2.2.7.6), thi đua (H2.2.7.7).

Ngoài các báo cáo theo định kỳ, nhà trường nghiêm túc thực hiện các báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cấp quản lý như về công tác giải phóng mặt bằng (H.1.2.7.8). Trong thời gian qua, nhà trường không bị Bộ GDĐT và các cơ quan quản lý có văn bản nhắc nhở vì chế độ báo cáo định kỳ.

Các nội dung báo cáo của nhà trường tuân thủ hướng dẫn của cơ quan chủ quản quản lý. Báo cáo của nhà trường phản ánh đầy đủ các mặt hoạt động của nhà trường, các nhận xét, đánh giá quá trình thực hiện đồng thời xây dựng các biện pháp khắc phục.

Công tác lưu trữ văn bản, báo cáo của nhà trường được thực hiện nghiêm túc và đạt hiệu quả cao. Nhà trường ban hành Quy chế công tác văn thư, lưu trữ (ban hành kèm theo Quyết định số 171/QĐ-ĐN ngày 15/9/2010). Nội dung quy chế quy định rõ quy trình lưu trữ, sao lưu văn bản và quy định rõ trách nhiệm của các đơn vị trong việc thực hiện lưu trữ và quản lý hồ sơ văn bản.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các chế độ báo cáo do cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý các cấp yêu cầu. Các báo cáo đảm bảo chất lượng và thời gian theo đúng quy định của cấp quản lý.

- Công tác quản lý, lưu trữ văn bản được thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định của nhà trường và của nhà nước.

3. Tồn tại:

- Lưu trữ báo cáo vẫn tồn tại dưới dạng văn bản, chưa xây dựng phần mềm quản lý và lưu trữ văn bản.

4. Kế hoạch hành động:

Từ tháng 10/2016, trang bị phần mềm quản lý văn thư, lưu trữ để công tác quản lý, sử dụng văn bản được hiệu quả hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt

KẾT LUẬN

Trường Đại học Đại Nam được tổ chức và hoạt động theo Quy định của Điều lệ trường đại học và Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đại Nam. Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận, cá nhân cán bộ, giảng viên, nhân viên được cụ thể hóa bằng các văn bản, được triển khai và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Các kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn được xây dựng để thực hiện các mục tiêu. Các hoạt động đoàn thể hoạt động hiệu quả và được đánh giá tốt. Trường có đơn vị chuyên trách cho nhiệm vụ đảm bảo chất lượng giáo dục đại học để triển khai các hoạt động đánh giá nhằm duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường. định kỳ báo cáo cơ quan chủ quản, các cơ quan quản lý về các hoạt động và lưu trữ đầy đủ các báo cáo của nhà trường.

Kết quả: 7/7 tiêu chí đạt

TIÊU CHUẨN 3: CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo của nhà trường được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu giáo dục và chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường, đồng thời gắn nhu cầu học tập của người học, nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động.

Kể từ khi thành lập đến nay trường đã không ngừng xây dựng và hoàn thiện chương trình đào tạo theo hướng vừa phù hợp với mục tiêu giáo dục đồng thời phải gắn với nhu cầu học tập của người học cũng như nhu cầu của thị trường lao động. Chương trình đào tạo từng ngành của Trường được thiết kế một cách hệ thống, có cấu trúc hợp lý và mục tiêu rõ ràng, cụ thể, khoa học, có khả năng đảm bảo tính liên thông giữa các trình độ và phương thức đào tạo. Các chương trình đào tạo của trường đều được xây dựng trên cơ sở chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có sự tham gia của tập thể cán bộ quản lý, giáo viên trong trường và các nhà khoa học ở các cơ quan chuyên môn, giáo viên thỉnh giảng uy tín. Các chương trình đào tạo đã được bổ sung thường xuyên, điều chỉnh cho phù hợp với thực tế quản lý đào tạo.

Tiêu chí 3.1. Chương trình đào tạo của trường đại học được xây dựng theo các quy định hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; có sự tham khảo chương trình đào tạo của các trường đại học có uy tín trong nước hoặc trên thế giới; có sự tham gia của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp.

1. Mô tả

Tất cả các CTĐT mới trong 5 năm trở lại được xây dựng theo đúng theo các quy định xây dựng chương trình hiện hành của Bộ GD&ĐT (H3.3.1.1). Không có trường hợp nào CTĐT bị đánh giá xây dựng trái với các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT (H3.3.1.2).

Chương trình đào tạo của bậc sau đại học gồm có 03 CTĐT thạc sĩ (H3.3.1.3):

1. - Tài chính – Ngân hàng
2. - Kế toán
3. - Quản lý Kinh tế

Đối với hệ chính quy, bậc đại học gồm 13 chương trình đào tạo (H3.3.1.4), bậc cao đẳng có 03 chương trình đào tạo (H3.3.1.5):

13 CTĐT bậc Đại học bao gồm:

1. - Kế toán
2. - Quản trị kinh doanh
3. - Tài chính - Ngân hàng (Ngân hàng thương mại)
4. - Tài chính - Ngân hàng (Tài chính doanh nghiệp)
5. - Luật kinh tế
6. - Quan hệ công chúng và truyền thông
7. - Ngôn ngữ Anh (Tiếng Anh Biên- phiên dịch)
8. - Ngôn ngữ Anh (Tiếng Anh Thương mại)
9. - Quản trị Dịch vụ Du lịch & Lữ hành
- 10.- Công nghệ thông tin
- 11.- Kỹ thuật Công trình Xây dựng
- 12.- Kiến trúc
- 13.- Dược học

03 CTĐT bậc Cao đẳng bao gồm:

1. - Công nghệ thông tin
2. - Kế toán
3. - Tài chính - Ngân hàng

Đối với hệ liên thông trung cấp – đại học và cao đẳng – đại học, Nhà trường đã xây dựng các CTĐT như sau:

05 CTĐT Liên thông Cao đẳng – Đại học gồm (H3.3.1.6):

1. - Công nghệ thông tin

2. - Kế toán
3. - Tài chính - Ngân hàng
4. - Kỹ thuật Công trình Xây dựng
5. - Dược học

04 CTĐT Liên thông Trung cấp chuyên nghiệp – Đại học gồm (H3.3.1.7):

- Công nghệ thông tin
- Kế toán
- Kỹ thuật Công trình Xây dựng
- Dược học

Yêu cầu chung về tỉ lệ giữa các học phần tự chọn và các học phần bắt buộc, tỉ lệ giữa khối kiến thức đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được quy định cụ thể trong các văn bản liên quan tới hoạt động xây dựng chương trình đào tạo của nhà trường (H3.3.1.8).

Trong quá trình xây dựng CTĐT, tất cả các chương trình đều có tham khảo các chương trình đào tạo của các trường đại học uy tín trong nước như Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Trường Đại học Quốc gia, Trường Đại học Ngoại thương, Trường Đại học Bách Khoa,... cũng như chương trình đào tạo quốc tế tương ứng (H3.3.1.9).

Đối với tất cả các CTĐT, nhà trường có mời các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, các đại diện tổ chức xã hội – nghề nghiệp, nhà tuyển dụng và người đã tốt nghiệp tới tham gia xây dựng chương trình. Điều này được thể hiện thông qua các biên bản họp hội đồng xây dựng CTĐT, các văn bản góp ý của các đối tượng được mời tham gia xây dựng CTĐT (H3.3.1.10).

2. Điểm mạnh

- Tất cả các chương trình được xây dựng một cách hệ thống, khoa học, có xét đến nhu cầu thực tiễn của xã hội và dựa trên cơ sở chương trình khung do Bộ GD&ĐT ban hành cũng như tham khảo các CTĐT từ các trường đại học danh tiếng trong và ngoài nước.

- Việc xây dựng CTĐT đảm bảo thực hiện đúng quy chế đào tạo, có sự tham

gia của các GV, CBQL từ cấp bộ môn, cấp khoa đến cấp trường.

- Các học phần trong CTĐT đều có đề cương chi tiết theo hướng phát triển năng lực người học, phát huy tính tự học, tự nghiên cứu và tính tích cực học tập của SV.

3. Tồn tại

- CTĐT và đề cương chi tiết chưa được đưa lên website của nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

<i>TT</i>	<i>Mục tiêu</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Đơn vị thực hiện</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Khắc phục tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung minh chứng các CTĐT, đề cương chi tiết môn học - Cung cấp minh chứng tham khảo các CTĐT trong nước và quốc tế khi xây dựng CTĐT - Cung cấp minh chứng sự tham gia của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, các đại diện tổ chức xã hội – nghề nghiệp, nhà tuyển dụng và người đã tốt nghiệp có xây dựng CTĐT cho trường. - Thành lập CLB Cựu sinh viên để cập nhật thông tin, khảo sát ý kiến 	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng ĐT, tất cả các Khoa. - Phòng ĐT, tất cả các Khoa. - Phòng ĐT, tất cả các Khoa. - Phòng QLSV, Phòng 	<ul style="list-style-type: none"> Tháng 11/2016 Tháng 11/2016 Tháng 11/2016 	

		dễ dàng	KT&ĐBCL, Các Khoa chuyên môn		
2	Phát huy điểm mạnh	- Cập nhật liên tục về chương trình đào tạo mới, các quy chế đào tạo của Bộ GD và ĐT và cụ thể hóa đối với Trường.	- Phòng Đào tạo, QLSV	- Thường xuyên	

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 3.2. Chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, có cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng của từng trình độ đào tạo và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

1.Mô tả

Các CTĐT của trường Đại học Đại Nam có mục tiêu rõ ràng, cụ thể. Cấu trúc của CTĐT được thiết kế hợp lý, có hệ thống. Nội dung chương trình đào tạo của mỗi chuyên ngành, mỗi bậc đào tạo đều thể hiện rõ chuẩn đầu ra, đặc thù của chuyên ngành, những kiến thức, kỹ năng, thái độ cần đạt được tương xứng với trình độ được đào tạo. (H3.3.1.3), (H3.3.1.4), (H3.3.1.5), (H3.3.1.6), (H3.3.1.7).

Các CTĐT của trường đều được các bên liên quan (các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, các đại diện tổ chức xã hội – nghề nghiệp, nhà tuyển dụng và người đã tốt nghiệp) đánh giá đáp ứng được yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học (H3.3.1.10).

Để đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động, Nhà trường tổ chức khảo sát, tham khảo có chọn lọc các ý kiến góp ý của các bên liên quan (các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, các đại diện tổ chức xã hội – nghề nghiệp, nhà tuyển dụng và người đã tốt nghiệp) để kịp thời bổ sung, chỉnh sửa CTĐT để đáp ứng linh hoạt với nhu cầu nhân lực của thị trường lao động (H3.3.1.10).

2.Điểm mạnh

Chương trình đào tạo bậc đại học của các ngành có mục tiêu rõ ràng, có tính đến những đặc điểm đặc thù của từng chuyên ngành cụ thể. Chương trình liên tục được bổ sung, thay đổi kịp thời ở các khóa, đáp ứng linh hoạt yêu cầu về kiến thức, phù hợp với thực tiễn. Thường xuyên tổ chức khảo sát mức độ hài lòng của người học sau mỗi kỳ học, năm học để kịp thời điều chỉnh về phương pháp giảng dạy, nội dung chương trình để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của người học góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

3.Tồn tại

Việc tổ chức khảo sát lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng để đánh giá khả

năng ứng dụng chương trình đào tạo của các chuyên ngành đã được triển khai nhưng chưa trở thành hoạt động thường xuyên, liên tục. Tài liệu lưu hành nội bộ của giảng viên có liên quan đến việc xây dựng và phát triển chương trình chưa được đầy đủ ở tất cả các môn học, một số môn học còn phải sử dụng tài liệu của các trường đại học uy tín khác.

4. Kế hoạch hành động

<i>TT</i>	<i>Mục tiêu</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Đơn vị thực hiện</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Khắc phục tồn tại	<p>- Bổ sung minh chứng các CTĐT, đề cương chi tiết môn học</p> <p>- Cung cấp minh chứng sự tham gia của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, các đại diện tổ chức xã hội – nghề nghiệp, nhà tuyển dụng và người đã tốt nghiệp trong xây dựng, sửa đổi CTĐT cho trường.</p> <p>- Tổ chức khảo sát, phỏng vấn các bên liên quan về nhu cầu năng lực của thị trường lao động và khả năng đáp ứng nhu cầu thị trường của CTĐT.</p>	<p>- Phòng ĐT, tất cả các Khoa.</p> <p>- Phòng ĐT, tất cả các Khoa.</p> <p>- Phòng KT&ĐBCL</p>	<p>Tháng 11/2016</p> <p>Tháng 11/2016</p>	
2	Phát huy	- Khảo sát lấy ý kiến của người học về chương trình đào tạo	Phòng KT&ĐBCL	- Thường xuyên	

	điểm mạnh	- Tổ chức chỉnh sửa, cập nhật CTĐT kịp thời để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động	Tất cả các Khoa Phòng ĐT	- Thường xuyên	
--	--------------	--	--------------------------------	-------------------	--

5.Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 3.3: Chương trình giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên được thiết kế theo quy định, đảm bảo chất lượng đào tạo.

1. Mô tả

CTĐT chính quy và giáo dục thường xuyên của Trường được xây dựng tuân thủ theo quy định của Bộ GD&ĐT (Thông tư 08/2011/TT-BGD&ĐT). Mỗi CTĐT đều cung cấp thông tin rõ ràng, cụ thể về cấu trúc, khối lượng, kiến thức và chuẩn đầu ra. (H3.3.1.3), (H3.3.1.4), (H3.3.1.5), (H3.3.1.6), (H3.3.1.7).

Để đảm bảo điều kiện tổ chức CTĐT chính quy và thường xuyên, bên cạnh việc thiết kế chương trình theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT, nhà trường cũng luôn đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên luôn đáp ứng đúng yêu cầu của Bộ GD&ĐT được nêu trong Thông tư 08/2011/TT-BGD&ĐT. (H3.3.3.1)

2. Điểm mạnh

- CTĐT chính quy và CTĐT thường xuyên được thiết kế theo đúng quy định của Bộ GD & ĐT, đảm bảo tính liên thông giữa các chương trình.

- CTĐT các ngành được xây dựng thống nhất trong toàn trường về số tín chỉ SV phải tích lũy, có tỉ lệ hợp lý giữa các học phần đại cương, các học phần cơ sở, học phần chuyên ngành và có nhiều học phần tự chọn giúp SV chủ động trong quá trình học tập.

3. Tồn tại

- Trường chưa thu thập rộng rãi ý kiến phản hồi của các cựu sinh viên và nhà tuyển dụng về tính hợp lý và chất lượng của các chương trình đào tạo của Nhà trường.

- Sự tham gia xây dựng chương trình và đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của cựu sinh viên và các nhà tuyển dụng lao động

4. Kế hoạch hành động

<i>TT</i>	<i>Mục tiêu</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Đơn vị thực hiện</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Khắc	- Bổ sung minh chứng các CTĐT, đề	- Phòng	Tháng	

	phục tồn tại	<p>cương chi tiết môn học của hệ chính quy và thường xuyên</p> <p>- Cung cấp minh chứng sự tham gia của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, các đại diện tổ chức xã hội – nghề nghiệp, nhà tuyển dụng và người đã tốt nghiệp trong xây dựng, sửa đổi CTĐT cho trường.</p> <p>- Tổ chức khảo sát, phỏng vấn các bên liên quan về nhu cầu năng lực của thị trường lao động và khả năng đáp ứng nhu cầu thị trường của CTĐT.</p> <p>- Cung cấp minh chứng về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên của trường đáp ứng được yêu cầu của Bộ GDĐT</p>	<p>ĐT, tất cả các Khoa.</p> <p>- Phòng ĐT, tất cả các Khoa.</p> <p>- Phòng KT&ĐBCL</p> <p>Phòng HCQT</p>	<p>11/2016</p> <p>Tháng 11/2016</p> <p>Tháng 11/2016</p>	
2	Phát huy điểm mạnh	<p>- Khảo sát lấy ý kiến của người học về chương trình đào tạo</p> <p>- Tổ chức chỉnh sửa, cập nhật CTĐT kịp thời để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động</p>	<p>Phòng KT&ĐBCL</p> <p>Tất cả các Khoa</p> <p>Phòng ĐT</p>	<p>-</p> <p>Thường xuyên</p> <p>-</p> <p>Thường xuyên</p>	

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 3.4: Chương trình giáo dục được định kỳ bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hoặc cả nước.

1. Mô tả

Trường Đại học Đại Nam luôn coi trọng và đã thực hiện kịp thời việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh các chương trình đào tạo nhằm đảm bảo cho chương trình đào tạo đáp ứng ngày càng cao yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của người học trước các đòi hỏi mới của xã hội. Trường Đại học Đại Nam định kỳ tổ chức bổ sung, điều chỉnh tất cả các CTĐT ít nhất 2 lần trong vòng 5 năm (H3.3.1.2), (H3.3.1.3), (H3.3.1.4), (H3.3.1.5), (H3.3.1.6), (H3.3.1.7).

CTĐT được định kỳ bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người đã tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác. (H3.3.4.1), (H3.3.1.10).

2. Điểm mạnh

Các khoa chuyên môn tích cực rà soát chương trình, thay đổi, điều chỉnh kịp thời để phù hợp với nhu cầu của người học, nhà tuyển dụng và đáp ứng nhu cầu lao động của xã hội.

3. Tồn tại

Việc tổ chức khảo sát lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng và sinh viên đã tốt nghiệp để đánh giá khả năng ứng dụng chương trình đào tạo của các chuyên ngành đã được triển khai nhưng chưa trở thành hoạt động thường xuyên, liên tục.

4. Kế hoạch hành động

<i>TT</i>	<i>Mục tiêu</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Đơn vị thực hiện</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Ghi chú</i>

1	Khắc phục tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung minh chứng các CTĐT, đề cương chi tiết môn học - Cung cấp minh chứng tham khảo các CTĐT trong nước và quốc tế khi xây dựng CTĐT - Cung cấp minh chứng sự tham gia của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, các đại diện tổ chức xã hội – nghề nghiệp, nhà tuyển dụng và người đã tốt nghiệp có xây dựng CTĐT cho trường. - Thành lập CLB Cựu sinh viên để cập nhật thông tin, khảo sát ý kiến dễ dàng 	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng ĐT, tất cả các Khoa. - Phòng ĐT, tất cả các Khoa. - Phòng ĐT, tất cả các Khoa. - Phòng QLSV, Phòng KT&ĐBCL, Các Khoa chuyên môn 	<p>Tháng 11/2016</p> <p>Tháng 11/2016</p> <p>Tháng 11/2016</p>	
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật liên tục về chương trình đào tạo mới, các quy chế đào tạo của Bộ GD và ĐT và cụ thể hóa đối với Trường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng Đào tạo 	<p>-</p> <p>Thường xuyên</p>	

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 3.5: Chương trình giáo dục được thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông với các trình độ đào tạo và chương trình giáo dục khác.

1. Mô tả

Khi xây dựng chương trình đào tạo, Trường luôn quan tâm đến tính liên thông của CTĐT giữa các bậc đào tạo và các ngành đào tạo. Nhà trường đã ban hành các quy định cụ thể về việc liên thông giữa các chương trình đào tạo, trình độ đào tạo khác nhau (H3.3.1.8).

Các CTĐT được thiết kế theo hướng đảm bảo tính liên thông với các trình độ đào tạo, CTĐT khác. Trong các CTĐT và các văn bản liên quan ghi rõ các điều kiện liên thông dọc cho ngành đúng, ngành gần và ngành khác (H3.3.1.3), (H3.3.1.4), (H3.3.1.5), (H3.3.1.6), (H3.3.1.7), (H3.3.1.8).

Đồng thời, trong CTĐT của trường cũng mô tả đầy đủ các điều kiện liên thông ngang giữa các cơ sở giáo dục đại học để tạo điều kiện thuận lợi cho người học chuyển đổi giữa các cơ sở (H3.3.5.1).

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã ban hành các quy định cụ thể về việc liên thông, chuyển đổi giữa các chương trình đào tạo, trình độ đào tạo khác nhau

- Trường đã chủ động xây dựng các chương trình có sự liên thông, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên theo học các chương trình liên thông cũng như các chương trình song bằng trong trường. Việc chuyển đổi học phần với các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước tương đối thuận lợi, tạo điều kiện cho sinh viên dễ dàng chuyển đổi hoặc theo học các chương trình cao hơn.

3. Tồn tại

- Mô hình liên thông chưa được triển khai đầy đủ ở tất cả các ngành chỉ giới hạn ở 5 ngành đối với hệ liên thông Cao đẳng – Đại học và 4 ngành đối với Trung cấp chuyên nghiệp – Đại học.

- Việc chuyển đổi học phần với các cơ sở giáo dục nước ngoài chưa được thuận lợi như với các cơ sở giáo dục trong nước do khác biệt chương trình.

4. Kế hoạch hành động

<i>TT</i>	<i>Mục tiêu</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Đơn vị thực hiện</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Khắc phục tồn tại	- Bổ sung minh chứng các CTĐT, đề cương chi tiết môn học	- Phòng ĐT, tất cả các Khoa.	Tháng 11/2016	
2	Phát huy điểm mạnh	- Cập nhật liên tục về chương trình đào tạo mới, các quy chế đào tạo của Bộ GD và ĐT và cụ thể hóa đối với Trường.	- Phòng Đào tạo	- Thường xuyên	

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 3.6: Chương trình giáo dục được định kỳ đánh giá và thực hiện cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá.

1. Mô tả

Để có cơ sở bổ sung, chỉnh sửa CTĐT kịp thời, phù hợp với nhu cầu người học và thị trường lao động, nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về việc tổ chức đánh giá định kỳ chất lượng CTĐT (H3.3.6.1). Để hoạt động đánh giá kiểm định chất lượng đào tạo được thuận lợi, Nhà trường đã thành lập Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng (KT&ĐBCL) vào năm 2010, sau đó đổi tên thành Phòng KT&ĐBCL với hai chức năng chính là công tác khảo thí và công tác đảm bảo chất lượng đào tạo trong trường (H3.3.6.2).

Việc đánh giá các chương trình đào tạo được thực hiện tại tất cả các CTĐT đã có sinh viên tốt nghiệp thông qua khảo sát ý kiến cựu sinh viên, các nhà tuyển dụng và chuyên gia (H3.3.6.3). Tuy nhiên, hoạt động khảo sát, lấy ý kiến của sinh viên đã tốt nghiệp và các nhà tuyển dụng, chuyên gia về chất lượng của các chương trình chưa trở thành một hoạt động thường xuyên định kỳ.

Bên cạnh đó, nhà trường cũng tổ chức khảo sát, lấy ý kiến của các cán bộ quản lý, giảng viên, sinh viên đang theo học về chất lượng của CTĐT ở tất cả các Khoa trong trường (H3.3.6.4). Hoạt động khảo sát, lấy ý kiến của cán bộ quản lý, giảng viên, sinh viên đang theo học về chất lượng của các chương trình đã diễn ra thường xuyên 2 lần/kỳ học ở tất cả các khoa trong trường.

Thông qua kết quả đánh giá chương trình đào tạo, Trường tổ chức cải tiến chất lượng CTĐT nếu cần thiết. Trường giao cho Phòng đào tạo làm đầu mối chính trong việc cải tiến chương trình của các ngành. Phòng khảo thí và đảm bảo chất lượng chịu trách nhiệm tổ chức đánh giá và tập hợp ý kiến đánh giá sau mỗi học kỳ, năm học. Nội dung chuyên môn cần thay đổi cho phù hợp do Hội đồng khoa học ngành đảm trách. Sau khi nội dung CTĐT sửa đổi được xác định đạt yêu cầu đề ra, Hiệu trưởng sẽ ra quyết định sử dụng CTĐT mới (H3.3.6.5), (H3.3.6.6).

2. Điểm mạnh

Công tác đánh giá chương trình đào tạo dựa trên các ý kiến của các cán bộ

quản lý, các nhà chuyên môn, giảng viên, sinh viên đang học diễn ra định kỳ, thường xuyên sau mỗi học kỳ.

3. Những tồn tại

Hoạt động khảo sát, lấy ý kiến của sinh viên đã tốt nghiệp, các nhà tuyển dụng về chất lượng của các chương trình chưa trở thành một hoạt động thường xuyên, liên tục.

4. Kế hoạch hành động

<i>TT</i>	<i>Mục tiêu</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Đơn vị thực hiện</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Khắc phục tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung minh chứng văn bản quy định về việc định kỳ đánh giá CTĐT - Tổ chức khảo sát chuyên gia, cựu sinh viên, tổ chức xã hội việc làm về chất lượng CTĐT Các báo cáo tự đánh giá; báo cáo đánh giá đồng cấp, báo cáo đánh giá ngoài CTĐT; Báo cáo về kết quả cải tiến chất lượng chương trình sau khi đánh giá Bổ sung bảng so sánh các thay đổi sau khi có ý kiến đánh giá về CTĐT 	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng ĐT, Phòng KT&ĐBCL. - Phòng ĐT, Phòng KT&ĐBCL. Phòng KT&ĐBCL Phòng ĐT, các Khoa 	Tháng 11/2016	
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức khảo sát lấy ý kiến cán bộ quản lý, giảng viên, sinh viên về chất lượng CTĐT 	Phòng KT&ĐBCL	- Thường xuyên	

5. Tự đánh giá: Đạt

KẾT LUẬN

Chương trình giáo dục cho tất cả các ngành và hệ đào tạo của trường Đại học Đại Nam đều được xây dựng có hệ thống và theo các văn bản quy định hiện hành cho các khối ngành của Bộ GD&ĐT ban hành. Các chương trình đảm bảo khối lượng kiến thức bắt buộc, vừa linh hoạt, vừa đảm bảo cho quản lý đào tạo theo học chế tín chỉ. Trong từng giai đoạn, Nhà trường đã có cập nhật bổ sung chương trình đào tạo, từng bước nâng cao và phù hợp với yêu cầu phát triển ngành nghề của xã hội. Chương trình đào tạo các ngành đều có mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, thiết kế theo hướng liên thông giữa các bậc học, giữa các phương thức đào tạo. Bên cạnh đó, chương trình đào tạo ngày càng được củng cố và mở rộng theo hướng đáp ứng các nhu cầu khác nhau của người học và xã hội. Hiện tại 6 tiêu chí trong tiêu chuẩn 3 của Trường đều đạt yêu cầu. Trong thời gian tới, Trường tiếp tục tham khảo các chương trình đào tạo tiên tiến, thường xuyên khảo sát ý kiến của người học và các cơ sở tuyển dụng, từng bước cải tiến chương trình đào tạo đang có hiện nay cho phù hợp với tình hình thực tế, nhu cầu của người học, nhà tuyển dụng, thị trường lao động và xã hội.

Kết quả: 6/6 tiêu chí đạt

TIÊU CHUẨN 4: HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Trường đã và đang thực hiện đa dạng hóa các phương thức đào tạo, các loại hình đào tạo, mở rộng hình thức liên kết đào tạo với các ngành, địa phương trong cả nước. Hoạt động đào tạo của Trường được tổ chức một cách sâu rộng, trên tinh thần phát huy tính tích cực, chủ động của người học nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Do đó quy mô đào tạo hiện nay của Trường đã tăng hàng chục lần so với năm đầu mới thành lập, đáp ứng đòi hỏi nguồn nhân lực có trình độ đại học của xã hội.

Nhà trường đã tích cực vận động đổi mới phương pháp dạy và học; không ngừng cải tiến phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng cho các phương thức đào tạo, hình thức học tập. Kết quả học tập của người học được công bố công khai, kịp thời theo quy định và được lưu trữ đầy đủ. Văn bằng tốt nghiệp và chứng chỉ học tập được cấp đúng quy định.

Trường đã có kế hoạch chuyển quy trình tổ chức đào tạo theo niên chế sang học chế tín chỉ bắt đầu thực hiện từ năm học 2012-2013 cho sinh viên khóa 6. Hiện nay trường đã chuyển toàn bộ hệ thống đào tạo sang học chế tín chỉ nhằm từng bước hội nhập toàn diện với các nước trong khu vực và quốc tế về đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao.

Tiêu chí 4.1 Đa dạng hoá các hình thức đào tạo, đáp ứng yêu cầu học tập của người học theo quy định

1. Mô tả

Để đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của xã hội, Trường Đại học Đại Nam đã đa dạng hoá cấp độ đào tạo bao gồm: Đào tạo sau đại học; Đào tạo Đại học; Đào tạo liên thông từ Trung cấp, Cao đẳng lên Đại học; Đào tạo Cao đẳng. Đối với hệ đào tạo chính quy, nhà trường đã tổ chức được 3 chương trình đào tạo thạc sĩ, 13 chương trình đào tạo đại học, 3 chương trình đào tạo cao đẳng. Đối với hệ đào tạo liên thông, nhà trường đã tổ chức được 5 chương trình đào tạo liên thông

Cao Đẳng – Đại học và 4 chương trình đào tạo liên thông Trung cấp – Đại học (H3.3.1.2).

Nhà trường đa dạng hóa các hình thức đào tạo chính quy, vừa làm vừa học và luôn nỗ lực gắn các hình thức đào tạo của trường với nhu cầu xã hội, theo đơn đặt hàng của các địa phương. Khi xây dựng chương trình đào tạo, Trường luôn quan tâm đến tính liên thông của CTĐT giữa các bậc đào tạo và các ngành đào tạo. Nhà trường đã ban hành các quy định cụ thể về việc liên thông, chuyển đổi giữa các chương trình đào tạo, trình độ đào tạo khác nhau (H3.3.1.8). Sinh viên tốt nghiệp của Trường hoàn toàn có đủ điều kiện để tiếp tục học lên bậc sau đại học tại Trường và tại các cơ sở đào tạo trong nước cũng như ngoài nước.

Các hình thức tổ chức đào tạo của trường đảm bảo các điều kiện chất lượng theo quy định của Bộ GD&ĐT và nhà trường (H3.3.1.1), (H4.4.1.1). Hệ đào tạo chính quy được đào tạo tín chỉ theo "Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ" ban hành theo QĐ số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ GD&ĐT được bổ sung theo Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Những hoạt động đào tạo hệ vừa làm vừa học và liên thông thực hiện theo Thông tư 55/2012/TT-BGDĐT ngày 25/12/2012 Quy định đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học và Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hình thức VLVH của Bộ GD&ĐT ban hành theo QĐ số 36/2007/QĐ-BGDĐT ngày 28/6/2007. Để hoạt động đánh giá và cải tiến chất lượng đào tạo được thực hiện hiệu quả, nhà trường đã thành lập phòng KT&ĐBCL có trách nhiệm đảm bảo chất lượng đào tạo của trường (H3.3.6.3), (H3.3.6.4), (H3.3.6.5), (H3.3.6.6).

2. Điểm mạnh

- Trường đã sớm thực hiện đa dạng hóa các hình thức, phương thức, loại hình đào tạo tạo điều kiện cho nhiều đối tượng tham gia học tập.

- Trường đã áp dụng thống nhất các quy định chung về chương trình đào tạo cho các phương thức đào tạo tập trung, không tập trung ở các bậc, hệ đào tạo khác nhau.

3. Tồn tại

- Trường chưa tổ chức được các chương trình học tiên tiến học bằng tiếng nước ngoài và các chương trình liên kết với các trường đại học uy tín trên thế giới.

4. Kế hoạch hành động

<i>TT</i>	<i>Mục tiêu</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Đơn vị thực hiện</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức thêm các chương trình đào tạo bằng tiếng nước ngoài và các chương trình liên kết với các trường đại học uy tín trên thế giới nếu có điều kiện thuận lợi.	Khoa Quốc tế Viện ĐT&HTQT Các Khoa chuyên môn Phòng NCKH&HTQT	Năm 2017	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục đa dạng hóa các loại hình đào tạo đáp ứng tốt nhu cầu người học - Áp dụng thống nhất các quy định chung về chương trình đào tạo cho các phương thức đào tạo tập trung, không tập trung ở các bậc, hệ đào tạo khác nhau để tạo điều kiện liên thông chuyển đổi thuận lợi cho người học	Phòng Đào tạo	- Thường xuyên	

Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.2: Thực hiện công nhận kết quả học tập của người học theo niên chế kết hợp với học phần; có kế hoạch chuyển quy trình đào tạo theo niên chế sang học chế tín chỉ có tính linh hoạt và thích hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học.

1.Mô tả

Trường Đại học Đại Nam thực hiện công nhận kết quả học tập của người học theo niên chế kết hợp với học phần. Trường đã thực hiện chế độ tích lũy kết quả học tập theo từng học phần cho tất cả các loại hình đào tạo đại học chính quy, cao đẳng chính quy, liên thông từ cao đẳng lên đại học, từ trung cấp lên đại học. Kết quả học tập của sinh viên theo chế độ tích lũy các học phần được áp dụng cho việc xét lên lớp, ngừng học, thôi học, chuyển trường và chuyển địa điểm học tập (H4.4.2.1).

Nhà trường đã có kế hoạch chuyển quy trình đào tạo từ niên chế sang học chế tín chỉ (H3.3.1.3), (H3.3.1.4), (H3.3.1.5), (H3.3.1.6), (H3.3.1.7) (H3.3.4.1). Từ năm 2010, Trường cũng đã tổ chức nghiên cứu, khảo sát, học tập kinh nghiệm các trường đại học trong và ngoài nước, thống nhất quan điểm và nhận thức, chuẩn bị mọi điều kiện xây dựng lộ trình tổ chức đào tạo và tích lũy học tập theo học chế tín chỉ. Trong năm học 2011 - 2012, Trường đã chủ trì nhiều các buổi tập huấn, triển khai đào tạo theo tín chỉ tới các đơn vị trong trường. Trên cơ sở đó, các khoa chuyên ngành đã tiến hành xây dựng và triển khai chương trình chuyển từ học phần sang học chế tín chỉ bắt đầu từ sinh viên khóa 6 hệ Đại học chính quy. Năm 2011, Hiệu trưởng Nhà trường đã ra quyết định về việc chuyển quy trình đào tạo theo niên chế sang học chế tín chỉ (H4.4.2.2). Quý 1 năm 2012 Hiệu trưởng Nhà trường phê duyệt các chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ của tất cả các khoa chuyên ngành sau khi các Khoa đã nghiên cứu xây dựng và chỉnh sửa (H4.4.2.3).

Quy trình thực hiện chuyển đào tạo theo niên chế sang học chế tín chỉ có tính linh hoạt và thích hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học. Kết quả khảo sát phỏng vấn lãnh đạo, giảng viên, người học cho thấy việc chuyển đổi từ niên chế sang tín chỉ đã tạo điều kiện thuận lợi cho người học học tập linh hoạt (H4.4.2.4).

Trong quá trình thực hiện tổ chức giảng dạy và đánh giá kết quả học tập của người học theo học chế tín chỉ từ năm học 2012-2013 cho đến nay, Nhà trường vẫn luôn thực hiện việc theo dõi, đánh giá, lấy ý kiến của giảng viên và người học để có những thay đổi, chỉnh sửa sao cho phù hợp với nhu cầu của người học, đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực của xã hội và tạo điều kiện linh hoạt, thuận lợi cho người học. Bởi vậy đến quý 1 năm học 2016, Hiệu trưởng nhà trường đã ký quyết định Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ (có chỉnh sửa, bổ sung so với lần 1 năm 2012) (H4.4.2.5).

Nhà trường cũng đã ký hợp đồng xây dựng phần mềm quản lý đào tạo theo học chế tín chỉ với công ty Thiên An dựa trên cơ sở phần mềm cũ sao cho đáp ứng được những yêu cầu chung về quản lý đào tạo theo tín chỉ chung của Bộ giáo dục và đào tạo cũng như những yêu cầu đặc thù của Đại học Đại Nam (H4.4.2.6).

2. Điểm mạnh

Trường Đại học Đại Nam đã thực hiện tốt chế độ tích lũy kết quả học tập theo niên chế kết hợp với học phần của tất cả các hệ đào tạo, các loại hình đào tạo và phương thức đào tạo. Đồng thời cũng đã triển khai thực hiện quản lý đào tạo theo học chế tín chỉ từ năm học 2012-2013 và đã có những thay đổi, chỉnh sửa linh hoạt phù hợp nhu cầu thực tiễn.

3. Tồn tại

Phần mềm quản lý đào tạo còn một số điểm chưa thật sự thuận lợi.

4. Kế hoạch hành động

<i>TT</i>	<i>Mục tiêu</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Đơn vị thực hiện</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Khắc phục tồn tại	Trường yêu cầu bên công ty cung cấp phần mềm chỉnh sửa lại những điểm còn hạn chế để việc đào tạo	Khoa CNTT Phòng ĐT	Năm 2017	

		trên phần mềm đạt hiệu quả tốt nhất	Phòng HCQT		
2	Phát huy điểm mạnh	- Đảm bảo việc quản lý học chế tín chỉ hiệu quả. Khắc phục sai sót nhanh chóng.	Phòng Đào tạo	- Thường xuyên	

5.Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 4.3 Có kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy của giảng viên; chú trọng việc triển khai đổi mới phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học.

1. Mô tả

Nhà trường có kế hoạch và phương pháp đánh giá các hoạt động giảng dạy của giảng viên, hướng tới triển khai đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và năng lực làm việc theo nhóm của người học. Nhà trường đã ban hành Quyết định 109/QĐ-ĐN về việc tổ chức đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên được thực hiện định kỳ do phòng KT&ĐBCL thực hiện (H4.4.3.1). Giảng viên sẽ được đánh giá qua 3 hình thức: tự đánh giá, sinh viên đánh giá và lãnh đạo khoa đánh giá. 100% giảng viên tham gia giảng dạy được nhận ý kiến phản hồi từ các bên tham gia đánh giá để có cơ sở điều chỉnh, cải tiến phương pháp giảng dạy sao cho phù hợp. Phiếu khảo sát và dữ liệu khảo sát đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên được lưu trữ tại phòng KT&ĐBCL (H4.4.3.2)

Nhà trường có kế hoạch và phương pháp triển khai đổi mới phương pháp dạy và học và phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học. Nhà trường đã tổ chức các hội thảo khoa học ở các cấp để giúp các giảng viên, cán bộ, lãnh đạo nhà trường chia sẻ và bàn luận về các phương pháp giảng dạy mới. Năm 2014, Khoa Ngoại ngữ của Trường đã tổ chức hội nghị khoa học giảng viên với chủ đề “Nâng cao chất lượng giảng dạy ngoại ngữ” (H4.4.3.3). Trong năm 2015, Trường Đại học Đại Nam đã tổ chức hội thảo cấp Bộ với chủ đề “Đổi mới phương pháp giảng dạy theo định hướng phát triển năng lực người học tại các cơ sở đào tạo ngoài công lập” (H4.4.3.4). Cũng trong năm học 2015-2016, Trường đã thành lập nhóm nghiên cứu thực hiện đề tài nghiên cứu cấp Bộ với chủ đề “Đánh giá các nhân tố tác động đến kết quả triển khai mô hình POHE”

(H4.4.3.5). Để giúp các giảng viên không ngừng cập nhật, cải tiến các phương pháp giảng dạy mới, tháng 08/2016 Lãnh đạo nhà trường đã tổ chức Chương trình “Tập huấn phương pháp đào tạo tích cực và kỹ năng quản lý” cho tất cả giảng viên trong trường (H4.4.3.6).

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có kế hoạch và phương pháp đa dạng trong việc đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên

- Thường xuyên tiến hành việc đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên, thương xuyên triển khai đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng phát triển năng lực người học.

3. Tồn tại

- Việc áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực ở các mức độ khác nhau trong đội ngũ giảng viên

- Chưa gắn kết kết quả giảng dạy với tiền lương

4. Kế hoạch hành động

<i>TT</i>	<i>Mục tiêu</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Đơn vị thực hiện</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Khắc phục tồn tại	- Trường tập trung phát triển hoạt động giảng dạy tích cực ở các khoa. Yêu cầu các khoa lập kế hoạch về ứng dụng phương pháp giảng dạy tích cực.	BGH Các Khoa	Năm 2017	
2	Phát huy điểm mạnh	- Thực hiện đánh giá định kỳ hoạt động giảng dạy - Tổ chức bồi dưỡng phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập cho giảng viên	HDQT BGH	-Thường xuyên	

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.4: Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá được đa dạng hoá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu môn học và đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo; đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề.

1.Mô tả

Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá tại trường Đại học Đại Nam được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu môn học và đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo. Nhà trường đã ban hành quyết định 04/2009-QĐ/ĐN-ĐT quy định về đánh giá học phần năm 2009, quyết định 683/QĐ/ĐN-ĐT năm 2012 quy định kiểm tra và thi học phần đối với các khóa áp dụng theo hệ thống đào tạo niên chế, quyết định 688/QĐ-ĐN quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ, quy định 117/ĐN-ĐT năm 2013 hướng dẫn xây dựng đề cương học phần theo phương pháp đào tạo theo tín chỉ (H4.4.4.1). 100% học phần/môn học có đề cương quy định rõ ràng về cách thức kiểm tra đánh giá, bảo đảm tính đa dạng trong đánh giá (kiểm tra viết, vấn đáp, bài tập lớn, đồ án, luận văn, trắc nghiệm...) kiến thức, kỹ năng và năng lực của người học trong quá trình học tập (H3.3.1.3), (H3.3.1.4), (H3.3.1.5), (H3.3.1.6), (H3.3.1.7).

Trường Đại học Đại Nam đã thực hiện đa dạng hoá phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá với các hình thức khác nhau phù hợp với đặc thù môn học sao cho phát huy tốt nhất khả năng đánh giá kết quả tiếp thu kiến thức và năng lực thể hiện kiến thức đã học được của sinh viên như : Ngân hàng đề thi tự luận, bán tự luận, trắc nghiệm máy, vấn đáp, bài tập lớn...Đối với việc đánh giá kết quả tốt nghiệp cũng đa dạng phù hợp với từng chuyên ngành như: viết luận văn, làm đồ án, thực hành kế toán ảo, thực hiện dự án kinh doanh... Hệ thống

ngân hàng đề thi của các chuyên ngành luôn được cập nhật kịp thời, bám sát nội dung chương trình học, đảm bảo về chuyên môn và tính bảo mật của đề thi. Đề thi về cơ bản đã đảm bảo cơ cấu tương đối phù hợp giữa lý thuyết và bài tập hoặc phân vận dụng giải quyết các vấn đề thực tiễn và phù hợp với đặc thù môn học (H4.4.4.1).

Các quy định trong tổ chức thực hiện và phương pháp thực hiện kiểm tra đánh giá của các hệ đào tạo/các hình thức đào tạo được thống nhất. Việc thực hiện khảo sát ý kiến người học về phương pháp và quy trình thực hiện kiểm tra đánh giá được thực hiện ở tất cả các hệ đào tạo và hình thức đào tạo của trường. Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện giải quyết vấn đề. Thông qua các cuộc khảo sát định kỳ lấy ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy tại trường Đại Nam, luôn có ít nhất 75% ý kiến phản hồi của người học cho thấy sự hài lòng về tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp của các quy trình và phương pháp kiểm tra đánh giá đã công bố (H4.4.3.2).

Phòng đào tạo phối hợp với Phòng khảo thí và đảm bảo chất lượng, các khoa chuyên môn chịu trách nhiệm tổ chức thi và coi thi hết môn. Hội đồng thi của Trường chịu trách nhiệm tổ chức các kỳ thi tuyển sinh, tốt nghiệp đối với tất cả các hệ và ngành đào tạo. Các kỳ thi tốt nghiệp, thi tuyển sinh đều có quyết định thành lập Hội đồng thi, Ban ra đề thi, Ban coi thi, Ban thư ký, Ban thanh tra, Ban chấm thi đúng theo quy định của Trường và của Bộ giáo dục và đào tạo. Công tác coi thi thực hiện nghiêm túc, thống nhất cho các hệ đào tạo. Công tác làm phách và chấm thi được Phòng khảo thí phối hợp với các khoa chuyên môn thực hiện đúng quy trình: bài thi tự luận được rọc phách trước khi chấm và hồi phách theo phần mềm; đối với thi vấn đáp đảm bảo hai giáo viên hỏi thi một bàn; đối với trắc nghiệm máy đảm bảo mỗi sinh viên một máy, một đề riêng hoặc chẵn lẻ xen kẽ theo đặc thù bộ đề từng môn... Công tác thanh tra giám sát được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc đối với các kỳ thi tuyển sinh, thi tốt

nghiệp, thi hết học phần của các hệ đào tạo. (H4.4.4.3).

2. Điểm mạnh

Trường đã áp dụng các phương pháp đánh giá tương đối đa dạng, phong phú, phát huy tối đa hiệu quả việc đánh giá chất lượng của sinh viên. Một số bộ môn hoặc khoa chuyên ngành đã có những thay đổi tích cực về hình thức đánh giá.

Việc tổ chức thi, kiểm tra thực hiện nghiêm túc, đảm bảo tính công bằng, khách quan đối với người học.

3. Tồn tại

- Một số môn học hình thức kiểm tra còn nặng về lý thuyết, chủ yếu là tự luận.

4. Kế hoạch hành động

<i>TT</i>	<i>Mục tiêu</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Đơn vị thực hiện</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Khắc phục tồn tại	<p>- Tăng cường cải tiến hình thức kiểm tra, tăng cường đánh giá qua bài tập, các hình thức kiểm tra phối hợp phù hợp với đặc thù từng môn học. Công tác này đã tiến hành trong các năm học và sẽ tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa từ năm học 2016-2017.</p> <p>- Khuyến khích các khoa thay đổi hình thức làm khóa luận tốt nghiệp, làm những dự án cụ thể ở khoa QTKD hay Ngân hàng thực hành đối với khoa TCNH.</p>	BGH Phòng ĐT Phòng KT&ĐBCL Các Khoa	Năm 2017	

2	Phát huy điểm mạnh	- Đa dạng hóa loại hình đánh giá người học - Việc tổ chức thi, kiểm tra thực hiện nghiêm túc, đảm bảo tính công bằng, khách quan đối với người học	Phòng ĐT Phòng KT&ĐBCL Các Khoa	- Thường xuyên	
---	-----------------------------	---	--	----------------------	--

5.Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 4.5. Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Văn bằng, chứng chỉ được cấp theo quy định và được công bố trên trang thông tin điện tử của nhà trường.

1. Mô tả

Trường Đại học Đại Nam luôn nghiêm túc thực hiện nguyên tắc đảm bảo kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, an toàn và chính xác. Lưu trữ, công bố kết quả học tập của sinh viên công khai, kịp thời. Nhà trường đã ban hành văn bản số 683/QĐ/ĐN-ĐT về quy định kiểm tra và thi học phần (H4.4.4.1). Thời gian hoàn thành việc chấm thi, lên điểm chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày thi học phần. Khoa quản lý học phần tiến hành nhập điểm kết thúc học phần vào phần mềm quản lý điểm và Khoa chịu trách nhiệm về tính chính xác của điểm thi học phần do khoa mình quản lý. Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm phối hợp với Phòng KT&ĐBCL kiểm tra chéo kết quả nhập điểm của các khoa, sau khi thống nhất thì lưu điểm trên máy và lưu bảng điểm gốc (H4.4.4.1). Kết quả thi lưu trữ dưới dạng văn bản (bản gốc và bản photo) và tệp tin điện tử tại các bộ phận liên quan bao gồm: 01 bản nộp cho Khoa chủ quản có sinh viên tham gia học, 01 bản nộp cho khoa quản lý bộ môn, 01 bản lưu ở Phòng KT & ĐBCL, và bản gốc nộp cho Phòng Đào tạo. Điểm thi của sinh viên được công bố chính thức tại bảng tin của Khoa và website nhà trường. Sau khi điểm thi được nhập vào hệ thống phần mềm quản lý đào tạo của trường, sinh viên có thể đăng nhập bằng tài khoản sinh viên cá nhân để xem điểm thi. Sinh viên có nhu cầu in bảng điểm có thể tới đăng ký và nhận bảng điểm tại phòng Đào tạo của trường. Kết quả học tập của sinh viên được lưu trữ bằng cả bản giấy và bản điện tử trên máy tính và hệ thống dữ liệu của Phòng Đào tạo và các Khoa liên quan theo đúng quy định của trường. Việc lưu trữ kết quả học tập sinh viên được chia theo khóa, lớp rõ ràng, chính xác và thuận tiện cho việc tìm kiếm khi cần. (H4.4.5.1)

Trước khi kết thúc học kỳ, Phòng Đào tạo và các khoa thực hiện việc kiểm tra đối chiếu kết quả học tập của từng sinh viên để đảm bảo kết quả học tập được

lưu trữ chính xác, qua đó, giúp cho việc khen thưởng, xếp loại học tập, thông báo ngừng học, thôi học cho sinh viên được chính xác và công bằng (H4.4.5.2). Sau khi kiểm tra đối chiếu và thực hiện sửa đổi nếu cần thiết, kết quả học tập được ký xác nhận, đóng dấu và lưu trữ bằng bản giấy và bản điện tử tại phòng Đào tạo để đảm bảo an toàn và không thất lạc hồ sơ (H4.4.5.1).

Nhà trường thực hiện việc cấp văn bằng, chứng chỉ theo đúng quy định của Bộ GD & ĐT và Nhà trường và được công bố trên trang thông tin điện tử của nhà trường (H4.4.5.3). Các thông tin về sinh viên tốt nghiệp (quyết định công nhận tốt nghiệp, danh sách sinh viên tốt nghiệp) được công bố công khai trên trang web của nhà trường (H4.4.5.4) (H4.4.5.5).

Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm in ấn văn bằng, chứng chỉ. Mọi sai sót trong khâu in ấn đều có biên bản. Hồ sơ cấp phát văn bằng, chứng chỉ được lập và lưu trữ theo quy định (H4.4.5.6).

2. Điểm mạnh

- Kết quả học tập của sinh viên được thông báo kịp thời, lưu trữ an toàn, đầy đủ bằng cả bản giấy và bản điện tử đảm bảo cho việc kiểm tra, cập nhật nhanh chóng, chính xác.

- Văn bằng, chứng chỉ được cấp đúng quy định của Bộ GD & ĐT và Nhà trường. Hệ thống sổ sách quản lý và cấp văn bằng được ghi chép rõ ràng, đầy đủ bằng cả bản giấy và điện tử để đảm bảo thuận tiện cho việc theo dõi và kiểm tra.

- Sinh viên được cấp văn bằng và chứng chỉ đúng thời hạn, đảm bảo thuận lợi cho sinh viên nộp đơn xin việc.

3. Tồn tại

- Trước quy mô sinh viên ngày càng tăng, hệ thống máy chủ của Nhà trường đôi lúc không đảm bảo ổn định khi có lượng truy cập lớn, dẫn tới việc chậm trễ trong nhập và xem kết quả học tập.

- Còn tồn tại việc nộp kết quả học tập chưa đúng thời hạn quy định khiến cho việc cập nhật kết quả học tập bị chậm, ảnh hưởng tới việc tổng hợp điểm số, phân loại, khen thưởng và kỷ luật đối với sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

<i>TT</i>	<i>Mục tiêu</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Đơn vị thực hiện</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Khắc phục tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Trong năm 2016 - 2017, Nhà trường thực hiện đầu tư nâng cấp hệ thống máy chủ nhà trường để đảm bảo việc quản lý và theo dõi kết quả học tập được nhanh chóng và thuận tiện. - Trường thực hiện quản lý sâu sát và có hình thức xử lý nghiêm đối với những giảng viên nộp điểm chưa đúng thời gian quy định. 	Khoa CNTT Phòng HCQT Phòng ĐT	Năm 2017 Năm 2017	
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Luôn đảm bảo kết quả học tập của sinh viên được lưu trữ an toàn, đầy đủ bằng cả bản giấy và bản điện tử đảm bảo cho việc kiểm tra, cập nhật nhanh chóng, chính xác. - Luôn đảm bảo văn bằng, chứng chỉ được cấp đúng quy định của Bộ GD & ĐT và Nhà trường. Hệ thống sổ sách quản lý và cấp văn bằng được ghi chép rõ ràng, đầy đủ bằng cả bản giấy và điện tử để đảm bảo thuận tiện cho việc theo dõi và kiểm tra. - Luôn đảm bảo sinh viên được cấp văn bằng và chứng chỉ đúng thời hạn, đảm bảo thuận lợi cho sinh viên nộp đơn xin việc. 	Phòng ĐT	- Thường xuyên	

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.6: Có cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của nhà trường, tình hình sinh viên tốt nghiệp, tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp.

1.Mô tả

Cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của nhà trường được lưu trữ có hệ thống và cập nhật hàng năm (H4.4.6.1). Hệ thống cơ sở dữ liệu bao gồm các thông tin về:

- Điểm chuẩn đầu vào, điểm trúng tuyển, danh sách thí sinh trúng tuyển, danh sách sinh viên nhập học, danh sách các lớp môn học;
- Các CTĐT, các điều kiện ĐBCL về giảng viên, học liệu;
- Tuyển sinh, CTĐT, kế hoạch đào tạo từng khóa, đề cương môn học/học phần, lịch trình đào tạo;
- Kết quả học tập của sinh viên; kết quả điểm tốt nghiệp; quyết định, danh sách sinh viên tốt nghiệp;
- Thông tin về sinh viên tốt nghiệp: tình hình việc làm và việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo, thu nhập sau 1 năm tốt nghiệp;

Nhà trường đã ban hành văn bản quy định về việc thu thập, xử lý phân tích và quản lý thông tin đào tạo, tình trạng việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên (H4.4.6.2). Việc khảo sát và báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm và thu nhập của sinh viên tốt nghiệp các ngành học/chương trình học do Phòng KT&ĐBCL phối hợp với các Khoa thực hiện (H4.4.6.3).

Cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của Trường được lưu giữ một cách khoa học đảm bảo an toàn. Dữ liệu từ khâu tuyển sinh, trong quá trình đào tạo cho đến khi người học tốt nghiệp đều được các đơn vị chức năng quản lý chặt chẽ theo đúng quy trình trong Phần mềm quản lý sinh viên và quản lý điểm của Trường

Ngoài việc quản lý dữ liệu về hoạt động đào tạo bằng phần mềm Trường còn tiến hành quản lý song song bằng văn bản như: danh sách sinh viên trúng tuyển, hồ sơ nhập học, bảng điểm kiểm tra, điểm thi hết học phần, bảng điểm thi tốt nghiệp (H4.4.6.4)

Tình hình sinh viên tốt nghiệp theo các loại hình đào tạo được thể hiện thông qua kết quả thi tốt nghiệp hàng năm. Mỗi khóa sinh viên tốt nghiệp đều có quyết định công nhận sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp và danh sách cấp bằng kèm theo số hiệu bằng (H4.4.5.4) (H4.4.5.5)

Theo số liệu điều tra tình hình sinh viên tốt nghiệp từ khóa 1 đến khóa 5 cho thấy tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm trung bình trên 80%. Thu nhập của bình quân 5.000.000 đồng/tháng. Một số sinh viên có thu nhập từ 5.000.000 đến 10.000.000 nhưng tỉ lệ không cao. (H4.4.6.3).

2.Điểm mạnh

Thực hiện tốt việc quản lý cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo cả về dữ liệu bằng văn bản và trên phần mềm tại các bộ phận chức năng.

3. Những tồn tại:

Việc điều tra, theo dõi, quản lý tình hình sinh viên sau khi tốt nghiệp mới thực hiện được trong 3 năm gần đây.

4. Kế hoạch hành động:

<i>TT</i>	<i>Mục tiêu</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Đơn vị thực hiện</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Khắc phục tồn tại	- Phòng Đào tạo chủ trì phối hợp với các Khoa, Phòng KT&ĐBCL, Ban liên lạc cựu sinh viên có kế hoạch cụ thể triển khai việc điều tra, quản lý	Phòng QLSV Ban Phong trào	Năm 2017	

		tình hình sinh viên tốt nghiệp sâu sát hơn, bắt đầu đối với sinh viên tốt nghiệp năm 2016 và tập hợp tư liệu, thông tin sinh viên các khóa tốt nghiệp những năm trước chuẩn bị cho gặp mặt cựu sinh viên nhân dịp kỷ niệm 10 năm thành lập Trường (2007-2017)	Phòng ĐT Phòng KT&ĐBCL		
2	Phát huy điểm mạnh	- Thực hiện tốt việc quản lý cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo cả về dữ liệu bằng văn bản và trên phần mềm tại các bộ phận chức năng.	Phòng ĐT	- Thường xuyên	

5.Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí

Tiêu chí 4.7. Có kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường và kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.

1. Mô tả

Trường Đại học Đại Nam có kế hoạch thực hiện đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường. Trường đã ban hành các văn bản quy định việc đánh giá chất lượng sinh viên sau khi ra trường và các đơn vị sử dụng lao động (H4.4.7.1). Việc thực hiện đánh giá được Nhà trường giao cho Phòng KT&ĐBCL kết hợp với các Khoa thực hiện. Sau khi khảo sát, phiếu khảo sát, dữ liệu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường được tổng hợp và lưu tại phòng KT&ĐBCL (H4.4.7.2).

Nhà trường yêu cầu 100% số ngành đào tạo có sinh viên đã tốt nghiệp tổ chức lấy ý kiến phản hồi của sinh viên tốt nghiệp về tất cả các ngành cũng như ý kiến phản hồi của nhà sử dụng lao động đối với sinh viên tốt nghiệp (H4.4.7.2). Trường Đại học Đại Nam xác định chất lượng sinh viên là minh chứng rõ ràng nhất cho chất lượng đào tạo của nhà trường. Trong năm 2014 – 2015, Trường đã thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường “Đánh giá sự hài lòng của cựu sinh viên trường Đại học Đại Nam đối với nhà trường” do phòng KT & ĐBCL chủ trì và phối hợp với các Khoa liên quan để đánh giá sự hài lòng của cựu sinh viên và tiếp nhận ý kiến đóng góp của sinh viên để có cơ sở đổi mới nâng cao chất lượng đào tạo nhà trường (H4.4.7.3). Kết quả điều tra cho thấy có 90% sinh viên tìm được việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp. Ngoài ra, phần lớn cựu sinh viên cũng cho thấy phản hồi tương đối tích cực về nội dung chương trình đào tạo, chất lượng giảng viên cũng như điều kiện học tập tại trường Đại học Đại Nam. Các cựu sinh viên cũng đưa ra ý kiến đề xuất nhà trường nên đầu tư nhiều hơn vào cơ sở vật chất phục vụ cho việc học tập của sinh viên đặc biệt là tại các ngành kỹ thuật để sinh viên có nhiều điều kiện thực hành hơn nữa. Bên cạnh đó, nội dung chương trình cũng cần được cập nhật, đổi mới sát với thực tế hơn nữa để sinh viên ra trường có thể nhanh chóng đáp ứng yêu cầu thực tế của

nhà tuyển dụng hơn. Tuy nhiên, nhà trường còn chưa thực hiện các nghiên cứu diện rộng tìm hiểu về ý kiến của các nhà tuyển dụng đối với chất lượng của sinh viên tốt nghiệp trường Đại học Đại Nam. Đây là một thiếu sót cần khắc phục trong thời gian tới.

Sau khi phân tích các kết quả khảo sát, Trường lên kế hoạch thực hiện điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu xã hội. Trường giao cho Phòng KT&ĐBCL thực hiện báo cáo tổng hợp đánh giá chất lượng hoạt động đào tạo hàng năm (H4.4.7.4). Sau khi có kết quả khảo sát, nhà trường sẽ tổ chức họp các Khoa, Phòng liên quan để thực hiện điều chỉnh hoạt động đào tạo (H4.4.7.5).

2. Điểm mạnh

- Trường đã triển khai kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường thông qua các cuộc khảo sát và hội thảo khoa học.

- Trường đã điều chỉnh hoạt động đào tạo để phù hợp với yêu cầu của xã hội.

3. Tồn tại

- Còn thiếu các nghiên cứu về ý kiến của nhà tuyển dụng về chất lượng sinh viên tốt nghiệp trường Đại học Đại Nam.

- Công tác khảo sát đánh giá chất lượng đào tạo của sinh viên đã tốt nghiệp chưa trở thành hoạt động định kỳ của nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

<i>TT</i>	<i>Mục tiêu</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Đơn vị thực hiện</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Khắc phục	- Từ năm học 2016 - 2017, nhà trường nỗ lực xây dựng các kế hoạch	Phòng KT&ĐBCL	Năm 2017	

	tồn tại	đánh giá chất lượng đào tạo định kỳ hàng năm với mọi đối tượng người học, nhà tuyển dụng và cựu SV.			
2	Phát huy điểm mạnh	- Triển khai kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường thông qua các cuộc khảo sát và hội thảo khoa học.	Phòng KT&ĐBCL	- Thường xuyên	

5. Tự đánh giá: Chưa đạt

KẾT LUẬN

Hoạt động đào tạo của Trường đã thực hiện tương đối tốt việc đa dạng hóa các loại hình đào tạo; chuyển quy trình đào tạo theo niên chế sang học chế tín chỉ; công tác đánh giá hoạt động giảng dạy và đổi mới phương pháp giảng dạy được thực hiện tích cực và mạnh mẽ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo; các phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá đảm bảo tính chính xác, công bằng, khách quan; kết quả học tập của người học được lưu trữ đầy đủ và thông báo kịp thời, công khai; cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của Trường được lưu trữ đầy đủ, đúng quy định. Tuy nhiên công tác điều tra theo dõi, quản lý tình hình sinh viên sau khi ra trường và tình hình việc làm cũng như thu nhập của sinh viên chưa thực sự được chú trọng ở những khóa đầu khi sinh viên ra trường. Hiện tại có 6/7 tiêu chí của tiêu chuẩn 4 được đánh giá Đạt yêu cầu tiêu chí.

Kết quả: 6/7 tiêu chí đạt, 1/7 tiêu chí chưa đạt

TIÊU CHUẨN 5: ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIẢNG VIÊN VÀ NHÂN VIÊN

Trong quá trình xây dựng và phát triển, yếu tố “con người” có vai trò cực kỳ quan trọng; vì vậy, Trường luôn chú trọng phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao.

Trường Đại học Đại Nam ngay từ đầu đã được giao nhiệm vụ với loại hình đào tạo mới trong khi nguồn nhân lực cho sự nghiệp này hầu như phải xây dựng từ bước đi đầu tiên. Đến nay, đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ giảng dạy và chuyên viên của Trường đã đủ mạnh về chất lượng và số lượng.

Quy trình tuyển dụng lao động, bổ nhiệm cán bộ được tiến hành công khai, dân chủ và minh bạch. Những chủ trương chính sách, kế hoạch hành động được xây dựng trên cơ sở dân chủ, đồng thuận. Qua quá trình xây dựng và phát triển, không khí dân chủ được cải thiện dần, nhất là từ khi Quy chế dân chủ của Chính phủ được ban hành.

Công tác bồi dưỡng, đào tạo cán bộ được chú trọng. Chính sách của Trường tạo điều kiện để nâng cao trình độ và kinh nghiệm cho cán bộ. Bộ máy cán bộ quản lý năng động, hoàn thành khối lượng công việc lớn và đa dạng.

Tiêu chí 5.1. Có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng phát triển đội ngũ giảng viên, nhân viên; Quy hoạch bổ nhiệm đội ngũ cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với điều kiện cụ thể nhà trường, có quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch

1. Mô tả

Công tác tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên, nhân viên, quy hoạch cán bộ quản lý được Hội đồng Quản trị, Ban Giám hiệu hết sức quan tâm, xác định đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, có ý nghĩa quyết định đến chất lượng giáo dục của nhà trường.

Trường Đại học Đại Nam xây dựng và áp dụng quy trình tuyển dụng và ký hợp đồng lao động rõ ràng. Kế hoạch tuyển dụng, tiêu chuẩn tuyển dụng, nội dung tuyển dụng được xây dựng hàng năm, từng đợt tuyển dụng được công khai trên trang web của nhà trường, các trang thông tin tuyển dụng (H5.5.1.1). Nhà trường đã triển khai thực hiện tốt quy trình tuyển dụng theo đúng quy định, đúng kế hoạch đề ra từ khâu xây dựng kế hoạch, tiếp nhận hồ sơ ứng viên, tổ chức thi tuyển, tổ chức trình giảng trước Hội đồng tuyển dụng và trình Lãnh đạo nhà trường tiếp nhận ứng viên (H5.5.1.2).

Cùng với công tác tuyển dụng, nhà trường xây dựng quy trình hướng dẫn cụ thể đối với công tác đào tạo, hướng dẫn ứng viên sau khi được tiếp nhận vào làm việc tại nhà trường (H5.5.1.3)

Trường Đại học Đại Nam thực hiện việc quy hoạch cán bộ nguồn, cán bộ lãnh đạo trên cơ sở năng lực thực hiện công việc, phẩm chất đạo đức của cán bộ. Việc bổ nhiệm cán bộ thực hiện nghiêm túc, công khai minh bạch đã tạo động lực thúc đẩy cho toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên nghiêm túc thực hiện nội dung công việc được giao (H5.5.1.4).

Nhà trường đảm bảo tính dân chủ và quyền được nói ra ý kiến của cá nhân của cán bộ và giảng viên (H5.5.1.5) và công khai e-mail cá nhân của lãnh đạo để cán bộ và giảng viên góp ý kiến (H5.5.1.6).

2. Điểm mạnh

- Thực hiện tốt công tác tuyển dụng, ký hợp đồng lao động theo quy trình, tiêu chuẩn rõ ràng minh bạch.

- Công tác quy hoạch, bổ nhiệm lãnh đạo, cán bộ công khai minh bạch trên cơ sở đánh giá năng lực cá nhân, phẩm chất đạo đức.

3. Tồn tại:

- Chưa xây dựng quy định cụ thể về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giảng viên nâng cao trình độ.

4. Kế hoạch hành động:

- Năm học 2016 – 2017, kiện toàn xây dựng hệ thống văn bản quy định về công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm phát triển nguồn lao động có chất lượng

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được đảm bảo các quyền dân chủ trong trường đại học

1. Mô tả

Trường Đại học Đại Nam với đặc thù là trường đại học tư thục, đã tạo được môi trường dân chủ để toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên, sinh viên tham gia đóng góp đối với các mặt hoạt động của nhà trường. Hằng năm, nhà trường có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đối với cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên trong trường như: Đánh giá cán bộ; cấp dưới đánh giá tín nhiệm cấp trên, Đánh giá mức độ tương tác giữa các phòng, ban, trung tâm (H5.5.2.1). Đối với công tác đánh giá cán bộ, giảng viên và bình xét khen thưởng, nhà trường tiên hành đánh giá khách quan, dân chủ trên các phương diện hoạt động của từng lĩnh vực.

Những tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, giảng viên nêu ra trong cuộc họp giữa lãnh đạo nhà trường với cán bộ, giảng viên được xem xét và giải quyết kịp thời và theo quy định của nhà trường và theo đúng luật pháp (H5.5.2.2).

Định kỳ hàng tháng, Hội đồng Quản trị, Ban Giám hiệu tổ chức buổi họp giao ban hàng tháng nhằm rà soát, đánh giá thực hiện công việc được giao trong tháng trước, và xây dựng kế hoạch cho tháng tiếp theo. Buổi họp giao ban được tiến hành công khai, minh bạch, lãnh đạo các đơn vị đóng góp ý kiến về các mảng hoạt động của nhà trường. Trên cơ sở đó, Chủ tịch HĐQT tổng kết công tác đánh giá, và giao nhiệm vụ cho cá nhân, đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện. Nội dung các buổi họp giao ban được ban hành và gửi trên hệ thống mail nội bộ để toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên nắm được chủ trương và thực hiện các mảng công việc được phân công thực hiện (H5.5.2.3).

Việc xây dựng kế hoạch hoạt động trong buổi họp giao ban hàng tháng được xây dựng trên cơ sở từ dưới lên và từ trên xuống. Do đó, việc thực hiện và triển khai công việc đạt nhiều kết quả, đảm bảo tính tập trung và dân chủ trong việc thực hiện các kế hoạch, mục tiêu hoạt động của nhà trường.

Hàng năm, Lãnh đạo nhà trường tổ chức Tọa đàm giữa Lãnh đạo nhà trường với cán bộ giảng dạy trẻ thực hiện dân chủ hóa công tác quản lý, thực hiện các quy định đã ban hành (H5.5.2.3).

2. Điểm mạnh

- Trường xây dựng môi trường dân chủ, đoàn kết, nhất trí.

3. Tôn tại

- Không có tôn tại nào trong tiêu chuẩn này

4. Kế hoạch hành động

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.3. Có chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước

1. Mô tả

Trong 5 năm qua, nhà trường có ban hành chính sách và quy định chế độ về thời gian, kinh phí đối với cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên,... tham gia hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong nước và nước ngoài (H5.5.3.1). Nhà trường khuyến khích cán bộ giảng viên học tập nghiên cứu trong và ngoài nước bằng việc ký kết hợp tác, thu hút học bổng với các đối tác nước ngoài (H5.5.3.2).

Nhà trường ban hành quy định khen thưởng, hỗ trợ các công trình khoa học (bài báo đăng tạp chí, hội thảo trong và ngoài nước) (H5.5.3.1)

Có báo cáo hằng năm thực hiện chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống quy định, văn bản khuyến khích cán bộ giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.

3. Tồn tại

Chính sách, quy định khuyến khích việc học tập và nghiên cứu ngoài nước thì có ban hành nhưng việc thực hiện chưa đem lại kết quả cao.

4. Kế hoạch hành động

<i>TT</i>	<i>Mục tiêu</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Đơn vị thực hiện</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Khắc phục	Rà soát, động viên và có những biện pháp quyết liệt đối với những giảng	tất cả các Khoa.	Năm học 2016-	

	tồn tại	viên, cán bộ chưa có có bằng thạc sỹ trở lên tham gia các chương trình sau đại học trong và ngoài nước.		2017	
--	---------	---	--	------	--

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.4. Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thành nhiệm vụ được giao

1. Mô tả

Trường Đại học Đại Nam hiện có 41 cán bộ quản lý từ Hội đồng Quản trị, Ban Giám hiệu, trưởng, phó các đơn vị khoa, phòng, viện, trung tâm trực thuộc. Đội ngũ cán bộ quản lý có cơ cấu hợp lý, đáp ứng quy định đào tạo, giảng dạy và phát triển nhà trường. Cụ thể, cán bộ quản lý có học hàm, học vị: PGS.TS có 6 người (chiếm 1.49%), Tiến sĩ có 12 người (chiếm 2.97%), Thạc sĩ có 10 người (chiếm 2.48%), Cử nhân có 13 người (chiếm 3.22%). Số lượng cán bộ có trình độ Thạc sĩ trở lên chiếm 49%

Số lượng cán bộ quản lý tham gia giảng dạy là: 391 người, chiếm 97% trên tổng số cán bộ quản lý toàn trường.

Về cơ cấu giới tính, số lượng cán bộ quản lý nữ có 211 người, chiếm 52%, số lượng cán bộ quản lý nam có 193 người, chiếm 48%

Về cơ cấu độ tuổi: cán bộ quản lý của trường có độ tuổi từ 25 đến 70, độ tuổi trung bình là 49.

Đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường đảm bảo về số lượng, có phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý chuyên môn, nhiệt tình, trách nhiệm với công việc.

Do đặc thù là trường tư thục nên trường Đại học Đại Nam thực hiện tốt và nghiêm chỉnh quy chế dân chủ cơ sở về các công tác bổ nhiệm Lãnh đạo, đánh giá công tác Lãnh đạo và bình xét thi đua khen thưởng...

Hàng năm, nhà trường tổ chức đánh giá Lãnh đạo trên các căn cứ: Lãnh đạo tự đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá đã ban hành, cán bộ, giảng viên, nhân viên đánh giá Lãnh đạo theo các nội dung tiêu chí đưa ra, đánh giá chéo giữa các đơn vị... Căn cứ kết quả đánh giá, kết quả thực hiện công việc cũng như các nỗ lực xây dựng và phát triển đơn vị, Hội đồng thi đua khen thưởng nhà trường sẽ có kết quả bình bầu Lãnh đạo hoàn thành xuất sắc, hoàn thành tốt nhiệm vụ của từng năm học. Trên cơ sở những nỗ lực phấn đấu và kết quả đánh giá từ cơ sở, Hội đồng Quản trị và Ban Giám hiệu sẽ có những quyết định bổ nhiệm đối với

những người có năng lực và phẩm chất đạo đức vào các vị trí quản lý phù hợp. (hồ sơ đánh giá lãnh đạo, quyết định khen thưởng năm 2016).

2. Điểm mạnh

- Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đảm bảo về số lượng, có phẩm chất đạo đức tốt, nhiệt tình, tâm huyết.
- Có tinh thần trách nhiệm và hoàn thành tốt mọi công việc được giao.
- Công tác đánh giá công khai, minh bạch, khách quan được thực hiện thường xuyên tạo được hiệu ứng tốt để phát triển năng lực cá nhân.

3. Tồn tại

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý chuyên sâu vẫn chưa được triển khai đồng bộ.

4. Kế hoạch hành động

- Năm học 2016 – 2017, triển khai kế hoạch hợp tác với các nước trên thế giới nhằm đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý có năng lực, phát triển nhà trường hội nhập với các nước phát triển.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí

Tiêu chí 5.5. Có đủ số lượng giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học; đạt được mục tiêu của chiến lược phát triển giáo dục nhằm giảm tỷ lệ trung bình sinh viên/giảng viên.

1. Mô tả

Tính đến thời điểm tháng 9/2016, trường Đại học Đại Nam có tổng số 404 cán bộ giảng viên cơ hữu. Trong đó có 3 GS, 35 PGS, 69 Tiến sĩ, 190 Thạc sĩ, 94 Cử nhân, Kỹ sư.

Trình độ giảng viên có trình độ Thạc sĩ trở lên chiếm 72.3 %. Số lượng sinh viên/giảng viên quy đổi:

Số đủ số lượng giảng viên đúng tiêu chuẩn phù hợp chuyên môn với chuyên ngành đào tạo. Cụ thể:

Số TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng giảng viên	Giảng viên cơ hữu			Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	3		3			
2	Phó Giáo sư	35		23	7	5	
3	Tiến sĩ khoa học	0					
4	Tiến sĩ	69		47	11	11	

5	Thạc sĩ	190		125	11	54	
6	Đại học	94		85	2	6	1
7	Cao đẳng	0					
8	Trung cấp	0					
9	Trình độ khác	0					
	Tổng số	391	0	283	31	76	1

Tỷ lệ sinh viên/giảng viên của từng ngành đào tạo: Đảm bảo yêu cầu cấp chủ quản đề ra

2. Điểm mạnh

- Đội ngũ cán bộ giảng dạy có đủ năng lực, trình độ chuyên môn đáp ứng nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học.

- Có nhiều giảng viên giỏi, có năng lực, tự chủ điều hành các công trình nghiên cứu khoa học.

3. Tồn tại

- Một số ngành mới đảm bảo đội ngũ giảng viên cơ hữu theo yêu cầu: Xây dựng – Kiến trúc, Quan hệ công chúng – Truyền thông.

4. Kế hoạch hành động

- Năm 2016-2017, tiếp tục bổ sung giảng viên cơ hữu có trình độ chuyên môn nghiệp vụ và tâm huyết cho các ngành trên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí

Tiêu chí 5.6. Đội ngũ giảng viên đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định. Giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo; đảm bảo cơ cấu chuyên môn và trình độ theo quy định; có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả

Đội ngũ giảng viên của nhà trường đảm bảo trình độ chuẩn, giảng dạy đúng chuyên môn được đào tạo, áp dụng thành thạo công nghệ thông tin vào công tác giảng dạy.

Theo số liệu tại thời điểm tháng 9/2016, trình độ giảng viên cơ hữu từ Thạc sĩ trở lên chiếm 72.3%. Đội ngũ giảng viên của nhà trường được sàng lọc và tuyển chọn từ khâu tuyển dụng. Với các hình thức thi viết chuyên môn theo quy định, nhà trường còn tổ chức cho ứng viên giảng thử trước Hội đồng tuyển dụng của nhà trường. Chính vì vậy, căn cứ năng lực của ứng viên, nhà trường và các đơn vị trực thuộc đã bố trí các môn dạy phù hợp với chuyên ngành và chuyên môn của giảng viên ngay từ bước đầu.

Đầu năm học, mỗi khoa, tổ bộ môn đều có bảng phân công cụ thể về môn dạy, thời gian dạy. Các giảng viên căn cứ lịch giảng dạy đều biết trách nhiệm và bố trí thời gian thực hiện công việc, theo đúng chuyên môn của mình.

Ngoài ra, để đổi mới phương pháp giảng dạy đối với khối giảng viên, đầu năm học, nhà trường mời các chuyên gia về tập huấn các phương pháp giảng dạy mới, tích cực. Sau mỗi buổi tập huấn, các giảng viên đều có báo cáo thu hoạch và ý kiến các nhân nhằm đổi mới tư duy đối với phương pháp giảng dạy mới. ((hồ sơ thanh toán pp giảng dạy tích cực 2016)

Đội ngũ giảng viên của trường đều ứng dụng tin học và trong trong công tác giảng dạy chuyên môn và nghiên cứu khoa học. Với việc phát triển công nghệ thông tin như hiện tại, việc ứng dụng các phần mềm tin học vào công tác giảng dạy là nhu cầu tất yếu đối với giảng viên và sinh viên.

Về trình độ ngoại ngữ, hầu hết các giảng viên có trình độ ngoại ngữ tiếng Anh đáp ứng yêu cầu đọc tham khảo tài liệu nước ngoài trong công tác giảng dạy cũng như nghiên cứu khoa học.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có đội ngũ giảng viên đảm bảo trình độ chuẩn của nhà giáo theo quy định.

3. Tồn tại

- Chưa chuẩn hóa trình độ ngoại ngữ của các giảng viên không chuyên ngữ.

4. Kế hoạch hành động

- Năm 2016-2017, xây dựng các quy định về tiêu chuẩn ngoại ngữ đối với các giảng viên không chuyên ngữ.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5.7: Đội ngũ giảng viên được đảm bảo cân bằng về kinh nghiệm công tác chuyên môn và trẻ hoá của đội ngũ giảng viên theo quy định

1. Mô tả

Lãnh đạo Trường luôn chú trọng xây dựng và bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, nhất là các giảng viên trẻ. Chủ trương, chiến lược phát triển đội ngũ giảng viên thể hiện tại các văn bản của nhà trường (H5.5.7.1), (H5.5.7.2).

Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu cán bộ giảng dạy của các khoa, tổ bộ môn, Trường tổ chức tuyển dụng giảng viên theo 2 kênh chính: (1) giữ lại những sinh viên có kết quả học tập giỏi, có tiềm năng phát triển tốt để bồi dưỡng làm cán bộ giảng dạy; (2) thi tuyển giảng viên từ bên ngoài, những ứng viên dự tuyển phải có bằng thạc sỹ trở lên (H5.5.7.3).

Tính đến 30/09/2016, đội ngũ giảng viên có 72,3% có trình độ thạc sỹ trở lên; độ tuổi trung bình là 35, độ tuổi dưới 40 chiếm 80% (H5.5.7.4). Như vậy, đội ngũ giảng viên của Trường là rất trẻ so với nhiều trường khác.

Nhà trường khuyến khích và tạo mọi điều kiện để cán bộ giảng dạy học tập, nâng cao trình độ bằng nhiều hình thức khác nhau: tự bồi dưỡng, cử đi tập huấn ở nước ngoài (H5.5.7.5), tham gia các khoá đào tạo ngắn hạn hoặc dài hạn trong nước; mời chuyên gia nước ngoài mở lớp bồi dưỡng giáo viên tại Trường. Nhà trường tạo điều kiện về kinh phí cho công tác bồi dưỡng cán bộ. Ngoài ra, giảng viên trẻ luôn được các giảng viên có trình độ giáo sư, phó giáo sư kèm cặp giúp đỡ nâng cao chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm (H5.5.7.6).

Để khuyến khích giảng viên trẻ nâng cao trình độ, nghiệp vụ, công tác đánh giá được thực hiện qua các hình thức: tự đánh giá, đánh giá của đồng nghiệp, người học đánh giá (H5.5.7.7). Căn cứ vào các thông tin đó, bản thân cán bộ có hướng phấn đấu, đồng thời đơn vị cũng có phương pháp kèm cặp, bồi dưỡng (H5.5.7.8).

2. Mặt mạnh

- Lãnh đạo nhà trường khuyến khích giảng viên học tập, bồi dưỡng bằng nhiều hình thức khác nhau.

3. Tồn tại

- Đội ngũ giảng viên trẻ không ổn định, một số ngành thiếu giảng viên: Xây dựng – Kiến trúc, Luật Kinh tế, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

4. Kế hoạch hành động

- Năm 2017, tiếp tục hoàn thiện cơ cấu ổn định đội ngũ giảng viên

- Tuyển dụng thêm giảng viên trẻ có trình độ học vấn cao, nghiệp vụ sư phạm tốt và tâm huyết về nghề cho các ngành: Xây dựng – Kiến trúc, Luật Kinh tế, Quản trị dịch vụ du lịch lữ hành.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 5.8: Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đủ số lượng, có năng lực chuyên môn và được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả

Trường có đủ đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên về số lượng và trình độ phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của nhà trường. Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên gồm 142 người, đang công tác tại các trung tâm, phòng ban và tại các khoa. Đội ngũ kỹ thuật sử dụng thành thạo hệ thống trang thiết bị của nhà trường. Đội ngũ nhân viên nắm vững nghiệp vụ, hoàn thành công việc được giao (H5.5.8.1), (H5.5.8.2).

Hàng năm, nhà trường tổ chức các đợt tập huấn trong và ngoài nước cho đội ngũ kỹ thuật và nhân viên (H5.5.8.3). Trường hợp tác với Trung tâm giáo dục Mở và Từ xa khu vực Đông nam Á SEAMOLEC định kỳ tổ chức các lớp tập huấn về công nghệ thông tin, phát triển học liệu điện tử, ứng dụng mạng Internet (H5.5.8.4). Nhiều lớp tập huấn chuyên đề cho từng loại nhân viên được tổ chức trong thời gian qua như tập huấn về công tác văn thư lưu trữ, kế toán tài chính, nghiệp vụ thư viện, v.v (H5.5.8.5).

Qua khảo sát, khoảng 30% số cán bộ kỹ thuật, nhân viên các phòng chức năng có trình độ ngoại ngữ có thể học tập và làm việc bằng Tiếng Anh với chuyên gia nước ngoài. Kỹ năng sử dụng máy vi tính trong công việc là yêu cầu bắt buộc đối với các nhân viên văn phòng (H5.5.8.6).

Do đặc thù của loại hình đào tạo với việc sử dụng công nghệ và phương tiện để nâng cao chất lượng đào tạo từ xa, Trường luôn chú trọng việc nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học, kỹ năng sử dụng phương tiện kỹ thuật và văn hoá phục vụ của đội ngũ cán bộ kỹ thuật và nhân viên (H5.5.8.7).

2. Mặt mạnh

Trường có đội ngũ cán bộ kỹ thuật có trình độ chuyên môn tốt, sử dụng được ngoại ngữ và tin học trong công việc

3. Tồn tại

Tính chuyên nghiệp của nhân viên một số đơn vị chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

Từ nay đến cuối năm 2009 Trường tổ chức 2 khoá tập huấn cho cán bộ kỹ thuật, nhân viên ở trong nước và 2 khoá tại nước ngoài; khuyến khích việc nâng cao trình độ ngoại ngữ và tin học của toàn bộ cán bộ kỹ thuật, nhân viên.

5. Tự đánh giá: Đạt.

KẾT LUẬN

Nhà trường đã có các kế hoạch cụ thể trong việc tuyển dụng, bồi dưỡng phát triển đội ngũ giảng viên, nhân viên. Việc quy hoạch bổ nhiệm đội ngũ cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với điều kiện cụ thể nhà trường, có quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch. Nhà trường đã nỗ lực tạo điều kiện để đội ngũ cán bộ, giảng viên không ngừng bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ đáp ứng các tiêu chuẩn ngày càng cao của Bộ Giáo dục & Đào tạo cũng như nhu cầu xã hội. Tuy nhiên, do là một trường đại học trẻ nên nguồn lực nhà trường vẫn còn hạn chế, vì vậy, đội ngũ giảng viên cơ hữu tại một số khoa như Xây dựng Kiến trúc, Luật kinh tế, Quản trị dịch vụ du lịch lữ hành chưa ổn định. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý chuyên sâu vẫn chưa được triển khai đồng bộ.

Kết quả: 8/8 tiêu chí đạt

TIÊU CHUẨN 6: NGƯỜI HỌC

Trong suốt quá trình hoạt động, các cấp lãnh đạo và các tổ chức trong nhà trường luôn dành cho người học sự quan tâm cao nhất. Người học được cung cấp đầy đủ văn bản hướng dẫn về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo và yêu cầu về kiểm tra đánh giá, quy chế đào tạo; được đảm bảo các chế độ chính sách xã hội và chăm sóc sức khoẻ, rèn luyện đạo đức; được tạo mọi điều kiện trong hoạt động văn hoá văn nghệ và thể dục thể thao.

Hội đồng quản trị - Ban Giám hiệu nhà trường luôn quan tâm tạo điều kiện cho công tác Đoàn, Hội và phong trào sinh viên bằng cơ chế và kinh phí tối đa cho hoạt động. Công tác phát triển Đảng viên được quan tâm, chú trọng và có kế hoạch triển khai cụ thể. Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước. Đa số sinh viên có ý thức chấp hành tốt trong việc rèn luyện đạo đức, lối sống, thực hiện tốt các quy định của nhà trường cũng như chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước. Nhà trường có nhiều biện pháp tuyên dương, khen thưởng sinh viên, Đoàn viên gương mẫu trong học tập và rèn luyện. Người học được tham gia các hoạt động Đoàn, Hội và có môi trường tu dưỡng phấn đấu vào Đảng. Trường có nhiều hoạt động hỗ trợ người học trong học tập, hướng nghiệp, tỷ lệ người học sau khi ra trường có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo.

Người học được góp ý đánh giá về chất lượng giảng dạy và phục vụ đào tạo của nhà trường.

Nhà trường luôn dành cho người học sự quan tâm cao nhất; giúp người học hiểu rõ về về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo và yêu cầu về kiểm tra đánh giá, thực hiện tốt quy chế đào tạo, rèn luyện và những vấn đề liên quan đến người học; đảm bảo chế độ chính sách xã hội và thực hiện nhiều biện pháp hiệu quả hỗ trợ sinh viên.

Nhà trường triển khai đa dạng hoá các kênh thông tin đến sinh viên, hoàn thiện và phát triển nội dung website, sổ tay sinh viên, tổ chức khám sức khoẻ cho sinh viên trước khi tốt nghiệp...

Tiêu chí 6.1: Người học được hướng dẫn đầy đủ về chương trình giáo dục, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Mô tả và phân tích

Tại “Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên”, Nhà trường hướng dẫn đầy đủ cho sinh viên về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo, kiểm tra đánh giá, các quy chế, quy định chung của Bộ GD&ĐT và của riêng Trường Đại học Đại Nam. Sinh viên phải viết bài thu hoạch về hiểu biết của mình, nếu đạt yêu cầu được cấp giấy chứng nhận đã hoàn thành lớp chính trị đầu khóa. Trong tuần này, Trưởng khoa và đại diện Lãnh đạo Nhà trường gặp mặt, giao lưu, trao đổi với sinh viên mới về truyền thống, thế mạnh của từng khoa, mục tiêu chương trình của ngành học, phương pháp học, thị trường lao động đối với ngành học... (H6.6.1.1)

Thông tin cũng được phổ biến, cập nhật qua *Sổ tay sinh viên* (trước đây) và *Cẩm nang sinh viên* (hiện nay) tại trang chủ website của Trường. (H6.6.1.2)

Nhà trường công bố mục tiêu, chương trình đào tạo các ngành và chuyên ngành đào tạo trong đó ghi rõ điều kiện tốt nghiệp đối với từng ngành tại địa chỉ (H6.6.1.3), công khai chuẩn kiến thức đầu vào/đầu ra (*Cẩm nang sinh viên*)... thông qua website của Trường. Chương trình giáo dục và các quy định mới trong quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng được thông tin trên website (H6.6.1.4).

Nhà trường cung cấp kịp thời cho sinh viên: Thời khóa biểu (H6.6.1.5); Kế hoạch giảng dạy và học tập cả năm học (H6.6.1.6); Lịch thi và kiểm tra của học kỳ (H6.6.1.7); Các thông báo đột xuất khác (H6.6.1.8) từ đó giúp người học chủ động hơn trong bố trí thời gian học tập, rèn luyện.

Đối với những quy định mới phát sinh, Nhà trường giao các Khoa và các giáo viên chủ nhiệm/cố vấn học tập, Khoa chuyên môn hoặc Phòng QLSV có trách nhiệm thông báo và hướng dẫn đến từng người học của khoa mình thông qua hệ thống email nội bộ (H6.6.1.9) và kết hợp văn bản nếu cần (H6.6.1.10).

Các thông tin mới cũng được dán trên bảng tin ở 2 cơ sở của Trường (số 56 Vũ Trọng Phụng, Hà Nội và số 1 Phú Lãm, Hà Đông (H6.6.1.11)

Đình kỳ, trong những tháng đầu năm học mới, các Khoa (H6.6.1.12) và Nhà trường (H6.6.1.13) đều tổ chức đối thoại với sinh viên nhằm giải đáp và xử lý triệt để những thắc mắc, kiến nghị của người học.

“Thư viện điện tử” trên website cũng là kênh thông tin bổ ích mà người học có thể tra cứu, tìm hiểu về đề cương chi tiết từng môn học, các tài liệu tham khảo, hình thức kiểm tra và thi cuối kỳ ứng với từng môn... (H6.6.1.14)

Từ cuối năm 2013, Nhà trường đã tổ chức *Bộ phận một cửa* luôn có người trực ở cả 2 cơ sở để hỗ trợ, giải đáp nhanh chóng, tiếp nhận và trả lời mọi kiến nghị, nguyện vọng của người học. (H6.6.1.15)

“*Quy định về công tác giáo viên chủ nhiệm*” mới nhất được ban hành đầu năm 2014, trong đó yêu cầu phải thống kê được tình hình vi phạm quy chế đào tạo và kỷ luật học đường đối với sinh viên từng lớp theo môn học và theo từng tháng. (H6.6.1.16)

2. Điểm mạnh

- Chương trình giáo dục, kiểm tra đánh giá, thời khóa biểu, lịch thi được được nhà trường hướng dẫn cụ thể, chi tiết. Quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo được cụ thể hóa bằng các văn bản hướng dẫn.

- Chương trình giáo dục tổng thể và chi tiết từng môn, quy định về kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trường Đại học Đại Nam được thông tin đến người học bằng rất nhiều biện pháp.

- Công tác giáo viên chủ nhiệm/cố vấn học tập năng động, trách nhiệm cao và rất gần gũi sinh viên. Nhà trường luôn đặt ra những yêu cầu rất cao đối với đội ngũ GVCN nên người học được chăm lo đặc biệt.

- Nhà trường đã tổ chức được *Bộ phận một cửa* hoạt động rất hiệu quả nhằm hỗ trợ kịp thời và đáp ứng tối đa những yêu cầu của người học.

3. Những tồn tại

- Chưa lập báo cáo về tình hình người học tham gia tuần sinh hoạt công dân đầu khóa/đầu năm học.

- Chưa tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về tiếp nhận các quy định.

4. Kế hoạch hành động

<i>TT</i>	<i>Mục tiêu</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Đơn vị thực hiện</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>
1	Khắc phục tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối các tuần sinh hoạt công dân lập báo cáo về tình hình người học tham gia tuần sinh hoạt công dân đầu khóa/đầu năm học. - Tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về tiếp nhận các quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng QLSV - Phòng QLSV 	Từ đầu năm học 2016-2017
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật liên tục về chương trình đào tạo mới, các quy chế đào tạo của Bộ GD và ĐT và cụ thể hóa đối với Trường. - Duy trì nhiều biện pháp thông tin, hướng dẫn đến người học như hiện nay. - Bồi dưỡng kỹ năng và thường xuyên yêu cầu các GVCN nắm chắc các quy định của Nhà trường để hỗ trợ người học. - Tiếp tục duy trì <i>Bộ phận một cửa</i> và lựa chọn cán bộ có trách nhiệm, tâm huyết với công tác hỗ trợ người học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng Đào tạo, QLSV - Các bộ phận có liên quan - BGH và Khoa CM, GVCN - Phòng QLSV 	<ul style="list-style-type: none"> - Thường xuyên - Thường xuyên - Thường xuyên - Thường xuyên

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.2: Người học được đảm bảo các chế độ chính sách xã hội, được khám sức khỏe theo quy định y tế học đường; được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao và được đảm bảo an toàn trong khuôn viên của nhà trường.

1. Mô tả và phân tích

a) Về chế độ, chính sách xã hội, khám sức khỏe theo quy định

- Thông qua “Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên”, Nhà trường đã phổ biến các quy định liên quan đến chế độ chính sách như: Quy định về thu học phí; chế độ học bổng (H6.6.2.1).

- Tuy là trường tư thục nhưng Trường đã thường xuyên dành phần chi phí đáng kể để cấp học bổng và khen thưởng đối với các đối tượng: Tất cả sinh viên tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc, cán sự lớp, cán bộ đoàn giỏi (H6.6.2.2); Các sinh viên đạt điểm thi/xét tuyển đầu vào cao nhất (H6.6.2.3); Sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải từ cấp Khoa trở lên, sinh viên đạt giải trong các kỳ thi Olympic (H6.6.2.4).

- Cũng trong “Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên”, nhà trường thông báo những quy định đối với người học được hưởng chính sách ưu tiên, trợ cấp đặc biệt (H6.6.2.5), giới thiệu về khu KTX của Nhà trường luôn sẵn sàng hỗ trợ, tạo điều kiện cho các sinh viên thuê trọ (H6.6.2.6).

- Tổ chức khám sức khỏe đầu khóa học cho 100% sinh viên mới nhập trường (H6.6.2.7), (H6.6.2.8) và lập hồ sơ theo dõi (H6.6.2.9). Khám và điều trị hàng ngày khi sinh viên yêu cầu (H6.6.2.10), tổ chức trực cấp cứu 24h/24h. (H6.6.2.11).

b) Về tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao và được đảm bảo an toàn trong khuôn viên của Nhà trường

- Hàng năm, Trường đều tổ chức các cuộc thi văn nghệ, thể thao quy mô lớn và hỗ trợ kinh phí để người học tham gia (H6.6.2.12). Các hoạt động này thu hút đông đảo sinh viên của Trường và trường khác hưởng ứng (H6.6.2.13).

- Đã đầu tư xây dựng hội trường lớn khang trang với có sức chứa hơn 300 chỗ ngồi, các phòng kỹ năng mềm được thiết kế riêng tại cả 2 cơ sở được dành cho người học sử dụng miễn phí phục vụ cho các hoạt động học tập và giải trí (DN6.6.2.14).

- Nhà trường cũng đã có sân bóng đá, sân bóng chuyền, sân cầu lông, nhà thi đấu thể thao, bãi tập xà...phục vụ miễn phí cho người học (H6.6.2.15).

- Đã thành lập và duy trì nhiều câu lạc bộ văn nghệ, thể thao và câu lạc bộ học thuật (H6.6.2.16).

- Khu vực KTX được bố trí riêng với hàng rào riêng biệt (H6.6.2.17), mỗi phòng đều có hệ thống vệ sinh khép kín (H6.6.2.18), hệ thống điều hòa (H6.6.2.19), tường cao tách biệt các phòng (H6.6.2.20) và luôn có lực lượng bảo vệ trực và giám sát tuân thủ kỷ luật, an toàn theo quy định của ký túc xá (H6.6.2.21).

- Để đảm bảo giữ gìn trật tự trị an, bảo vệ các hoạt động trong khuôn viên trường, các cơ sở của Trường đã có hệ thống tường rào bảo vệ (H6.6.2.22). Các phòng học, phòng ở ký túc xá, thư viện, khu thí nghiệm... đều có hệ thống phòng chống cháy nổ (H6.6.2.23), hệ thống camera giám sát (H6.6.2.24).

- Nhà trường luôn có đội ngũ bảo vệ lên đến 23 nhân viên, trực 24/24h và được phân bổ ở Cơ sở chính tại Phú Lâm 13 người, ở Cơ sở 56 Vũ Trọng Phụng 8 người và ký túc xá 2 người (H6.6.2.25). Nhà trường cũng có 03 căng tin sạch sẽ, khang trang, thuận tiện ngay trong khuôn viên Trường (H6.6.2.26).

- Các phòng thực hành, phòng thí nghiệm, phòng máy và ký túc xá của Trường đều có nội quy nhằm đảm bảo an toàn cho người học (H6.6.2.27).

- Từ khi thành lập đến nay, Trường không có người học bị đe dọa hoặc bị hại về sức khỏe, tính mạng; Không có các vụ việc trộm cắp tài sản lớn của người học (H6.6.2.28).

2. Điểm mạnh

- Các chế độ, chính sách, biện pháp động viên khuyến khích người học tham gia văn nghệ, thể thao và các hoạt động văn hóa, tinh thần nói chung rất

được quan tâm và phong phú, đa dạng, được tổ chức khá chuyên nghiệp với quy mô lớn.

- Người học được học tập, sinh hoạt, ăn nghỉ trong điều kiện tiện nghi, an toàn.

- Các chế độ, chính sách được thực hiện công khai, kịp thời. Chế độ khen thưởng, cấp học bổng được duy trì tốt.

3. Những tồn tại

Nhà trường mới tổ chức khám sức khỏe cho sinh viên đầu khóa học nhưng chưa tổ chức khám sức khỏe và phân loại sức khỏe định kỳ hàng năm theo Điều 4, *Quyết định số 17/2007/QĐ-BGDĐT về tổ chức và hoạt động của Trạm y tế trong các đại học, học viện, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp.*

4. Kế hoạch hành động

<i>TT</i>	<i>Mục tiêu</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Đơn vị thực hiện</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Khắc phục tồn tại	- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người học các khóa.	- Phòng HCQT.	- Từ năm học 2016-2017	
2	Phát huy điểm mạnh	- Duy trì và tiếp tục phát triển các hoạt động văn nghệ, thể thao. - Duy trì, tăng cường các điều kiện đảm bảo an toàn cho người học. - Tiếp tục dành quỹ học bổng/khen thưởng cho người học.	- BGH, Đoàn TN, Khoa - HĐQT, BGH - HĐQT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.3: Công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học được thực hiện có hiệu quả.

1. Mô tả và phân tích

- Tại “Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên”, Nhà trường hướng dẫn đầy đủ cho người học về quy chế rèn luyện đối với người học và được thể hiện chi tiết trong Cẩm nang Sinh viên (H6.6.3.1), người học phải tuân thủ các quy định pháp luật cũng như nội quy của Trường Đại học Đại Nam. Trong tuần này, Nhà trường cũng mời báo cáo viên đến phổ biến cho người học về các vấn đề chính trị, thời sự quốc gia như chủ quyền biển đảo, trật tự an ninh, an toàn, phòng chống tệ nạn xã hội, lạm bẫy đối với người học... nhằm trang bị cho người học những kiến thức trong quá trình học tập và rèn luyện theo pháp luật, đồng thời có ý thức cảnh giác giữ an toàn cho chính mình (H6.6.3.2).

- Phòng Quản lý Sinh viên đều có thống kê về người học tham gia các buổi sinh hoạt chính trị trên cơ sở kết quả điểm danh (H6.6.3.3).

- Hàng năm, Nhà trường cùng với Đoàn thanh niên tổ chức rất nhiều các hoạt động công ích xã hội như: Hiến máu nhân đạo (H6.6.3.4), nhặt rác Hồ Tây, Hồ Gươm (H6.6.3.5), phát cháo cho người vô gia cư (H6.6.3.6), gói và tặng bánh chưng nhân dịp Tết (H6.6.3.7), tổ chức Tết Trung thu cho các em nhỏ tại bệnh viện (H6.6.3.8), mua và phân phối dưa hấu (H6.6.3.9) hay hành tím (H6.6.3.10) ủng hộ người dân các vùng bị thiệt hại...

- Sau mỗi tuần kết thúc “Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên” đều có họp đánh giá kết quả cũng như hạn chế còn thiếu sót nhằm nâng cao hoạt động này trong những năm tiếp theo (H6.6.3.11).

- Các phong trào tìm hiểu học tập chính trị tư tưởng, tham gia các hội thảo, tọa đàm có liên quan luôn được sự quan tâm từ phía người học (H6.6.3.12). Cùng với đó, các phong trào hoạt động xã hội cũng thu hút rất nhiều các sinh viên nhiệt tình tham gia (H6.6.3.13). Các giải thưởng/giấy khen về tham gia các phong trào được trao tặng nhiều lần (H6.6.3.14) và lưu trữ ở văn phòng Đoàn (H6.6.3.15).

- Các môn học về chính trị được giảng dạy cho 100% người học, đảm bảo yêu cầu và hướng dẫn theo chương trình khung của Bộ GD-ĐT trước đây và hiện nay vẫn tiếp tục được duy trì (H6.6.3.16). Cùng với đó 100% người học được nhà trường và phía khoa chuyên môn tạo điều kiện tham gia các buổi ngoại khóa nhằm tìm hiểu sâu sắc hơn về tư tưởng, chính trị (H6.6.3.17).

- Hiện tại, Trường đã có rất nhiều câu lạc bộ do Nhà trường, các Khoa chuyên môn và người học thành lập để tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích cho người học tham gia bên cạnh những giờ học căng thẳng (H6.6.3.18). Cùng với đó là đầu tư cơ sở vật chất để hỗ trợ người học tham gia các phong trào TDTT như nhà thể chất, sân bóng đá, sân bóng chuyên...(H6.6.3.19)

- Bên cạnh đó, các môn học liên quan đến chính trị, tư tưởng đã được Trường Đại học Đại Nam đổi mới bằng cách kết hợp giảng dạy lý thuyết với việc tổ chức các buổi seminar, tọa đàm, hoạt động ngoài trời như: Tưởng niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp (H6.6.3.20), xếp chữ với chủ đề bảo vệ biển đảo (H6.6.3.21), xếp hình truyền thông về bảo vệ môi trường do xâm nhập mặn (H6.6.3.22), “Mùa hè xanh”, “Văn hóa đọc thời @” (H6.6.3.23), “Sinh viên Đại Nam với văn hóa giao thông” (H6.6.3.24), “Giải pháp về nói ngọng” (H6.6.3.25)... nhằm giúp người học dễ dàng tiếp thu và ghi nhớ có hiệu quả các kiến thức, kỹ năng về chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống.

Nhờ có các hoạt động hết sức ý nghĩa đó, Trường đã nhận được giấy khen của Thành đoàn Hà Nội về “Chiến dịch Mùa hè Xanh” liên tục các năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016 (H6.6.3.26) nhờ có lực lượng sinh viên tình nguyện khoảng 80 sinh viên (H6.6.3.27) hoạt động hết sức hiệu quả.

Trường thực hiện 2 lần/năm đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên. Tỷ lệ sinh viên đạt kết quả rèn luyện từ khá trở lên các năm đều đạt trên 95% (H6.6.3.28).

Từ khi thành lập Trường đến nay, chưa có người học nào vi phạm các vấn đề về đạo đức, lối sống, pháp luật dẫn đến phải xử lý của cơ quan chức năng.

2. Điểm mạnh

- Đã sớm cụ thể hóa và triển khai thực hiện quy chế rèn luyện của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Các phong trào hoạt động từ thiện và thanh niên tình nguyện diễn ra rất sôi nổi, tích cực, thường xuyên và thu hút được sự tham gia của toàn trường, nhận được phản hồi tốt từ phía dư luận xã hội.

- Công tác đánh giá chất lượng môn học về chính trị, tư tưởng đáp ứng được yêu cầu từ phía nhà trường. Phương pháp giảng dạy được cải tiến, đa dạng hóa, giúp người học dễ tiếp thu hơn.

- Đã thành lập và duy trì được nhiều CLB khác nhau cả về chuyên môn lẫn văn thể mỹ, từ đó tạo ra nhiều sân chơi lành mạnh cho người học trong quá trình học tập tại trường.

- Tổ chức được các buổi đối thoại, tọa đàm, hội thảo mà trong đó chủ đề chính hoặc đã đề cập đến công tác rèn luyện tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống cho người học.

3. Những tồn tại

- Tuy thực tế Nhà trường có rất nhiều hoạt động thiết thực nhưng các báo cáo về việc tổ chức các hoạt động rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học thường chưa được trình bày và lưu giữ dưới dạng văn bản.

4. Kế hoạch hành động

<i>TT</i>	<i>Mục tiêu</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Đơn vị thực hiện</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Khắc phục tồn tại	- Lập báo cáo về việc tổ chức các hoạt động rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học dưới dạng văn bản và lưu giữ có hệ thống.	- Đoàn TN, Phòng QLSV, Khoa CM	Từ năm học 2016-2017	
2	Phát huy	- Duy trì, bổ sung các biện pháp hiệu quả để phổ biến quy chế rèn luyện	- Phòng QLSV, các	- Đầu khóa	

điểm mạnh	<p>đối với người học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Duy trì và phát triển các phong trào hoạt động từ thiện và thanh niên tình nguyện. - Công tác đánh giá chất lượng môn học về chính trị, tư tưởng tiếp tục được thực hiện từ phía người học. Phương pháp giảng dạy không ngừng cải tiến và ngày càng gần gũi, thiết thực hơn. - Duy trì sự hoạt động thường xuyên và ngày càng sôi nổi của các CLB. - Mỗi năm tổ chức ít nhất 2 buổi đối thoại, tọa đàm, hội thảo mà trong đó chủ đề chính hoặc đã đề cập đến công tác rèn luyện tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống cho người học. 	<p>GVCN</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoàn TN, Ban Phong trào, các Khoa CM - Phòng KT&ĐBCL, Khoa CM 	<p>học, đầu mỗi học kỳ.</p> <p>-</p> <p>Thường xuyên</p> <p>- Cuối mỗi học kỳ/đợt học</p> <p>-</p> <p>Thường xuyên</p> <p>- Giữa học kỳ 1, giữa học kỳ 2</p>	
-----------	--	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.4: Công tác Đảng, đoàn thể có tác dụng tốt trong việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học.

1. Mô tả và phân tích

- Chi ủy và Đoàn Thanh niên đã có nhiều biện pháp, hình thức rèn luyện cho người học có nhận thức tốt về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống như: “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” (H6.6.4.1), “Xếp chữ tưởng niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp” (H6.6.4.2), “Xếp chữ với chủ đề bảo vệ biển đảo” (H6.6.4.3), “Xếp hình truyền thông về bảo vệ môi trường do xâm nhập mặn” (H6.6.4.4), “Chiến dịch Mùa hè xanh (H6.6.4.5)...

Chi ủy và Đoàn Thanh niên còn tổ chức cho người học tham gia các hoạt động từ thiện, tình nguyện, nhân đạo như: Hiến máu nhân đạo (H6.6.4.6), nhặt rác Hồ Tây, Hồ Gươm (H6.6.4.7), Tiếp sức mùa thi (H6.6.4.8), Phát cháo cho người vô gia cư (H6.6.4.9), Gói và tặng bánh chưng nhân dịp Tết (H6.6.4.10), Tổ chức Tết Trung thu cho các em nhỏ tại nhiều bệnh viện (H6.6.4.11), Mua và phân phối dưa hấu hay hành tím (H6.6.4.12) ủng hộ người dân các vùng bị thiệt hại... Không có người học tự phát tham gia vào các hoạt động của các tổ chức phản động, biểu tình trái phép.

Những năm gần đây, Chi ủy đều phối hợp tổ chức lớp “Bồi dưỡng nhận thức về Đảng” cho khoảng 10 - 40 đoàn viên ưu tú (chiếm 1 - 3% tổng số sinh viên) và một lớp bồi dưỡng Đảng viên mới (H6.6.4.13). Những sinh viên có thành tích trong học tập, trong rèn luyện được Chi ủy xem xét kết nạp vào Đảng (mỗi năm Chi ủy xét kết nạp từ 07 đến 10 sinh viên ưu tú vào Đảng) (H6.6.4.14). Sau mỗi kỳ như vậy Chi ủy sẽ có báo cáo về công tác phát triển Đảng trong sinh viên (H6.6.4.15).

Đoàn TNCS Hồ Chí Minh là lực lượng nòng cốt trong tổ chức hoạt động tuyên truyền, giáo dục. Các đợt phát động thi đua, tổ chức các hoạt động văn hóa, TDTT hàng năm được Đoàn Thanh niên lập kế hoạch chi tiết để thực hiện với quy mô lớn (H6.6.4.16)... nhằm thông qua đó hoạt động giáo dục, rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học.

Từ năm học 2015-2016, Đoàn Thanh niên còn kết hợp với Phòng QLSV tích cực vận động 100% sinh viên tham gia các hoạt động tự quản và thi đua với mức khen thưởng bằng vật chất và tinh thần khá lớn nhằm giúp sinh viên rèn luyện ý thức và trách nhiệm đối với bản thân và xã hội như: Sinh viên tự quản (H4.6.3.17), Giảng đường xanh (H4.6.3.18).

Công tác đánh giá khen thưởng đoàn viên, sinh viên có thành tích trong các hoạt động rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống được tiến hành sau mỗi lần tổng kết các phong trào thi đua và tổng kết năm học/khóa học (H6.6.4.19).

2. Điểm mạnh

- Công tác phát triển Đảng đã có tác dụng tốt trong việc tu dưỡng, rèn luyện ý thức chính trị, tư tưởng và thi đua học tập, hoàn thiện mọi mặt đối với người học.

- Hoạt động của Đoàn TNCS HCM đã thúc đẩy công tác rèn luyện tư tưởng, đạo đức lối sống cho người học.

- Các hoạt động phong trào của Đoàn TN có ý nghĩa thiết thực, gần gũi và có tác dụng tích cực đối với ý thức, tư tưởng và lối sống lành mạnh, nhân ái đối với người học.

3. Những tồn tại

- Công tác phát triển Đảng chưa đều đặn, chưa tăng hàng năm (số lượng sinh viên được kết nạp Đảng năm nhiều, năm ít).

- Chưa thành lập được Hội sinh viên Trường Đại học Đại Nam.

4. Kế hoạch hành động

<i>TT</i>	<i>Mục tiêu</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Đơn vị thực hiện</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Khắc phục tồn tại	- Tăng số lượng sinh viên được kết nạp Đảng qua mỗi năm. - Thành lập Hội sinh viên Trường Đại học Đại Nam.	- Chi ủy, Đoàn TN - Đoàn	Hàng năm - Tháng	

			TN	12/2016	
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường và phát huy ngày càng tích cực vai trò của Chi ủy và Đoàn TNCS HCM trong công tác phát triển Đảng nói riêng và rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của người học nói chung. - Duy trì các hoạt động phong trào có ý nghĩa thiết thực của Đoàn TN. 		<ul style="list-style-type: none"> - Thường xuyên - Thường xuyên 	

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.5: Có các biện pháp cụ thể có tác dụng tích cực để hỗ trợ học tập và sinh hoạt của người học.

1. Mô tả và phân tích

Việc tiếp đón và hỗ trợ cho tân sinh viên và phụ huynh đầu khóa rất chu đáo, kịp thời, công tác chuẩn bị tốt (H6.6.5.1). Bộ phận một cửa luôn thường trực để hỗ trợ giải đáp, hướng dẫn, giới thiệu chỗ ở cho sinh viên... (H6.6.5.2).

Đầu mỗi học kỳ, Nhà trường ra quyết định giao nhiệm vụ giáo viên chủ nhiệm (GVCN) các lớp (H6.6.5.3). Tháng 8/2014, Trường đã ban hành *Hướng dẫn thực hiện quy định công tác GVCN* với các nội dung rất chi tiết (công việc đầu năm và học kỳ, công việc hàng tháng, công việc hàng năm) mà GVCN phải thực hiện trong việc theo dõi, quản lý, cố vấn, hỗ trợ... cho người học (H6.6.5.4).

Người học có nhu cầu được hỗ trợ tìm kiếm các hỗ trợ (tài chính, vay vốn, khám chữa bệnh, ưu đãi mua sắm phương tiện/thiết bị học tập, khám chữa bệnh...) đều được Nhà trường xác nhận để tạo điều kiện cho người học được hưởng các chính sách, ưu đãi có liên quan (H6.6.5.5).

Ngoài ra, về học phí, kể từ ngày thành lập trường đến nay hầu như không tăng và ở mức tương đối thấp so với các trường tư thục và công lập. Trong khi đó, Nhà trường đã dành nguồn kinh phí lớn cho sinh viên phát triển các kỹ năng mềm và ngoại ngữ như thuê người bản ngữ dạy Tiếng Anh (H6.6.5.6), tổ chức các lớp học miễn phí về Kế toán (H6.6.5.7), tổ chức các lớp học miễn phí Tiếng Anh (H6.6.5.8), thuê chuyên gia nổi tiếng giảng dạy thường xuyên môn kỹ năng mềm (H6.6.5.9) và kỹ năng chuyên ngành (H6.6.5.10)... cho sinh viên.

Nhà trường có khu ký túc xá rộng rãi, trang thiết bị đầy đủ, khép kín, hiện đại, đủ điện nước, được trang bị điều hòa, sinh viên được sử dụng với mức giá rẻ (từ 200.000-300.000 đồng/sinh viên/tháng) (H6.6.5.11).

Nhà trường có 5 căng tin đủ phục vụ cùng lúc khoảng trên 1.000 sinh viên, được đảm bảo an toàn thực phẩm với mức giá phục vụ luôn rẻ hơn ngoài Trường (H6.6.5.12).

Về tìm kiếm việc làm, từ năm học 2015-2016 tất cả sinh viên của Trường đều được trang bị kỹ năng viết đơn xin việc, trình bày hồ sơ xin việc, trả lời

phông vấn và kỹ năng để dễ dàng thành công trong tuyển dụng thông qua học phần kỹ năng 4 (H6.6.5.13), Khóa học “Bản đồ thành công” (H6.6.5.14), Ngày hội tuyển dụng/việc làm từ rất nhiều doanh nghiệp như Vietnam Airlines (H6.6.5.15), Ngân hàng PVComBank...(H6.6.5.16), các thông tin tuyển dụng được cựu sinh viên, Đoàn TN, các Khoa chuyên môn đăng tải trên các trang thông tin của Trường, các Khoa (H6.6.5.17)...

Tùy tính chất ngành học nhưng nhìn chung hoạt động ngoại khoá cho người học được diễn ra thường xuyên, sôi nổi dưới nhiều hình thức. Ví dụ, ngành TCNH người học được gửi đi học việc, kiến tập mùa hè, đi thực tế tại các NHTM, công ty chứng khoán (H6.6.5.18)... Sinh viên ngành QTKD được tham gia các hoạt động tham quan doanh nghiệp lớn kết hợp dã ngoại, đốt lửa trại (H6.6.5.19)... Sinh viên ngành Kiến trúc được đi vẽ thực tế, tham gia triển lãm tại nhiều tỉnh thành (H6.6.5.20). Sinh viên ngành Xây dựng được tham gia khảo sát tại các công trình xây dựng (H6.6.5.21). Sinh viên ngành CNTT được học việc, trực tiếp tham gia các câu lạc bộ, dự án, hội thảo ngoài Trường (H6.6.5.22). Sinh viên ngành QHCC tham gia giao lưu với người nổi tiếng (H6.6.5.23)...

Tại tuần “Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên”, người học được hướng dẫn về phương pháp học đại học, hướng dẫn sử dụng thư viện và thư viện điện tử, tìm kiếm, tra cứu tài liệu tại thư viện và trên website của Trường (H6.6.5.24).

Trường tổ chức khám sức khỏe bắt buộc đầu khóa cho mọi sinh viên (H6.6.5.25), tổ chức bộ phận y tế có nhân viên trực tại 2 cơ sở của Trường. (H6.6.5.26), (H6.6.5.27).

Các hoạt động xã hội của Trường phong phú, được tổ chức thường xuyên như: Đông âm yêu thương (H6.6.5.28), Chiến dịch Mùa hè xanh (H6.6.5.29), Tấm bánh nghĩa tình (H6.6.5.30), Ngày chủ nhật đỏ (H6.6.5.31), Hiến máu nhân đạo (H6.6.5.32)...

Với khuôn viên rộng hơn 10 ha, Trường đã xây dựng xong nhà thể chất (H6.6.5.33), sân bóng đá (H6.6.5.34), sân bóng chuyền (H6.6.5.35), khu tập xà (H6.6.5.36) phục vụ người học. Để tự học, sinh viên được trang bị phòng thư viện rộng rãi, kang trang, sẵn có máy tính (H6.6.5.37). Ngoài ra, Nhà trường

cũng còn có hội trường lớn (H6.6.5.38) và phòng kỹ năng mềm (H6.6.5.39) để người học tự tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao và học tập chuyên môn, kỹ năng, câu lạc bộ...

Hàng năm, nhà trường có hai hoạt động văn nghệ lớn thu hút đông đảo sinh viên cũng như cán bộ giảng viên tham gia là: Chào mừng ngày nhà giáo VN kết hợp với ngày thành lập trường (H6.6.5.40) và Ngày thành lập Đoàn (H6.6.5.41). Ngoài ra nhà trường còn tổ chức rất nhiều các cuộc thi mang tính chất học thuật (H6.6.5.42) và thành lập các CLB văn thể mỹ cho sinh viên (H6.6.5.43).

Hàng năm, kết thúc “Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên” Nhà trường sẽ tổ chức buổi đối thoại của lãnh đạo nhà trường với toàn bộ sinh viên (H6.6.5.44), với từng khoa (H6.6.5.45) nhằm lấy ý kiến người học về các hoạt động hỗ trợ học tập và sinh hoạt để cải tiến đáp ứng nhu cầu của người học. Nhà trường cũng có Bộ phận một cửa hỗ trợ sinh viên nhanh chóng và hiệu quả (H6.6.5.46). Lãnh đạo Nhà trường luôn sẵn sàng lắng nghe, công bố lịch tiếp sinh viên hàng tuần để giải quyết kịp thời những vướng mắc (H6.6.5.47).

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có nhiều biện pháp hỗ trợ cả về vật chất lẫn tinh thần cho người học với hiệu quả cao trong học tập và sinh hoạt.

Các hoạt động và giải pháp đều hướng tới phát triển năng lực, khả năng thích ứng với công việc cho người học sau khi tốt nghiệp và để người học luôn nhận được sự quan tâm, gần gũi, chăm lo toàn diện từ phía Nhà trường.

3. Những tồn tại

Tuy đã có nhiều biện pháp hiệu quả nhưng Trường chưa thực hiện khảo sát ý kiến người học dưới dạng văn bản và công bố kết quả.

4. Kế hoạch hành động

<i>TT</i>	<i>Mục tiêu</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Đơn vị thực hiện</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>
1	Khắc	- Trường sẽ thực hiện khảo sát ý kiến	- Phòng	- Từ năm

	phục tồn tại	người học dưới dạng văn bản và công bố kết quả, theo dõi việc giải quyết, thực hiện các hoạt động hỗ trợ học tập và sinh hoạt người học.	KT&ĐBCL	học 2016-2017
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà trường tiếp tục duy trì những biện pháp hỗ trợ cả về vật chất lẫn tinh thần cho người học với hiệu quả cao trong học tập và sinh hoạt. - Các hoạt động và giải pháp luôn hướng tới phát triển năng lực người học và khả năng thích ứng với công việc và chăm lo toàn diện từ phía Nhà trường. 	<ul style="list-style-type: none"> - HĐQT - BGH - Các phòng ban, khoa CM - Các GVCN 	<ul style="list-style-type: none"> - Hàng năm - Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.6: Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và các nội quy của nhà trường cho người học.

1. Mô tả và phân tích

Bên cạnh việc chăm lo chung cho người học thuộc Phòng Quản lý Sinh viên (H6.6.6.1) và Bộ phận Một cửa (H6.6.6.2), Trường Đại học Đại Nam giao cho Khoa Chính trị (H6.6.6.3) ngoài nhiệm vụ giảng dạy theo yêu cầu của các môn học có liên quan còn giúp Nhà trường tuyên truyền, phổ biến, định hướng tư tưởng, hướng dẫn thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đến người học.

Nhà trường tổ chức có tổ chức giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; các nội quy/quy chế của nhà trường tại “Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên” (H6.6.6.4). Ngoài ra, Nhà trường thường xuyên gửi văn bản nhắc nhở đến từng sinh viên như: không tham gia vào các hoạt động như bán hàng đa cấp, cẩn thận trước các hành động lôi kéo của các nhóm phản động...(H6.6.6.5). Kết thúc “Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên”, sinh viên phải viết bài thu hoạch (H6.6.6.6).

Nhân dịp các ngày lễ lớn trong năm, Ban Phong trào, Đoàn Thanh niên chủ động tổ chức hoạt động tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống thông qua các hình thức như: Mít tinh, tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao theo từng chủ đề... (H6.6.6.7).

Ngoài ra, Trường Đại học Đại Nam còn luôn có các biện pháp đổi mới, sáng tạo theo hướng thiết thực, gần gũi, dễ tiếp thu trong công tác tuyên truyền giáo dục như: Đổi mới phương pháp giảng dạy môn Tư tưởng HCM, Nguyên lý Mác - Lê nin (H6.6.6.8) (bên cạnh thuyết trình trên lớp còn kết hợp với đi tham quan thực tế tại các Viện Bảo tàng...), Đốt nến tưởng niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp (H6.6.6.9), Giảng viên và sinh viên hát các bài hát về biển đảo

(H6.6.6.10), Tổ chức các cuộc thi “Sinh viên thanh lịch” (H6.6.6.11), “Thi tìm hiểu Luật giao thông đường bộ” (H6.6.6.12), “Hội thảo về văn hóa đọc thời @” (H6.6.6.13), “Giảng đường Xanh” (H6.6.6.14)...

2. Điểm mạnh

Chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước và các nội quy của nhà trường được phổ biến kịp thời tới người học bằng nhiều hình thức khác nhau.

Có các hình thức cụ thể đổi mới phương pháp tuyên truyền giáo dục nhẹ nhàng hơn, thực tế hơn và dễ dàng tiếp thu hơn.

Không có sinh viên vi phạm pháp luật.

3. Những tồn tại

Chưa tổ chức được việc đánh giá hiệu quả các công tác tuyên truyền đạo đức lối sống, tôn trọng pháp luật, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và các nội quy của nhà trường cho người học.

4. Kế hoạch hành động

<i>TT</i>	<i>Mục tiêu</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Đơn vị thực hiện</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>
1	Khắc phục tồn tại	- Cuối mỗi năm học, nhà trường sẽ tổ chức lấy ý kiến đánh giá của sinh viên về công tác tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và các nội quy của nhà trường cho người học.	- Phòng KT&ĐBCL - Khoa Chính trị	- Từ năm học 2016-2017
2	Phát huy điểm mạnh	- Duy trì thường xuyên, kịp thời phổ biến tới người học bằng nhiều hình thức khác nhau về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật	- BGH - Khoa Chính trị	

	<p>của Nhà nước và các nội quy của Nhà trường.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục có các hình thức cụ thể đổi mới phương pháp tuyên truyền giao dục tới người học theo hướng hiệu quả, sáng tạo hơn. - Duy trì và phấn đấu không có sinh viên vi phạm pháp luật. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng Quản lý sinh viên - Các GVCN 	<p>Thường xuyên trong các năm học</p>
--	---	---	---------------------------------------

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.7: Có các hoạt động hỗ trợ hiệu quả nhằm tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo.

1. Mô tả và phân tích

Nhà trường đã ký kết nhiều thỏa thuận hợp tác với nhiều tổ chức, doanh nghiệp, tạo cơ hội việc làm cho sinh viên (H6.6.7.1). Đặc biệt, với Ngành Du lịch tất cả mọi sinh viên đều được cam kết về hỗ trợ thực tập thường xuyên và đảm bảo việc làm sau khi tốt nghiệp với mức lương tối thiểu từ 5-7 triệu đồng/tháng (H6.6.7.2).

Hội chợ việc làm đã từng được Trường tổ chức (H6.6.7.3), (H6.6.7.4), tuy nhiên, các hình thức khác được tập trung/ưu tiên hơn như: Đối thoại (talkshow) về cơ hội việc làm với nhà tuyển dụng (H6.6.7.5); Seminar/hội thảo về cơ hội việc làm với nhà tuyển dụng (nhiều đợt) (H6.6.7.6); Gặp gỡ, giao lưu trực tiếp giữa sinh viên, giảng viên tại doanh nghiệp (H6.6.7.7).

Nhà trường luôn coi việc sinh viên ra trường tìm được việc làm là thước đo đối với giá trị của Trường nên hết sức chú trọng đến chương trình đào tạo áp dụng cho các Khoa theo hướng đổi mới phương pháp giảng dạy theo định hướng năng lực người học và bổ sung các học phần kỹ năng nghề nghiệp (H6.6.7.8). Hiện nay Trường Đại học Đại Nam đã chính thức đưa vào chương trình đào tạo chính thức học phần Kỹ năng 3 (về ứng tuyển, trả lời phỏng vấn và viết hồ sơ xin việc) áp dụng cho tất cả các ngành (H6.6.7.9). Cùng với đó, phần lớn các Khoa đều đổi mới phương thức thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp (H6.6.7.10).

Nhà trường nhằm giúp sinh viên tốt nghiệp có nhiều cơ hội và tự tin xin việc, đã: Tổ chức các lớp học Tiếng Anh miễn phí (không giới hạn số khóa học tham dự) (H6.6.7.11); Tổ chức bồi dưỡng kiến thức chuyên ngành miễn phí (kế toán...) (H6.6.7.12); Tổ chức giao lưu, chia sẻ cơ hội việc làm và kinh nghiệm thi Tiếng Anh chứng chỉ quốc tế (H6.6.7.13); Phối hợp với các tổ chức cấp chứng chỉ quốc tế (Tiếng Anh, Tin học) và giảm phí dự thi cho sinh viên (H6.6.7.14); Các chương trình đưa sinh viên đi thực tế, giới thiệu sinh viên làm

việc part-time, làm cộng tác viên tại các doanh nghiệp, học việc mùa hè... với sự hỗ trợ kinh phí nhất định từ phía doanh nghiệp (rất nhiều) (H6.6.7.15).

Hàng năm Nhà trường có tổ chức Hội thảo “Kỹ năng viết hồ sơ xin việc và trả lời phỏng vấn”... (H6.6.7.16). Thông qua cuộc gặp gỡ này, sinh viên đã rút ra nhiều bài học quý giá cho quá trình tham gia thị trường lao động sau tốt nghiệp.

2. Điểm mạnh

Tiếng Anh và Kỹ năng mềm được Nhà trường đặc biệt quan tâm và đầu tư lớn.

Từ năm 2015, toàn bộ 100% sinh viên trước khi tốt nghiệp đều được trang bị kỹ năng xin việc, trả lời phỏng vấn và viết đơn xin việc.

Từ năm 2015, các Khoa đã xây dựng chương trình và chính thức bổ sung cho sinh viên các học phần kỹ năng chuyên ngành trước khi tốt nghiệp và đã nhận được phản hồi rất tích cực từ phía sinh viên.

Nhà trường, các Khoa đều có rất nhiều mối liên hệ thường xuyên, hiệu quả với các nhà tuyển dụng nhằm hướng nghiệp cho sinh viên và tạo cơ hội cho sinh viên đi thực tế, kiến tập, thực tập, làm việc bán thời gian, làm cộng tác viên... của nhiều tổ chức/doanh nghiệp.

Trường đã và đang hướng tới phương thức đào tạo theo nhu cầu doanh nghiệp, cam kết đầu ra cho sinh viên đối với một số ngành học (trước mắt là ngành Du lịch).

3. Những tồn tại

Chưa thành lập được bộ phận/cán bộ chuyên trách trong việc tìm kiếm cơ hội và giới thiệu việc làm cho sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

<i>TT</i>	<i>Mục tiêu</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Đơn vị thực hiện</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>
1	Khắc phục	- Thành lập Trung tâm tư vấn giới thiệu việc làm cho sinh viên hoặc bộ phận/cán	HĐQT	Từ năm học

	tồn tại	bộ chuyên trách về tìm kiếm cơ hội và giới thiệu việc làm cho sinh viên.		2016-2017
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Duy trì số lượng tín chỉ Tiếng Anh và Kỹ năng mềm vượt trội. - Duy trì việc trang bị kỹ năng xin việc, trả lời phỏng vấn và viết đơn xin việc cho 100% sinh viên trước khi tốt nghiệp. - Duy trì và ngày càng hoàn thiện, đổi mới học phần kỹ năng chuyên ngành cho sinh viên trước khi tốt nghiệp. - Tăng cường các mối quan hệ với các nhà tuyển dụng nhằm hướng nghiệp cho sinh viên và tạo cơ hội việc làm cho sinh viên. - Triển khai và hoàn thiện phương thức đào tạo theo nhu cầu doanh nghiệp, cam kết đầu ra đối với một số ngành học. 	<ul style="list-style-type: none"> - HĐQT - BGH - Các Khoa 	Thường xuyên trong các năm học

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.8: Người học có khả năng tìm việc làm và tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp. Trong năm đầu sau khi tốt nghiệp trên 50% người tốt nghiệp tìm được việc làm đúng ngành được đào tạo.

1. Mô tả và phân tích

Để nắm bắt tình hình tìm việc làm và tạo việc sau khi tốt nghiệp, Nhà trường giao cho các Khoa giữ mối liên hệ với cựu sinh viên để nắm thông tin việc làm của sinh viên đã tốt nghiệp.

Các hoạt động về tọa đàm, hội thảo, giao lưu... về cơ hội việc làm cho sinh viên cuối khóa được Nhà trường và các Khoa tổ chức rất thường xuyên với nhiều hình thức phong phú (H6.6.8.1). Trước 2016, việc kết nối với cựu sinh viên tuy chưa thành các kế hoạch cụ thể nhưng đã có khá nhiều hoạt động trên các trang facebook của Trường và các Khoa với cựu sinh viên (H6.6.8.2).

Từ năm 2016, Trường đã lập Phiếu khảo sát cựu sinh viên về tình hình việc làm (H6.6.8.3). Trên cơ sở đó, các GVCN của các Khoa đã triển khai thu thập thông tin. Nhà trường đã tổng hợp (H6.6.8.4), lưu giữ tại Phòng KT&ĐBCL (H6.6.8.5) và bước đầu tạo được cơ sở dữ liệu gốc về tình hình việc làm của cựu sinh viên (H6.6.8.6). Theo số liệu năm 2016 mà Trường thu thập được từ cựu sinh viên Khóa 1 đến Khóa 6 (tốt nghiệp trong 12 tháng gần đây) thì có 75% sinh viên có khả năng tự tạo việc làm và đã tìm việc làm trong năm đầu sau khi tốt nghiệp, trong đó 64% tìm được việc làm đúng chuyên ngành theo mô tả trong chuẩn đầu ra của các ngành mà Nhà trường đã công bố (H6.6.8.7).

2. Điểm mạnh

Trên 50% sinh viên tốt nghiệp có việc làm và làm đúng ngành đào tạo trong năm đầu tốt nghiệp.

3. Những tồn tại

Chưa khảo sát và thống kê, lưu giữ được dữ liệu về tình hình việc làm của người học sau khi tốt nghiệp một cách thường xuyên và bằng các công cụ xử lý chuyên nghiệp, đặc biệt trước 2016.

Từ 2016 mới chính thức triển khai thu thập tình hình việc làm của cựu sinh viên nên chưa có cơ sở dữ liệu để so sánh giữa các năm.

4. Kế hoạch hành động

<i>TT</i>	<i>Mục tiêu</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Đơn vị thực hiện</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>
1	Khắc phục tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Thu thập thông tin hàng năm về tình hình việc làm của sinh viên trong năm đầu sau khi tốt nghiệp bằng phiếu khảo sát và thống kê, lưu giữ số liệu gốc bằng một trong các công cụ điều tra xã hội học phổ biến hiện nay. - Tạo cơ sở dữ liệu, thống kê, so sánh giữa các năm về tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng QLSV phối hợp với Phòng KT&ĐBCL, các Khoa chuyên môn. 	Từ năm học 2016-2017
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Duy trì tỷ lệ sinh viên có khả năng tự tạo việc làm và tìm được việc làm đúng chuyên ngành với tỷ lệ ngày càng cao hơn năm 2016. 	<ul style="list-style-type: none"> - HDQT - BGH - Các Khoa - Hội cựu sinh viên 	Thường xuyên trong các năm học

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.9: Người học được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên khi kết thúc môn học, được tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của trường đại học trước khi tốt nghiệp.

1. Mô tả và phân tích

Thực hiện tinh thần của công văn số 1276/BGDĐT-NG, ngày 20 tháng 02 năm 2008 của Bộ GD&ĐT, Trường Đại học Đại Nam đã ban hành văn bản quy định việc người học tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy (H6.6.9.1).

Hiện nay công tác tổ chức, quản lý, thiết kế, thu thập, xử lý và lưu trữ thông tin về ý kiến đánh giá của sinh viên là do Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng (Phòng KT&ĐBCL) thực hiện. Việc thực hiện công tác này đều theo quy định chung của Bộ GD&ĐT (H6.6.9.2). Ngay từ đầu khóa học (tại Tuần sinh hoạt công dân), bên cạnh việc phổ biến các quy chế, quy định về đào tạo, Nhà trường cũng đã phổ biến với sinh viên về quy định đánh giá giảng viên (H6.6.9.3). Quyền và lợi ích của sinh viên đối với việc tham gia đánh giá giảng viên sau khi kết thúc môn học cũng đã được các GVCN phổ biến, tuyên truyền tại lớp (H6.6.9.4). Để có kết quả mang tính khách quan nhất, người lấy phiếu đã thường xuyên giải thích, nhắc nhở cho sinh viên hiểu rõ mục đích, quyền lợi cũng như trách nhiệm của sinh viên trong việc trả lời phiếu khảo sát.

Trường cũng đã ban hành quy trình người học đánh giá chất lượng giảng dạy, quy trình xử lý số liệu, báo cáo và phản hồi kết quả đánh giá và các hoạt động sau đánh giá (H6.6.9.5).

Ngoài ra, Nhà trường còn thường xuyên cải tiến nội dung, hình thức phiếu lấy ý kiến của sinh viên để phù hợp với những tiêu chí, định hướng đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy và theo hướng ngắn gọn, xúc tích, dễ trả lời hơn (H6.6.9.6).

Việc thu thập thông tin đánh giá giảng viên được Trường áp dụng ngay từ những năm đầu thành lập tới nay và thực hiện vào cuối mỗi học kỳ. Kết quả thu về được phân loại và xử lý bằng phần mềm chuyên môn chuyên nghiệp phổ biến nhất, dữ liệu sau khi phân tích được lưu trữ lại cẩn thận theo quy định của Nhà

trường (H6.6.9.7). Bản tổng hợp kết quả đánh giá của sinh viên về giảng viên sẽ được trình lên Ban Giám hiệu vào đợt họp giao ban cuối mỗi kỳ, sau đó kết quả chi tiết của từng giảng viên sẽ được Phòng KT&ĐBCL chuyển tới lãnh đạo các Khoa. Các Khoa sẽ họp đánh giá, gửi ý kiến lại cho Phòng KT&ĐBCL nếu có (H6.6.9.8).

Đối với các khóa chuẩn bị tốt nghiệp, nhà trường luôn mong muốn nhận được những đánh giá, phản hồi của các em sinh viên về toàn bộ quá trình học của các em trên giảng đường đại học. Những đánh giá đó sẽ giúp cho Nhà trường biết được chương trình đào tạo hiện tại có phù hợp với sinh viên hay không, để từ đó điều chỉnh và cải tiến nội dung, kết cấu chương trình đào tạo ngày càng tốt hơn, phù hợp hơn đối với sinh viên trong môi trường hội nhập với các nước trong khu vực và trên thế giới (H6.6.9.9).

Công tác đánh giá này được giao cho bộ phận chuyên môn độc lập, có trình độ, đáp ứng được các yêu cầu đề ra từ phía Nhà trường để có thể có được những phản hồi đánh giá chính xác, khách quan, khoa học, kịp thời nhất (H6.6.9.10).

Những đánh giá của sinh viên đối với giảng viên từng môn học và đánh giá của sinh viên về chương trình đào tạo của Trường Đại học Đại Nam dành cho các sinh viên sắp tốt nghiệp được thu thập, xử lý và phân tích sau đó tổng hợp lại và trình lên Chủ tịch HĐQT và Ban Giám hiệu để xem xét, đánh giá. Từ đó, kết hợp với tình hình thực tế của môi trường đào tạo chung trong khu vực sẽ có những điều chỉnh, cải tiến sao cho chất lượng đào tạo của Nhà trường ngày càng được nâng cao và phù hợp hơn (H6.6.9.11).

2. Điểm mạnh

Những văn bản, quy định của Trường về việc người học tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên và chất lượng đào tạo của Trường đối với sinh viên trước khi tốt nghiệp phù hợp với quy định chung của Bộ GD&ĐT cũng như theo quy định riêng của Trường Đại học Đại Nam.

Cách thức, phương pháp thu thập dữ liệu khoa học, người học hiểu rõ được ý nghĩa và lợi ích của việc lấy phiếu.

Kết quả đánh giá của sinh viên là cơ sở quan trọng để Nhà trường tiếp tục ký hợp đồng hay chấm dứt hợp đồng lao động, giảng dạy với giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng.

3. Những tồn tại

Công tác triển khai việc lấy ý kiến sinh viên trước khi tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của Nhà trường chưa được thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

<i>TT</i>	<i>Mục tiêu</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Đơn vị thực hiện</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>
1	Khắc phục tồn tại	- Lấy ý kiến đánh giá của 100% sinh viên trước khi tốt nghiệp về chất lượng đào tạo (hàng năm) và lưu giữ có hệ thống.	Phòng KT&ĐBCL	Từ năm 2016-2017
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục duy trì lấy ý kiến đánh giá của người học về chất lượng giảng dạy và chất lượng đào tạo của Nhà trường. - Nâng cao năng lực, bồi dưỡng cán bộ thực hiện công tác này.	- BGH - Phòng KT&ĐBCL	Thường xuyên

5. Tự đánh giá: Đạt

KẾT LUẬN

Người học tại trường đại học Đại Nam được cung cấp đầy đủ văn bản hướng dẫn về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo và yêu cầu về kiểm tra đánh giá, quy chế đào tạo; được đảm bảo các chế độ chính sách xã hội và chăm sóc sức khỏe, rèn luyện đạo đức; được tạo mọi điều kiện trong hoạt động văn hoá văn nghệ và thể dục thể thao. Công tác phát triển Đảng viên được quan tâm, chú trọng và có kế hoạch triển khai cụ thể. Người học được tham gia các hoạt động Đoàn, Hội và có môi trường tu dưỡng phấn đấu vào Đảng. Trường có

nhiều hoạt động hỗ trợ người học trong học tập, hướng nghiệp, tỷ lệ người học sau khi ra trường có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo. Nhà trường triển khai đa dạng hoá các kênh thông tin đến sinh viên, hoàn thiện và phát triển nội dung website, sổ tay sinh viên, tổ chức khám sức khoẻ cho sinh viên trước khi tốt nghiệp...Người học được góp ý đánh giá về chất lượng giảng dạy và phục vụ đào tạo của nhà trường. Tuy nhiên, công tác này chỉ mới được triển khai trong thời gian gần đây, nên chưa có đủ dữ liệu đầy đủ để so sánh giữa các năm.

Kết quả: 9/9 tiêu chí đạt

TIÊU CHUẨN 7: NGHIÊN CỨU KHOA HỌC , ỨNG DỤNG, PHÁT TRIỂN VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Công tác nghiên cứu khoa học (NCKH) của Trường Đại học Đại Nam trong những năm qua đã có những bước phát triển và đóng góp đáng kể phục vụ cho công tác đào tạo, giảng dạy của nhà trường.

Do đặc thù của Trường Đại học Đại Nam là đội ngũ cán bộ giảng viên chủ yếu là kiêm nhiệm và thỉnh giảng, số cán bộ cơ hữu không nhiều, tuy vậy trong những năm gần đây nhà trường đã cố gắng đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, khuyến khích và động viên các cán bộ, giảng viên, sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học. Từ đầu năm 2006, Trường thành lập Phòng Nghiên cứu khoa học và Hợp tác quốc tế nhằm đẩy mạnh công tác NCKH. Ngoài ra, để tăng nguồn nhân lực NCKH, Trường mời nhiều nhà khoa học đầu ngành có trình độ cao từ các cơ quan khác đến cộng tác nghiên cứu.

Từ năm 2004 đến nay, Trường đã chủ trì và thực hiện 48 đề tài và dự án các cấp, trong đó có 01 đề tài nhánh cấp Nhà nước, 02 dự án với nước ngoài, 01 dự án Tăng cường năng lực nghiên cứu, 01 đề tài trọng điểm cấp Bộ, 21 đề tài cấp Bộ và 23 đề tài cấp cơ sở. Để thực hiện nhiệm vụ đào tạo chủ yếu là đào tạo từ xa, nhà trường một mặt tăng cường các đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực đào tạo từ xa và đó có những ứng dụng thực tiễn phục vụ cho công tác đào tạo từ xa phát triển, mặt khác chú trọng đẩy mạnh các đề tài thuộc các lĩnh vực chuyên môn của các khoa đào tạo.

Các hoạt động NCKH và công nghệ của Trường gắn kết với các hoạt động đào tạo, và quản lý trong nhà trường, mang tính khoa học và thực tiễn, kế thừa được các thành quả trong nước và thế giới, có những đóng góp mới cho khoa học và có giá trị ứng dụng thực tế, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhiệm vụ và mục tiêu phát triển của nhà trường. Cho đến nay, đề tài các cấp đã hoàn thành đúng hạn và không có đề tài quá hạn phải thanh lý.

Tuy nhiên, do đội ngũ cán bộ cơ hữu có hạn, nhà trường chưa huy động

được nhiều cán bộ, giảng viên tham gia NCKH, số lượng các đề tài còn hạn chế. Số lượng các đề tài, dự án liên kết với các đối tác trong nước và nước ngoài còn hạn chế.

Từ năm 2010, Trường có chính sách cụ thể khuyến khích cán bộ, giảng viên tham gia NCKH. Từ cuối năm 2009, Trường mở rộng quan hệ và tạo điều kiện cho các đơn vị, cá nhân hợp tác và liên kết với các đối tác trong nước và nước ngoài thực hiện các đề tài, dự án.

Tiêu chí 7.1. Xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của trường đại học.

1. Mô tả

Để tiến hành các hoạt động khoa học công nghệ, nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ 5 năm (2006-2010) (H7.7.1.1) và kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ hàng năm (H7.7.1.2). Việc lập kế hoạch xây dựng và triển khai hoạt động khoa học công nghệ được theo văn bản hướng dẫn và quy định của nhà trường (H7.7.1.3), gồm các bước: định hướng xây dựng kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học của toàn trường, gửi các văn bản hướng dẫn đăng ký hoạt động khoa học (đăng ký đề tài các cấp, các chương trình dự án...) tới các đơn vị, các đơn vị báo cáo tình hình thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học hàng năm và đăng ký, đề xuất các đề tài/dự án cho năm tiếp theo (H7.7.1.5). Các Phòng, Khoa, Trung tâm có trách nhiệm khuyến khích cán bộ, giảng viên của đơn vị xây dựng các đề tài khoa học công nghệ để đăng ký gửi lên nhà trường. Các đề tài được nhà trường tổ chức xét duyệt (H7.7.1.6), đưa vào kế hoạch khoa học công nghệ của trường (H7.7.1.2).

Trong năm học 2015-2016, nhà trường đã tổ chức hội thảo các cấp và những công trình khoa học nêu trên phù hợp với sứ mạng của trường Đại học Đại Nam xây dựng (H7.7.1.7). Trong đó, tiêu biểu có thể kể đến Hội thảo cấp bộ với tiêu đề “Đổi mới phương pháp theo định hướng phát triển năng lực người học”.

Cho đến nay, các đề tài/dự án đã được triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch được phê duyệt (H7.7.1.7), (H1.7.1.8).

2. Mặt mạnh

Nhà trường đó chủ động trong công tác xây dựng kế hoạch và triển khai kế hoạch hoạt động KHCN, có văn bản qui định, hướng dẫn qui trình thực hiện NCKH cụ thể, chi tiết.

Kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ phản ánh được mục tiêu, nhiệm vụ của nhà trường. Việc triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch hàng năm.

3. Tồn tại

Chưa có kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ trung và dài hạn.

Quy định về Quản lý hoạt động Khoa học công nghệ trường Đại học Đại Nam còn nằm tản mạn ở nhiều văn bản khác nhau và chưa có tính hệ thống.

Kế hoạch khoa học công nghệ chưa khai thác hết tiềm năng của cán bộ và giảng viên nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng Kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ trung và dài hạn	Hội đồng Quản trị và BGH	Trong tháng 12/2016	
2	Khắc phục tồn tại	Hoàn thiện Quy định về Quản lý hoạt động Khoa học công nghệ trường Đại học Đại Nam	Phòng NCKH và HTQT	Trong tháng 12/2016	

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 7.2: Có các đề tài, dự án được thực hiện và nghiệm thu theo kế hoạch

1. Mô tả và phân tích

Trong những năm gần đây, ngân sách dành cho NCKH cũng như số lượng đề tài/dự án NCKH tăng dần (H7.7.2.1). Đặc biệt trong hai năm gần đây, số lượng đề tài các cấp tăng nhanh. Nhìn chung, các đề tài/dự án được triển khai nghiên cứu theo đúng tiến độ và nghiệm thu theo đúng kế hoạch được phê duyệt (H7.7.2.2), chưa có đề tài nào phải thanh lý hợp đồng vì không hoàn thành nhiệm vụ.

Bảng 7.2.1: Đề tài NCKH giảng viên giai đoạn 2010 - 2015

	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Đề tài cấp Bộ	-	-	-	-	-	1
Đề tài cấp Trường	-	-	1	7	2	6
Đề tài cấp Khoa	-	-	1	3	9	7
Tổng cộng	-	-	2	10	11	14

Bảng 7.2.2: Đề tài NCKH sinh viên giai đoạn 2010 - 2015

	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Đề tài cấp Bộ	-	-	-	-	1	-
Đề tài cấp Trường	-	-	-	-	-	-
Đề tài cấp Khoa	-	-	-	10	42	26
Tổng cộng	-	-	-	11	42	26

Bảng 7.2.3: Hội thảo khoa học giai đoạn 2010 - 2015

	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Hội thảo cấp Bộ	-	-	1	-	-	1
Hội thảo cấp Trường	-	-	2	-	-	1
Hội thảo cấp Khoa	-	-	2	4	-	2
Tổng cộng	-	-	-	4	-	4

Bảng 7.2.4: Bài báo nghiên cứu khoa học giai đoạn 2010 - 2015

	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Tạp chí NCKH & hội thảo trong nước	-	-	1	7	10	49
Tạp chí NCKH & hội thảo quốc tế	-	-	2	-	5	9
Tổng cộng	-	-	3	7	15	58

Để đảm bảo và thúc đẩy các đề tài/dự án được thực hiện và nghiệm thu theo đúng thời hạn, Phòng NCKH và HTQT có trách nhiệm thông báo và nhắc nhở đối với các đề tài/dự án sắp đến hạn (H7.7.2.3).

2. Mặt mạnh

Nhà trường đã ban hành văn bản qui định, hướng dẫn qui trình thực hiện NCKH giúp cán bộ nghiên cứu kiểm soát được thời gian và qui trình nghiên cứu để hoàn thành đúng hạn; đồng thời nhà trường cũng có qui định về khen thưởng và chế tài nhằm thúc đẩy các đề tài/dự án được triển khai và nghiệm thu đúng

thời hạn.

3. Tồn tại

Số lượng các đề tài thực hiện còn ít.

4. Kế hoạch hành động

Kể từ năm học 2016-2017, các Khoa xây dựng định hướng nghiên cứu trung hạn (5 năm) và ngắn hạn (1-2 năm) phù hợp với thế mạnh của Khoa, của trường và xem xét điều chỉnh hàng năm; mở rộng liên hệ, hợp tác với các cơ quan, đơn vị trong và ngoài nước để tìm thêm đề tài và dự án nghiên cứu.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 7.3. Số lượng bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế tương ứng với số đề tài nghiên cứu khoa học và phù hợp với định hướng nghiên cứu và phát triển của trường đại học.

1. Mô tả

Số lượng bài báo của các giảng viên được công bố trên các tạp chí chuyên ngành trong nước tương ứng với số đề tài NCKH (H7.7.3.1).

Bảng 7.3.1: Đề tài NCKH giảng viên giai đoạn 2010 - 2015

	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Đề tài cấp Bộ	-	-	-	-	-	1
Đề tài cấp Trường	-	-	1	7	2	6
Đề tài cấp Khoa	-	-	1	3	9	7
Tổng cộng	-	-	2	10	11	14

Bảng 7.3.2: Bài báo nghiên cứu khoa học giai đoạn 2010 - 2015

	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Tạp chí NCKH & hội thảo trong nước	-	-	1	7	10	49
Tạp chí NCKH & hội thảo quốc tế	-	-	2	-	5	9
Tổng cộng	-	-	3	7	15	58

Đặc biệt, trong 2 năm gần đây, số lượng bài báo của cán bộ của trường

được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế hằng năm nhiều hơn số đề tài thực hiện.

Các bài báo có nội dung phù hợp với định hướng của nhà trường là xác định trường Đại học Đại Nam là trường đại học theo hướng ứng dụng (H7.7.3.2).

2. Mặt mạnh

- Cán bộ giảng viên của trường đã công bố được nhiều bài báo ở các tạp chí khoa học chuyên ngành, các kỹ yếu hội thảo, hội nghị khoa học trong nước và quốc tế.

- Các bài báo đăng trên các tạp chí phù hợp với định hướng nghiên cứu và phát triển của nhà trường, số lượng bài viết của cán bộ, giảng viên ngày càng tăng.

3. Tồn tại

- Nhà trường chưa có qui định số lượng các bài báo mỗi đề tài/dự án nghiên cứu khoa học các cấp phải công bố và chưa có chế độ cụ thể khuyến khích cán bộ, giảng viên viết bài.

- Một số GV, nhất là GV trẻ chưa có điều kiện tiếp cận, viết bài đăng trên các tạp chí chuyên ngành.

- Bài báo đăng trên tạp chí nước ngoài còn ít, mới tập trung ở một số ít cán bộ, giảng viên.

4. Kế hoạch hành động

- Năm học 2017, nhà trường ban hành qui định số lượng các bài báo mỗi đề tài/dự án nghiên cứu khoa học các cấp phải công bố.

- Năm học 2017, Trường ban hành các văn bản cụ thể hướng dẫn CBGV tìm hiểu thể lệ và gửi bài đăng trên các tạp chí trong nước và quốc tế; ban hành chế độ khuyến khích cụ thể đối với những tác giả có bài đăng trên các tạp chí trong nước và quốc tế.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 7.4. Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường đại học có những đóng góp mới cho khoa học, có giá trị ứng dụng thực tế để giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

1. Mô tả

Trong 5 năm qua, trường có 85 công trình khoa học được đăng tại các tạp chí trong nước và nước ngoài (H7.7.3.1). Các đề tài của trường đã thực hiện được Hội đồng nghiệm thu đánh giá là có đóng góp mới cho khoa học. Trong đó, có ít nhất 1 đề tài với tiêu đề "The relationship among expectation, satisfaction and loyalty of international visitor to Hanoi, Vietnam." Đăng tại Journal of Global Management 5.1 (2013): 30-43 được cộng đồng khoa học đánh giá có đóng góp mới, được thừa nhận và được 6 trích dẫn (H7.7.4.1) . Ngoài ra, nhà trường thực hiện 1 dự án nghiên cứu khoa học cấp Bộ với tiêu đề “Đánh giá các nhân tố tác động đến kết quả triển khai mô hình POHE” và được đánh giá cao (H7.7.4.2).

2. Mặt mạnh

Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của nhà trường đó gắn với nhiệm vụ chủ yếu của nhà trường và có đóng góp cho khoa học.

3. Tồn tại

Chưa có các hợp đồng chuyển giao công nghệ ký với các doanh nghiệp hay tổ chức xã hội.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2016-2017, nhà trường có chính sách khuyến khích cho cán bộ, giảng viên các khoa/trung tâm triển khai các đề tài/dự án mở rộng theo hướng phục vụ cho nhu cầu của các doanh nghiệp/tổ chức xã hội trong nước. Việc xét duyệt chú trọng hơn đối với các đề tài/dự án mang giá trị ứng dụng thực tế cao và có khả năng chuyển giao công nghệ.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 7.5. Đảm bảo nguồn thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ không ít hơn kinh phí của trường học dành cho hoạt động này.

1. Mô tả

Hàng năm, nhà trường đã dành một khoản kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ. Tổng kinh phí của nhà trường dành cho các đề tài nghiên cứu khoa học trong giai đoạn 2015 - 2017 là 490 triệu đồng đồng (H7.7.4.2). Các đề tài dự kiến sẽ hoàn thành vào quý 1 năm 2017 nên chưa tính được nguồn thu.

2. Mặt mạnh

Nhà trường quan tâm và có chính sách khuyến khích các đề tài có thể ứng dụng và chuyển giao công nghệ.

3. Tồn tại

Hiện nay, các đề tài trong quá trình nghiên cứu nên chưa ước tính được rủi ro.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, nhà trường định kỳ kiểm tra tiến độ dự án nghiên cứu khoa học 6 tháng 1 lần. Yêu cầu trường các đề tài báo cáo tiến độ để có những chính sách phù hợp.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 7.6. Các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường đại học gắn với đào tạo, gắn kết với các Viện nghiên cứu khoa học, các trường đại học khác và các doanh nghiệp. Kết quả của các hoạt động khoa học và công nghệ đóng góp vào phát triển các nguồn lực của trường.

1. Mô tả

Kết quả các công trình NCKH trong Hội thảo “Đổi mới phương pháp theo định hướng phát triển năng lực người học” được ứng dụng ngay vào giảng dạy. Hoạt động này được cụ thể hóa bằng các chuỗi hoạt động như tập huấn về phương pháp giảng dạy cho giảng viên (H7.7.6.1), định hướng phương pháp học cho sinh viên với chương trình “Bản đồ thành công” (H7.7.6.2); một số công trình NCKH tiêu biểu được ứng dụng trong giảng dạy như: “Thực hành kế toán doanh nghiệp sản xuất”, “Một lỗi nhỏ nhưng dễ mắc khi dùng lượng từ tiếng Anh”; ứng dụng trong quản lý như: “Xây dựng phần mềm quản lý thiết bị của trường Đại học Đại Nam”, “Nghiên cứu động lực làm việc của cán bộ giảng viên trường Đại học Đại Nam” (H7.7.6.3).

Nhà trường có các hoạt động hợp tác NCKH hoặc chuyển giao công nghệ cho chính trường Đại học Đại Nam, góp phần giảm nhân công và chi phí. Nghiên cứu “Xây dựng phần mềm quản lý thiết bị của trường Đại học Đại Nam” (H7.7.6.3).

Nhà trường tham gia cùng dự án POHE 2 thực hiện nghiên cứu “Đánh giá các nhân tố tác động đến kết quả triển khai mô hình POHE” (H7.7.6.4).

Nhà trường cùng với **Tạp chí Nghiên cứu Kinh doanh Toàn cầu (GBRJ)** đồng tổ chức Hội thảo Quốc tế AP16 với chủ đề “Đảm bảo phát triển kinh tế nhanh chóng, toàn diện và bền vững tại các nền kinh tế mới nổi”. Hội thảo quốc tế AP16 diễn ra tại trường Đại học Đại Nam, từ ngày 7 đến ngày 8/8/2016 đã thu hút sự tham gia của 38 diễn giả đến từ 13 quốc gia trên thế giới như Mỹ, Bỉ, Thổ Nhĩ Kỳ, Nhật Bản, Đài Loan... (H7.7.6.5). (H7.7.6.6), (H7.7.6.7).

Thông qua tham gia NCKH, trình độ, năng lực chuyên môn của cán bộ qua được nâng cao. Một nghiên cứu sinh đã nhận học vị tiến sĩ và với các công trình

tiêu biểu được công bố như: “Sáp nhập doanh nghiệp trước sức ép cạnh tranh và hội nhập”, “Cách khắc phục điểm yếu của công ty tài chính có vốn góp từ tập đoàn, tổng công ty nhà nước”, “Cơ hội và thách thức đối với kinh doanh tín dụng tiêu dùng của các công ty tài chính Việt Nam” (H7.7.6.8).

Kết quả của các hoạt động KH và CN đóng góp vào việc tăng nguồn thu của trường với các đề tài: “Xây dựng phần mềm quản lý thiết bị của trường Đại học Đại Nam”, “Ứng dụng QR Code trong quản lý thư viện”, “Xây dựng Website khoa CNTT trường Đại học Đại Nam” (H7.7.6.3). Tuy rằng, những đề tài trên không trực tiếp đem lại nguồn thu nhưng giúp cho nhà trường giảm bớt những chi phí phát sinh.

2. Mặt mạnh

Các đề tài nghiên cứu, dự án đã gắn kết nghiên cứu với đào tạo và phục vụ đào tạo. Kết quả của các hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ đã đóng góp vào phát triển các nguồn lực của nhà trường. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên được duy trì thường xuyên và đã thu hút được đông đảo sinh viên quan tâm.

3. Tồn tại

Số đề tài nghiên cứu thực sự gắn kết với các viện nghiên cứu, các trường đại học và doanh nghiệp còn ít. Ít có các đề tài nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên có sự tham gia của sinh viên. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên được tham gia chủ yếu là sinh viên hệ chính qui, chưa thu hút được sinh viên các hệ đào tạo khác.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, nhà trường xây dựng qui định khuyến khích người học thuộc các loại hình đào tạo: chính qui, tại chức tham gia nghiên cứu khoa học, tham gia cùng làm đề tài nghiên cứu khoa học với các giảng viên của trường; qui định gắn kết hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên vào chương trình đào tạo để hoạt động nghiên cứu khoa học có tác động tích cực, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, thành tích học tập của sinh viên. Nhà trường khuyến khích các công trình nghiên cứu mang tính ứng dụng có thể chuyển giao cho các đơn vị bên ngoài hoặc có khả năng thương mại hóa để đem lại nguồn thu cho nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 7.7. Có các quy định cụ thể về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định; có các biện pháp để đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ

1. Mô tả và phân tích

Nhà trường đã ban hành Quy định về Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ, trong đó có tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong hoạt động khoa học công nghệ đối với các chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ cấp Bộ dựa trên qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tiêu chuẩn chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ cũng được qui định trong qui trình đăng ký đề tài khoa học công nghệ làm cơ sở xét duyệt và tuyển chọn đề tài (H7.7.1.3).

Năm 2015, nhà trường đã ban hành qui định về hoạt động sở hữu trí tuệ trong nhà trường nhằm đảm bảo tính khách quan, công bằng trong việc bảo vệ quyền sở hữu và sử dụng các sản phẩm và tài sản trí tuệ do nhà trường và cán bộ, sinh viên thực hiện (H7.7.7.1). Các sản phẩm và tài sản trí tuệ được hình thành trên cơ sở sử dụng nguồn kinh phí của Nhà nước hay hợp tác quốc tế được phân bổ thông qua nhà trường hoặc kinh phí tự có của Trường, sử dụng cơ sở vật chất của nhà trường do nhà trường thống nhất quản lý. Phòng NCKH&HTQT có trách nhiệm hướng dẫn trình tự và thủ tục xác lập quyền sở hữu trí tuệ, chứng nhận quyền tác giả các công trình nghiên cứu.

2. Mặt mạnh

Nhà trường đã ban hành qui định cụ thể về tiêu chuẩn trong hoạt động khoa học công nghệ đối với cán bộ, giảng viên.

3. Tồn tại

Qui định về hoạt động sở hữu trí tuệ trong nhà trường mới được ban hành nên chưa được phổ biến sâu rộng trong toàn trường, đến từng cán bộ nghiên cứu và cán bộ giảng dạy tại các đơn vị.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, trên cơ sở các văn bản pháp quy, đầu năm học, nhà trường phổ biến Quy định về hoạt động sở hữu trí tuệ. Bên cạnh đó, trường thường xuyên cập nhật những văn bản về sở hữu trí tuệ lên website của nhà trường để

toàn thể cán bộ, giảng viên dễ tiếp cận.

5. Tự đánh giá: Đạt.

KẾT LUẬN

Từ năm 2004 đến nay, Trường đã chủ trì và thực hiện 48 đề tài và dự án các cấp, trong đó có 01 đề tài nhánh cấp Nhà nước, 02 dự án với nước ngoài, 01 dự án Tăng cường năng lực nghiên cứu, 01 đề tài trọng điểm cấp Bộ, 21 đề tài cấp Bộ và 23 đề tài cấp cơ sở. Đây là một nỗ lực rất lớn của ban lãnh đạo cùng cán bộ giảng viên trường đại học Đại Nam nếu xét tới đặc thù của trường là một trường đại học dân lập mới thành lập, số lượng cán bộ cơ hữu còn hạn chế. Chính vì vậy, số lượng các đề tài còn hạn chế so với nhiều cơ sở giáo dục lâu đời khác. Số lượng các đề tài, dự án liên kết với các đối tác trong nước và nước ngoài còn hạn chế. Ngoài ra, qui định về hoạt động sở hữu trí tuệ trong nhà trường mới được ban hành nên chưa được phổ biến sâu rộng trong toàn trường, đến từng cán bộ nghiên cứu và cán bộ giảng dạy tại các đơn vị.

Kết quả: 7/7 tiêu chí đạt

TIÊU CHUẨN 8 : HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC QUỐC TẾ

Nhằm thực hiện mục tiêu đào tạo và nghiên cứu khoa học hiệu quả, Trường không ngừng duy trì, phát triển và mở rộng quan hệ hợp tác với các trường đại học thuộc các nước: Úc, Vương Quốc Anh, Tây Ban Nha, Hà Lan, Ấn Độ, Trung Quốc, Đài Loan, Singapore, Nhật Bản, Hàn Quốc, Malaysia, Philippin v.v. Nhà trường có quan hệ hợp tác với nhiều tổ chức và các trường đại học trên thế giới. Hoạt động hợp tác quốc tế của trường được thể hiện trên các mặt: Đào tạo, nghiên cứu khoa học, tổ chức hội nghị, hội thảo, trao đổi giảng viên, sinh viên và các hoạt động hợp tác quốc tế khác.

Trong những năm qua, hoạt động hợp tác quốc tế của nhà trường đã không ngừng được mở rộng. Trường đã triển khai được các chương trình hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, mở rộng hội nhập với giáo dục các nước và đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của xã hội. Thông qua các hoạt động hợp tác quốc tế, nhà trường đã xây dựng và từng bước nâng cao uy tín của mình, trở thành cơ sở hợp tác đào tạo tin cậy của các đối tác trong và ngoài nước.

Trường đã tạo được mạng lưới hợp tác quốc tế rộng rãi với nhiều nước trên thế giới và đã triển khai được một số chương trình hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học có hiệu quả; trao đổi cán bộ, sinh viên và tổ chức được nhiều đoàn đi tham quan học tập, khảo sát nước ngoài cũng như đón tiếp nhiều đoàn nước ngoài đến thăm và làm việc với nhà trường.

Từ cuối năm 2010, nhà trường có kế hoạch triển khai và phát triển các nội dung hợp tác; tìm kiếm, mở rộng quan hệ thêm nhiều đối tác và lĩnh vực hợp tác như: đào tạo, NCKH, trao đổi cán bộ nhằm tăng cường các đề tài/dự án hợp tác, các trung tâm, chương trình hợp tác đào tạo quốc tế.

Tiêu chí 8.1. Các hoạt động hợp tác quốc tế được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước.

1. Mô tả và phân tích

Hoạt động hợp tác quốc tế trong trường nhằm mục tiêu đa dạng các hình

thức, chương trình đào tạo, mở rộng hội nhập với các trường đại học quốc tế, nâng cao chất lượng và năng lực đào tạo của trường. Nội dung các hoạt động hợp tác quốc tế trong Trường bao gồm: hợp tác đào tạo, hợp tác về nghiên cứu khoa học, trao đổi cán bộ, giảng viên, sinh viên. Hoạt động hợp tác quốc tế trong trường được thực hiện theo các quy định của Nhà nước và Quy định của nhà trường (H8.8.1.1), đảm bảo nguyên tắc hai bên cùng có lợi, luôn giữ vững nguyên tắc bảo mật, an ninh chính trị, hữu nghị trong giao tiếp, tôn trọng luật pháp Việt Nam cũng như của phía bạn.

Hoạt động hợp tác quốc tế do Phòng Nghiên cứu Khoa học và Hợp tác quốc tế làm đầu mối quản lý. Các khoa, trung tâm trong trường có vai trò đề xuất các hoạt động hợp tác quốc tế, và được phân cấp hoặc uỷ quyền quản lý thực hiện.

Nhà trường thực hiện nghiêm túc các chế độ xin phép và báo cáo đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo về các hoạt động hợp tác quốc tế theo quy định (H8.8.1.2). Các chương trình hợp tác đào tạo quốc tế của nhà trường được cấp phép và xét duyệt theo đúng qui trình của Bộ (H8.8.1.3), (H8.8.1.4); các hội nghị, hội thảo, tập huấn quốc tế do nhà trường tổ chức hoặc có cơ quan đồng tổ chức nước ngoài đều được Bộ cho phép (H8.8.1.5). Các đoàn cán bộ, giảng viên, sinh viên đến tham quan, làm việc tại nhà trường, ký kết các văn bản ghi nhớ hợp tác với nhà trường đều được đón tiếp đúng theo quy định của Nhà nước và của Trường (H8.8.1.6). Nhà trường cũng phối hợp với cơ quan an ninh cung cấp các thông tin liên quan đến các hoạt động hợp tác quốc tế (các đối tác hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, các đoàn đến, đoàn đi, các đối tác quốc tế có ký kết biên bản ghi nhớ..) (H8.8.1.7), nhằm đảm bảo an ninh văn hoá liên quan đến các đối tác nước ngoài. Trong 5 năm gần đây trường chưa để xảy ra vụ việc nào vi phạm quy định về công tác hợp tác quốc tế.

2. Mặt mạnh

Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc các quy định của Nhà nước, đã phối hợp với cơ quan chức năng quản lý và theo dõi chặt chẽ hoạt động hợp tác quốc tế trong nhà trường.

3. Tồn tại

Số lượng biên bản ghi nhớ ký kết ngày càng tăng. Tuy nhiên, việc triển khai nội dung các biên bản ghi nhớ còn chưa như kỳ vọng của hai bên.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2017, nhà trường tiến hành rà soát và trọng tâm vào những hoạt động mà trường có khả năng thực hiện.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 8.2: Các hoạt động về hợp tác quốc tế về đào tạo có hiệu quả, thể hiện qua các chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật; các chương trình trao đổi giảng viên và người học, các hoạt động tham quan khảo sát, hỗ trợ, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị của trường đại học.

1. Mô tả và phân tích

Trong những năm qua, nhà trường tăng cường đẩy mạnh các chương trình liên kết đào tạo và trao đổi học thuật với các đối tác nước ngoài. Nhà trường đã ký kết được 27 văn bản hợp tác, liên kết đào tạo và trao đổi học thuật với các đối tác nước ngoài gồm các trường đại học, học viện và các tổ chức trong khu vực và trên thế giới (H8.8.2.1). Năm 2012 Trường đã bắt đầu triển khai Chương trình hợp tác đào tạo hệ cao đẳng chuyên ngành Quản trị Kinh doanh với trường Cao đẳng Stamford Raffles, Singapore (H8.8.2.2) theo quyết định 2276/QĐ-BGDĐT ký ngày 19/05/2012 (H8.8.2.3).

Trong khuôn khổ các hoạt động hợp tác trao đổi học thuật và kinh nghiệm quản lý, năm 2014 trường đã cử đoàn cán bộ, giảng viên gồm 4 thành viên (H8.8.2.4) làm việc tại cơ sở của đối tác nước ngoài. Trong giai đoạn 2010 – 2015, trường cũng gửi 02 sinh viên sang làm việc và học tập tại cơ sở của đối tác nước ngoài (H8.8.2.5). Nhà trường cũng đón tiếp 36 đoàn nước ngoài sang tham quan, làm việc tại trường (H8.8.2.6).

Trường Đại học Đại Nam đã ký kết hợp tác với tổ chức kỳ thi tiếng Nhật JLAN - Hiệp hội giáo dục tiếng Nhật dành cho các quốc gia không sử dụng chữ Hán để thực hiện kỳ thi JLAN tại Việt Nam. Kỳ thi năng lực tiếng Nhật JLAN – Test là kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Nhật tại các các quốc gia không sử dụng chữ Hán. Kỳ thi là một trong những lĩnh vực hoạt động của Hiệp hội JLAN nhằm giúp cho những du học sinh đến từ các quốc gia không sử dụng chữ Hán có thể thích nghi nhanh với cuộc sống, sinh hoạt tại Nhật cũng như môi trường học tiếng Nhật. Nhà trường trích một số nguồn thu từ hoạt động này để nâng cấp phòng học nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo (H8.8.2.7).

2. Mặt mạnh

Nhà trường khuyến khích các đơn vị, cá nhân trong nhà trường mở rộng

hoạt động hợp tác quốc tế đã tạo điều kiện cho việc tham, giao lưu và học hỏi giữa trường Đại học Đại Nam với các trường trên thế giới.

3. Tồn tại

Mặc dù, nhà trường đã ký những Biên bản ghi nhớ; có được quyết định đào tạo liên kết nhưng hiệu quả thực hiện chưa cao.

Nhà trường chưa thu hút được các nguồn từ hợp tác quốc tế để bổ sung cơ sở vật chất nhằm tăng cường hoạt động quốc tế.

4. Kế hoạch hành động

<i>TT</i>	<i>Mục tiêu</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Đơn vị thực hiện</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát lại những biên bản đã ký và có kế hoạch hành động thực hiện những biên bản đó.	- Phòng NCKH &HTQT	- Quý 1/2016
2	Khắc phục tồn tại	Khuyến khích, các đơn vị cá nhân trong trường mở rộng hoạt động hợp tác quốc tế nhằm thu hút nguồn tài trợ giúp cho việc hiện đại hóa nhà trường.	Hội đồng Quản trị	Thường xuyên

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 8.3. Các hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học có hiệu quả, thể hiện qua việc thực hiện dự án, đề án hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, các chương trình áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào thực tiễn, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học chung, công bố các công trình khoa học chung.

1. Mô tả và phân tích

Trong khuôn khổ các hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học, trong 5 năm qua, nhà trường cùng với **Tạp chí Nghiên cứu Kinh doanh Toàn cầu (GBRJ)** đồng tổ chức Hội thảo Quốc tế AP16 với chủ đề “Đảm bảo phát triển kinh tế nhanh chóng, toàn diện và bền vững tại các nền kinh tế mới nổi”.

Hội thảo quốc tế AP16 diễn ra tại trường Đại học Đại Nam, từ ngày 7 đến ngày 8/8/2016 đã thu hút sự tham gia của 38 diễn giả đến từ 13 quốc gia trên thế giới như Mỹ, Bỉ, Thổ Nhĩ Kỳ, Nhật Bản, Đài Loan... (H7.7.6.5), (H7.7.6.6), (H7.7.6.7)

2. Mặt mạnh

Nhà trường chủ động phát triển các hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học thông qua việc thực hiện dự án, đề án hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học chung.

3. Tồn tại

Nhà trường có ít các đề tài/dự án khoa học công nghệ liên kết quốc tế mà ứng dụng được.

4. Kế hoạch hành động

<i>TT</i>	<i>Mục tiêu</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Đơn vị thực hiện</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>
1	Khắc phục tồn tại	Kết hợp với các tổ chức nghiên cứu nước ngoài để phát triển những dự án, công trình nhằm nâng cao chất lượng đào tạo	Các Khoa thuộc nhà trường	Năm 2016 và 2017

5. Tự đánh giá: Đạt.

KẾT LUẬN

Trong những năm qua, hoạt động hợp tác quốc tế của nhà trường đã không ngừng được mở rộng. Trường đã triển khai được các chương trình hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, mở rộng hội nhập với giáo dục các nước và đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của xã hội. Thông qua các hoạt động hợp tác quốc tế, nhà trường đã xây dựng và từng bước nâng cao uy tín của mình, trở thành cơ sở hợp tác đào tạo tin cậy của các đối tác trong và ngoài nước. Các hoạt động quốc tế của nhà trường luôn đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của Bộ GD&ĐT về hợp tác quốc tế. Tuy nhiên, do nguồn lực của trường còn hạn chế nên chưa thể triển khai toàn bộ, đồng thời các biên bản hợp tác với các đối tác nước ngoài.

Kết quả: 3/3 tiêu chí đạt

TIÊU CHUẨN 9: THƯ VIỆN, TRANG THIẾT BỊ HỌC TẬP VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT KHÁC

Bên cạnh việc xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên có đủ số lượng, chất lượng, chuyên môn phục vụ các mục tiêu, hoạt động đã đề ra, nhà trường còn quan tâm đầu tư về hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ tốt cho công tác học tập và nghiên cứu khoa học.

Tiêu chí 9.1. Thư viện của trường đại học có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học. Có thư viện điện tử được nối mạng, phục vụ dạy học và nghiên cứu khoa học có hiệu quả.

1. Mô tả

Trong những năm qua, trường Đại học Đại Nam đã đảm bảo việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, hệ thống phòng học, sách báo tài liệu để phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên và sinh viên. Số lượng sách tham khảo trong thư viện đáp ứng đủ theo yêu cầu trong danh mục tài liệu của CTĐT; các tài liệu được cập nhật thường xuyên (H9.9.1.1).

Hiện tại, thư viện nhà trường được bố trí với tổng diện tích 680m² gồm 2 phòng đọc và phòng máy với sức chứa 250 chỗ ngồi. Vốn tài liệu Thư viện phong phú với 2.248 đầu sách tương ứng với 9.153 cuốn sách: trong đó số đầu sách giáo trình 400 đầu sách tương ứng hơn 2000 cuốn; sách tài liệu tham khảo 1842 đầu sách tương ứng hơn 7000 cuốn; số sách tài liệu tiếng nước ngoài 138 cuốn sách, số tạp chí 708 cuốn. Tất cả các tài liệu của nhà trường đã được số hóa (H9.9.1.2).

Giảng viên cán bộ và sinh viên nhà trường đều hài lòng về mức độ đáp ứng của thư viện/thư viện điện tử (H9.9.1.3).

Thư viện điện tử được nối mạng, kết nối với thư viện của các cơ sở giáo dục khác trong và ngoài nước phục vụ dạy học và NCKH. Với việc sử dụng tài liệu số, tài khoản của người đọc sẽ tự đăng nhập vào nguồn tailieu.vn, có thể khai thác các bài giảng và giáo trình của trường do giáo viên và cán bộ thư viện phát triển; khai thác hơn 1, 2 triệu tài liệu, bài giảng, giáo trình, luận văn, báo cáo...từ website tailieu.vn; khai thác nguồn tài nguyên của hơn 70 trường đại học khác (H9.9.1.4). Nhận thức rõ tầm quan trọng của Thư viện, định kỳ hàng năm, dựa trên yêu cầu của các đơn vị khoa, phòng về bổ sung danh mục vốn tài liệu, nhà trường đã tiến hành bổ sung nhiều sách, giáo trình, tài liệu tham khảo cho thư viện (H9.9.1.5). Trung bình mỗi năm, nhà trường bổ sung khoảng 281 đầu sách tương ứng với gần 1200 cuốn sách với nhiều loại sách báo, giáo trình,

tạp chí chuyên ngành...đáp ứng cho công tác nghiên cứu và sử dụng của cán bộ, giảng viên và sinh viên. Hệ thống máy vi tính của nhà trường được nối mạng nội bộ và internet, các máy tính được cài đặt phần mềm miễn phí Dlib do Công ty TNHH tài liệu trực tuyến Vina cung cấp nhằm quản lý bạn đọc, quản trị hệ thống... Việc sử dụng tài khoản cá nhân trên thư viện số giúp bạn đọc nghiên cứu được khối lượng tài liệu phong phú, chia sẻ, trao đổi tài liệu bạn đọc trực tuyến...giúp độc giả thuận lợi cho quá trình nghiên cứu tài liệu ở bất kỳ địa điểm nào (H9.9.1.6).

Thư viện của trường có đầy đủ các văn bản thông báo công khai quy định về thời gian phục vụ và Nội quy bạn đọc (H9.9.1.7), và hướng dẫn sử dụng tài liệu Thư viện số (H9.9.1.8). Hàng ngày, thư viện phục vụ công tác tra cứu tài liệu theo giờ hành chính từ thứ 2 đến sáng thứ 7, riêng thời gian ôn thi, thư viện phục vụ ngoài giờ theo yêu cầu bạn đọc. Theo thống kê, hàng năm có khoảng 7.000 độc giả mượn sách đăng ký mượn sách và tổng số 10.000 độc giả tra cứu tài liệu trên website thư viện số của nhà trường (H9.9.1.9).

2. Điểm mạnh

- Thư viện phát triển theo hướng hiện đại: Sự phát triển mạnh mẽ về công nghệ thông tin trên toàn thế giới và việc đưa vào sử dụng Thư viện điện tử là phù hợp với thời đại công nghệ, giúp độc giả tra cứu được nguồn tài liệu phong phú trên tất cả các lĩnh vực, phục vụ có hiệu quả công tác nghiên cứu khoa học, học tập của sinh viên, cán bộ, giảng viên.

- Thư viện điện tử được đầu tư và cập nhật thường xuyên, hỗ trợ tích cực trong việc học từ xa của độc giả.

- Thường xuyên cập nhật, bổ sung giáo trình, sách, báo tạp chí và số hóa tài liệu để bổ sung danh mục thư viện điện tử.

- Luôn mở rộng quan hệ hợp tác về thư viện điện tử.

3. Tồn tại

- Số lượng sách, giáo trình, tài liệu tham khảo chuyên ngành còn hạn chế.

- Số hóa tài liệu: khóa luận, luận văn chưa được thực hiện.

- Do chưa hoàn thiện công tác giải phóng mặt bằng nên việc triển khai, xây dựng hệ thống thư viện nhà trường, thư viện khoa còn gặp nhiều khó khăn.

4. Kế hoạch hành động

<i>TT</i>	<i>Mục tiêu</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Đơn vị thực hiện</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Khắc phục	- Bổ sung sách, giáo trình, tài liệu tham khảo chuyên ngành còn thiếu	- Phòng	Năm	

	tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Số hóa tài liệu - Sớm hoàn thành việc giải phóng mặt bằng để xây dựng hệ thống thư viện theo kế hoạch 	<p>HCQT</p> <p>- Phòng IT, Phòng HCQT</p> <p>HĐQT BGH</p>	<p>2017</p> <p>Năm 2017</p> <p>Từ 2106</p>	
2	Phát huy điểm mạnh	- Cập nhật liên tục số lượng tài liệu cứng và mềm đáp ứng nhu cầu tham khảo, học tập của toàn trường	- Phòng HCQT	- Thường xuyên	

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 9.2. Có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành phục vụ cho dạy, học và nghiên cứu khoa học, đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo.

1. Mô tả

Trường có đủ phòng học, giảng đường lớn, phòng thí nghiệm, phòng thực hành phục vụ cho dạy và học (H9.9.2.1).

Hiện nhà trường có 02 cơ sở đào tạo với tổng diện tích đất 11,32 ha. Trong đó:

- Tổng diện tích phòng học, giảng đường là 11.431 m² với 110 phòng học đáp ứng yêu cầu đào tạo, học tập của sinh viên, học viên. 4 phòng học máy tính với diện tích 776m²; 26 phòng học ngoại ngữ với diện tích 780m²... (H9.9.2.2).

- Phòng làm việc, khu hành chính, hiệu bộ với diện tích sàn phục vụ công việc: 3.820m², quy mô trung bình: 10 m²/người

- Nhà trường đã đưa vào sử dụng diện tích Hội trường: 1.187m²; 02 phòng thư viện với diện tích 340m²; 7 phòng thí nghiệm với diện tích 224 m²; 2 phòng thực hành có diện tích: 286 m²; (H9.9.2.2).

Hiện tại, nhà trường đã báo cáo lên các cơ quan chính quyền và được phép tiến hành xây dựng các công trình tạm (do chưa nhận bàn giao đủ diện tích của dự án nên việc bố trí các hạng mục được phê duyệt: Ký túc xá, nhà nghiên cứu, khu thể chất, khu giảng đường...theo quy hoạch chưa được thực hiện) H9.9.2.3)..

+ 01 xưởng thực hành gồm 9 phòng học với diện tích: 801 m² (H9.9.2.2).

- Tại mỗi cơ sở đều có khu dịch vụ ăn uống phục vụ cán bộ, giảng viên và sinh viên với tổng diện tích: 1260m²

Nhà tập đa năng với diện tích: 1160m²; khu sân thể thao: 5000m² (H9.9.2.2).

Nhà trường đầu tư tại cơ sở chính khuôn viên với nhiều hạng mục vườn hoa, cây xanh tạo không gian thoáng mát, xanh – sạch – đẹp phục vụ cho các hoạt động ngoài trời cho sinh viên, cán bộ, giảng viên.

- Khu công trình kỹ thuật được bố trí, xây dựng khoa học trong khuôn viên nhà trường. Diện tích trạm bơm là 31m², bể nước khoảng 95m² đất. (H9.9.2.2).

Nhà xe được xây dựng kiên cố với diện tích: 1600m²

Do nhà trường có 02 cơ sở nên việc sắp xếp phòng học đảm bảo khoa học và hợp lý thông qua Thời khóa biểu, Lịch sử dụng phòng học... (H9.9.2.4). Tất cả các phòng học, phòng thực hành đều có hệ thống bảng tên phòng, tên và danh sách cán bộ IT, kỹ thuật hỗ trợ, Bảng nội quy hướng dẫn sử dụng điều hòa, điện năng...(H9.9.2.5).

Các thiết bị trong phòng học đều được đầu tư hiện đại, đồng bộ (máy tính, máy chiếu, hệ thống âm thanh...), hệ thống đèn, quạt điện, rèm che...(H9.9.2.6); Hiện nhà trường đã và đang tiến hành thực hiện kế hoạch lắp điều hòa cho 24 phòng học tại cơ sở 56 Vũ Trọng Phụng (H9.9.2.7).

Nhà trường hiện có 02 phòng Hội thảo có sức chứa 150 chỗ ngồi được trang bị hệ thống âm thanh, thiết bị trình chiếu hiện đại để phục vụ các cuộc Hội thảo Khoa học (H9.9.2.8).

Cơ sở vật chất ban đầu đã phục vụ và đáp ứng được yêu cầu trong việc học tập và giảng dạy cho khoảng 10.000 sinh viên. Không có ý kiến phàn nàn (được chính thức ghi nhận) của giảng viên, người học về tình trạng thiếu giảng đường, lớp học; hay số lượng phòng thực hành, thí nghiệm không đáp ứng (H9.9.2.9).

2. Điểm mạnh

- Trường có đầy đủ các phòng học, giảng đường, phòng hội thảo, thư viện, hội trường, máy tính, bàn ghế và thiết bị bên trong đáp ứng yêu cầu công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

- Thường xuyên đổi mới trang thiết bị học tập nhằm đáp ứng cao nhất nhu cầu học tập và giảng dạy.

3. Tồn tại

- Do chưa hoàn tất thủ tục giải phóng mặt bằng nên công tác xây dựng hệ thống các phòng học, giảng đường chưa đồng bộ như kế hoạch đã được phê duyệt, hiện vẫn đang tiến hành xây dựng các công trình tạm đáp ứng trước mắt nhu cầu đào tạo trước mắt.

4. Kế hoạch hành động

<i>TT</i>	<i>Mục tiêu</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Đơn vị thực hiện</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Khắc phục tồn tại	- Hoàn thành sớm việc giải phóng mặt bằng để có thể xây dựng hệ thống giảng đường, phòng học đồng bộ, đạt chuẩn	HDQT Ban giám hiệu	Từ 2016	
2	Phát huy điểm mạnh	- Đảm bảo chất lượng giảng đường, phòng học, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập tại nhà trường	- Phòng HCQT	- Thường xuyên	

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 9.3. Có đủ trang thiết bị dạy và học để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, được đảm bảo về chất lượng và sử dụng có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của các ngành đang đào tạo

1. Mô tả

Để đảm bảo hỗ trợ có hiệu quả cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, nhà trường có đủ trang thiết bị dạy và học theo yêu cầu của các ngành đào tạo Trong những năm qua, nhà trường đã có chủ trương lớn trong việc đầu tư trang thiết bị và phương tiện học tập để hỗ trợ các hoạt động dạy và học. Nhà trường chú trọng đầu tư đa dạng các trang thiết bị phục vụ yêu cầu chung cho các ngành học và từng ngành học riêng. Tất cả các phòng học được trang bị cố định đầy đủ hệ thống máy tính, máy chiếu, thiết bị âm thanh hiện đại, hệ thống bàn, ghế, đèn, quạt, bảng, bục giảng, rèm chắn sáng... (H9.9.3.1).

Từ tháng 03/2016, nhà trường tiến hành lắp đặt hệ thống điều hòa tại cơ sở 56 Vũ Trọng Phụng để đáp ứng tối đa trang thiết bị hiện đại phục vụ công tác dạy và học (H9.9.3.2).

Nhà trường chú trọng đầu tư hệ thống trang thiết bị, máy móc, hóa chất, dụng cụ phù hợp với yêu cầu đào tạo của các chuyên ngành. (Ví dụ: Biên bản kiểm kê tài sản ngành Dược, Hồ sơ mua sắm trang thiết bị, công cụ, dụng cụ, hóa chất phục vụ công tác giảng dạy, thí nghiệm) (H9.9.3.3).

Để khai thác có hiệu quả các trang thiết bị và đảm bảo an toàn cho người và tài sản, nhà trường đã xây dựng văn bản hướng dẫn từng đơn vị sử dụng trang thiết bị, đặt số hotline tại các phòng học, giảng đường...nhằm giải quyết nhanh chóng và thuận lợi các sự cố phát sinh trong quá trình dạy và học (H9.9.3.4). Ngoài ra, nhà trường còn xây dựng và thực hiện tốt quy trình mua sắm, sửa chữa (H9.9.3.5); quản lý trang thiết bị thông qua công tác kiểm kê tài sản theo định kỳ hàng năm, file quản lý danh sách thiết bị dịch chuyển trong tháng...) (H9.9.3.6).

Công tác quản lý, mua sắm hệ thống tài sản của nhà trường được giao cho phòng Hành chính Quản trị chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý. Với việc phân công nhiệm vụ rõ ràng, đồng thời với việc xây dựng các nội quy, quy định quản lý tài sản như đã đề cập ở trên đã mang lại hiệu quả tích cực trong công tác quản lý tài sản của nhà trường, đảm bảo sử dụng tài sản tối ưu và hiệu quả (H9.9.3.7).

Đối với việc sửa dụng các thoại máy móc, trang thiết bị, hóa chất trong xưởng, phòng thí nghiệm, sinh viên sẽ được sự hướng dẫn trực tiếp của các giảng viên, kỹ thuật viên trong giờ lên lớp lý thuyết hay thực hành. Giảng viên, sinh viên hài lòng về số lượng và chất lượng trang thiết bị giảng dạy phục vụ công tác dạy học, NCKH (H9.9.3.8).

2. Điểm mạnh

- Trang thiết bị dạy và học được nhà trường chú trọng đầu tư đồng bộ, hiện đại và được khai thác, sử dụng với hiệu suất cao.

- Đơn vị quản lý về cơ sở vật chất của nhà trường (phòng Hành chính Quản trị) đã thực hiện tốt công tác mua sắm, quản lý trang thiết bị của nhà trường.

- Nhà trường đã xây dựng hoàn thiện khu thực hành tách biệt hoàn toàn với khu giảng đường.

3. Tồn tại

- Chưa xây dựng được hệ thống phần mềm quản lý tài sản.

4. Kế hoạch hành động

<i>TT</i>	<i>Mục tiêu</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Đơn vị thực hiện</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Khắc phục tồn tại	- Xây dựng hệ thống phần mềm quản lý tài sản	BGH Phòng HCQT	Năm 2017	
2	Phát huy điểm mạnh	- Đảm bảo chất lượng giảng đường, phòng học, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập tại nhà trường	- Phòng HCQT	- Thường xuyên	

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 9.4. Cung cấp đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học và quản lý.

1. Mô tả

Trường Đại học Đại Nam đặc biệt quan tâm đến việc đầu tư các thiết bị tin học nhằm đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học và quản lý.

Tính đến tháng 03/2016, nhà trường có 310 máy tính, 31 laptop, 58 máy chiếu... Các phòng học được trang bị đầy đủ máy tính, máy chiếu, hệ thống loa, âm ly... (H9.9.3.1).

Mỗi khoa, phòng đều được trang bị máy tính cá nhân, máy in để phục vụ công tác quản lý. Tất cả máy tính được kết nối mạng (Intranet) và kết nối mạng Internet có dây và không dây với tốc độ cao đảm bảo đáp ứng cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học. Có bộ phận chuyên trách về quản trị mạng trực thuộc phòng Hành chính Quản trị có nhiệm vụ đảm bảo hoạt động ổn định hệ thống mạng. Do đó, công tác quản lý đạt nhiều hiệu quả khi sử dụng mạng internet như: gửi thư điện tử về thông báo, lịch công tác tuần, giao dịch hồ sơ với đối tác bên ngoài (H9.9.4.1); (H9.9.4.2).

Nhà trường sử dụng các phần mềm chuyên dụng: quản lý đào tạo, quản lý học phí, quản lý điểm (H9.9.4.3).

Với việc sử dụng thư viện điện tử, thư viện số như đã trình bày ở Tiêu chí 9.2 như trên cùng với việc đầu tư hệ thống mạng internet trên quy mô rộng toàn trường đã phần nào giúp công tác tra cứu tài liệu, nghiên cứu.

Trường có website riêng và hệ thống mạng internet được đầu tư lắp đặt trong toàn hệ thống trường với 6 máy chủ, 4 đường truyền VNPT và hệ thống mạng LAN.

Trường đã trang bị mạng wifi miễn phí tại 02 cơ sở của nhà trường, được quản lý thông qua hệ thống đăng ký truy cập. Trong thời gian qua, tin học hóa đã góp phần quan trọng, hiệu quả trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy của giảng viên, đổi mới phương pháp làm việc của cán bộ phòng ban, việc sử dụng hệ thống mạng, thư điện tử, hệ thống email... mang lại tiện ích rất lớn trong các mặt hoạt động của nhà trường.

Nhà trường trang bị 01 máy chủ (server) phục vụ cho sinh viên chuyên ngành công nghệ thông tin học tập và nghiên cứu và 06 máy tính tại thư viện để sinh viên có thể tự truy cập để học tập và tự nghiên cứu khi có nhu cầu (H9.9.3.1).

Căn cứ vào tình hình quản lý thực tế của nhà trường, để đảm bảo việc giữ gìn an toàn cho hệ thống máy tính tại các phòng học, nhà trường tiến hành cài đặt hệ thống camera quản lý nhằm đảm bảo thực hiện tối ưu an toàn về tài sản (H9.9.4.4).

Cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học hài lòng về các thiết bị tin học phục vụ hoạt động dạy và học, NCKH và công tác quản lý của nhà trường (H9.9.4.5).

2. Điểm mạnh

- Thiết bị tin học đa dạng đã hỗ trợ hiệu quả hoạt động dạy, học, tra cứu thông tin, nghiên cứu khoa học và quản lý điều hành của nhà trường.

- Hoạt động hệ thống mạng được duy trì ổn định, có bộ phận chuyên nghiệp theo dõi, bảo trì.

- Nhà trường đã tận dụng và sử dụng tối đa, triệt để thiết bị tin học trong hoạt động của nhà trường.

3. Tồn tại

- Một số lĩnh vực công tác quản lý chưa sử dụng phần mềm quản lý chuyên dụng như: quản lý tài sản, quản lý nhân sự.

4. Kế hoạch hành động

<i>TT</i>	<i>Mục tiêu</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Đơn vị thực hiện</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Khắc phục tồn tại	- Xây dựng hệ thống phần mềm quản lý cần thiết theo nhu cầu của trường như quản lý tài sản, quản lý nhân sự	Ban giám hiệu Phòng HCQT	Năm 2017	
2	Phát huy điểm mạnh	- Đảm bảo chất lượng trang thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học và quản lý	- Phòng HCQT	- Thường xuyên	

- Từ năm 2016, đưa vào sử dụng phần mềm quản lý chuyên dụng đáp ứng yêu cầu công tác quản lý của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 9.5. Có đủ các diện tích lớp học theo quy định cho việc dạy và học; có ký túc xá cho người học, đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho sinh viên nội trú; có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao theo quy định

1. Mô tả

Để đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập, Nhà trường đã không ngừng đầu tư xây dựng giảng đường, phòng thực hành theo như quyết định phê duyệt dự án quy hoạch. Nhà trường xây dựng hệ thống phòng học, giảng đường, phòng thực hành tương đối khang trang, trang thiết bị hiện đại đáp ứng nhu cầu dạy và học (H9.9.5.1).

Trường Đại học Đại Nam có 02 cơ sở hoạt động, trong đó:

Cơ sở chính có tổng diện tích đất được cấp phép đầu tư xây dựng tại cơ sở chính là 9.6ha.

Nhà trường đã tiến hành xây dựng và đưa vào sử dụng nhà học 9 tầng với diện tích mặt sàn 11.000m². Diện tích sàn xây dựng học tập bình quân: 6.5m²/sv.

Năm 2016, nhà trường tiến hành lập phương án xây dựng khu nhà học 9 tầng thứ 2, diện tích mặt sàn ước tính 12.000m².

Cơ sở 1 của nhà trường đặt tại cơ sở 56 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội với tổng diện tích: 2000m², trong đó diện tích sàn xây dựng 3.950m², diện tích xây dựng học tập bình quân 2.6m²/sv.

Tổng diện tích phòng học, giảng đường tại 2 cơ sở là 11.431 m² với 110 phòng học đáp ứng yêu cầu đào tạo, học tập của sinh viên, học viên.

Trong đó: 4 phòng học máy tính với diện tích 776m²; 26 phòng học ngoại ngữ với diện tích 780m²...

Ngoài ra, nhà trường xây dựng và đưa vào sử dụng 7 phòng thí nghiệm Dược với diện tích 224 m²; 01 Xưởng thực hành Hóa – Dược: 320 m²; 01 Xưởng thực hành thực hành Dược Bào chế với diện tích: 810 m²; 01 Xưởng thực hành kỹ thuật, xây dựng: 780 m². Khu thực hành được bố trí xa khu giảng đường (H9.9.5.1).

Việc sắp xếp, phân bổ các phòng học được phân chia khoa học và hợp lý. Phòng Đào tạo phối hợp với các đơn vị khoa, phòng liên quan xây dựng thời khóa biểu theo thực tế đào tạo của từng năm học, phù hợp với số lượng thực tế các phòng học hiện có của trường (H9.9.5.2). Ngoài ra việc xây dựng Nội quy sử dụng phòng học, phòng máy đã tạo nên tính tự giác, tự chủ cho người học và giảng viên nhằm quản lý và sử dụng hiệu quả nhất các phòng học.

Bên cạnh việc đầu tư về trang thiết bị cho các phòng học, nhà trường còn hết sức quan tâm đến đời sống sinh hoạt, văn hóa, thể dục thể thao của sinh viên: Xây dựng khuôn viên cây xanh tại cơ sở Phú Lãm, xây dựng các sân bãi tập luyện và thi đấu cho sinh viên: Nhà tập đa năng với diện tích 1.160m²; khu sân

thể thao với diện tích 5.000m²; hệ thống Căng tin với diện tích 1.260m²; Sân khấu ngoài trời không chỉ phục vụ các hoạt động thể dục thể thao và giảng dạy các môn giáo dục thể chất mà còn là nơi tổ chức Hội trại, các hoạt động vui chơi giải trí như thi nhảy flasmob, xếp hình, xếp chữ...(H9.9.5.3).

Ký túc xá sinh viên tại cơ sở chính với diện tích 5.000m², bao gồm 144 phòng đáp ứng nhu cầu ở và sinh hoạt của hơn 1000 sinh viên (H9.9.5.1).

Với mục đích nâng cao hơn nữa đời sống sinh viên, nhà trường đang tiến hành hoàn thiện hồ sơ xây dựng khu Ký túc xá xây mới giai đoạn 2 đã được cấp thẩm quyền cấp chấp thuận. Nhà trường đang lên phương án và tiến hành xây dựng 4 dãy nhà với diện tích: 2.578 m² (H9.9.5.4).

2. Điểm mạnh

- Cơ sở vật chất khang trang đáp ứng tốt cho các hoạt động dạy, học và các hoạt động ngoại khóa của sinh viên.

- Hệ thống căng tin, sân vận động, sân khấu ngoài trời được khai thác và phục vụ tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao.

3. Tồn tại

- Công tác giải phóng mặt bằng vẫn còn gặp nhiều khó khăn, do đó để đáp ứng được nhu cầu đào tạo trước mắt, nhà trường tiến hành xây dựng các công trình tạm.

4. Kế hoạch hành động

<i>TT</i>	<i>Mục tiêu</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Đơn vị thực hiện</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Khắc phục tồn tại	- Từ năm 2016, phối hợp với các cơ quan chủ quản thực hiện hoàn tất công tác giải phóng mặt bằng nhằm hoàn thiện các hạng mục xây dựng theo Đề án được cấp phép đầu tư.	HĐQT Ban Giám hiệu	Từ năm 2016	
2	Phát huy điểm mạnh	- Đảm bảo có đủ các diện tích lớp học cho nhu cầu dạy và học hiện tại của trường. - Đảm bảo ký túc xá hiện tại đáp ứng cho người học, đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho sinh viên nội trú; - Đảm bảo trang thiết bị và sân bãi hiện tại đáp ứng cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao của trường	- Phòng HCQT	- Thường xuyên	

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 9.6. Có đủ phòng làm việc cho các cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu theo quy định

1. Mô tả

Hệ thống các phòng làm việc của trường được bố trí tại 02 cơ sở. Khối văn phòng Hiệu bộ nằm tại cơ sở 1 bao gồm phòng làm việc của Hội đồng Quản trị, Ban Giám hiệu, phòng Hội đồng khoa học, và 14 phòng làm việc của khối các phòng, khoa chức năng (H9.9.6.1).

Tại cơ sở chính của nhà trường có 20 phòng bao gồm văn phòng của Ban Giám hiệu, văn các khoa, các phòng chức năng, ban Quản lý Dự án, ban Quản lý Ký túc xá (H9.9.6.2).

Diện tích phòng làm việc, khu hành chính, hiệu bộ với diện tích sàn phục vụ công việc: 3.820m², quy mô trung bình: >12 m²/người (H9.9.5.1)

Tất cả các phòng làm việc được trang bị đầy đủ tiện nghi, trang thiết bị như máy điều hòa nhiệt độ, máy vi tính, máy in và các trang thiết bị văn phòng khác như: bàn làm việc, điện thoại cố định, giá đựng hồ sơ, tủ sắt.... (H9.9.3.1). Hàng năm, nhà trường tiến hành kiểm kê và đánh giá sử dụng trang thiết bị ở các phòng làm việc của các đơn vị để lên kế hoạch sửa chữa, nâng cấp, đầu tư kịp thời (H9.9.3.4).

Để đảm bảo tốt nhất môi trường làm việc và môi trường đào tạo, nhà trường đang tiến hành triển khai lập phương án xây dựng khu nhà học 9 tầng thứ 2, diện tích mặt sàn ước tính 12.000m². Để có phương án xây dựng tối ưu, ban Lãnh đạo nhà trường thường xuyên tiến hành các cuộc họp để lấy ý kiến đóng góp từ phía lãnh đạo các đơn vị trong toàn trường (H9.9.6.3).

2. Điểm mạnh

- Đảm bảo phòng làm việc cho cán bộ, giảng viên, nhân viên theo quy định. Các trang thiết bị trong phòng được trang bị đầy đủ, tiện nghi.

- Khu văn phòng của các đơn vị được sắp xếp gần nhau, khoa học tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị phối hợp thực hiện công việc.

3. Tồn tại

- Chưa bố trí được phòng làm việc riêng cho Lãnh đạo các đơn vị, phòng họp riêng cho các bộ môn, chuyên ngành.

4. Kế hoạch hành động

<i>TT</i>	<i>Mục tiêu</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Đơn vị thực hiện</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Khắc phục tồn tại	- Hoàn thành sớm việc giải phòng mặt bằng để có thể xây dựng tòa nhà 9 tầng thứ 2 để bố trí sắp đặt lại hệ thống phòng làm việc của các đơn vị trong trường	HDQT Ban giám hiệu	Từ 2017	
2	Phát huy điểm mạnh	- Đảm bảo có đủ phòng làm việc cho các cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu theo quy định	- Phòng HCQT	- Thường xuyên	

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 9.7: Có đủ diện tích sử dụng đất theo quy định của tiêu chuẩn TCVN3981-85. Diện tích mặt bằng tổng thể đạt mức tối thiểu theo quy định.

1. Mô tả

Nhà trường có đủ diện tích sử dụng theo quy định của tiêu chuẩn TCVN3981-85. Diện tích mặt bằng tổng thể đạt mức tối thiểu theo quy định.

Hiện nhà trường có 02 cơ sở đào tạo với tổng diện tích đất 11,32ha. Trong đó:

- Tổng diện tích phòng học, giảng đường là 11.431 m² với 110 phòng học đáp ứng yêu cầu đào tạo, học tập của sinh viên, học viên. 4 phòng học máy tính với diện tích 776m²; 26 phòng học ngoại ngữ với diện tích 780m²....(H9.9.2.1).

- Phòng làm việc, khu hành chính, hiệu bộ với diện tích sàn phục vụ công việc: 3.820m², quy mô trung bình: 10 m²/người

- Nhà trường đã đưa vào sử dụng diện tích Hội trường: 1.187m²; 02 phòng thư viện với diện tích 340m²; 7 phòng thí nghiệm với diện tích 224 m²; 2 phòng thực hành có diện tích: 286 m²; (H9.9.2.1).

Hiện tại, nhà trường đã báo cáo lên các cơ quan chính quyền và được phép tiến hành xây dựng các công trình tạm (do chưa nhận bàn giao đủ diện tích của dự án nên việc bố trí các hạng mục được phê duyệt: Ký túc xá, nhà nghiên cứu, khu thể chất, khu giảng đường... theo quy hoạch chưa được thực hiện).

+ 01 xưởng thực hành gồm 9 phòng học với diện tích: 801 m² (H9.9.2.1).

- Tại mỗi cơ sở đều có khu dịch vụ ăn uống phục vụ cán bộ, giảng viên và sinh viên với tổng diện tích: 1260m²

Nhà tập đa năng với diện tích: 1160m²; khu sân thể thao: 5000m²(H9.9.2.1).

Nhà trường đầu tư tại cơ sở chính khuôn viên với nhiều hạng mục vườn hoa, cây xanh tạo không gian thoáng mát, xanh – sạch – đẹp phục vụ cho các hoạt động ngoài trời cho sinh viên, cán bộ, giảng viên.

- Khu công trình kỹ thuật được bố trí, xây dựng khoa học trong khuôn viên nhà trường. Diện tích trạm bơm là 31m², bể nước khoảng 95m² đất. (H9.9.2.1).

Nhà xe được xây dựng kiên cố với diện tích: 1600m²

2. Mặt mạnh

- Trường có đầy đủ các phòng học, giảng đường, phòng hội thảo, thư viện, hội trường, máy tính, bàn ghế và thiết bị bên trong đáp ứng yêu cầu công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

- Thường xuyên đổi mới trang thiết bị học tập nhằm đáp ứng cao nhất nhu cầu học tập và giảng dạy.

3. Tồn tại

Do chưa hoàn tất thủ tục giải phóng mặt bằng nên công tác xây dựng hệ thống các phòng học, giảng đường chưa đồng bộ như kế hoạch đã được phê duyệt, hiện vẫn đang tiến hành xây dựng các công trình tạm đáp ứng trước mắt nhu cầu đào tạo trước mắt.

4. Kế hoạch hành động

<i>TT</i>	<i>Mục tiêu</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Đơn vị thực hiện</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Khắc phục tồn tại	- Hoàn thành sớm việc giải phóng mặt bằng để có thể xây dựng hệ thống giảng đường, phòng học đồng bộ, đạt chuẩn	HĐQT Ban giám hiệu	Từ 2016	
2	Phát huy điểm mạnh	- Đảm bảo chất lượng giảng đường, phòng học, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập tại nhà trường	- Phòng HCQT	- Thường xuyên	

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 9.8: Có quy hoạch tổng thể về sử dụng & phát triển cơ sở vật chất trong kế hoạch chiến lược của trường

1. Mô tả

Hiện nhà trường có 02 cơ sở đào tạo với tổng diện tích đất 11,32ha. Trong đó:

- Tổng diện tích phòng học, giảng đường là 11.431 m² với 110 phòng học đáp ứng yêu cầu đào tạo, học tập của sinh viên, học viên. 4 phòng học máy tính với diện tích 776m²; 26 phòng học ngoại ngữ với diện tích 780m² (H9.9.2.1).

- Phòng làm việc, khu hành chính, hiệu bộ với diện tích sàn phục vụ công việc: 3.820m², quy mô trung bình: 10 m²/người

- Nhà trường đã đưa vào sử dụng diện tích Hội trường: 1.187m²; 02 phòng thư viện với diện tích 340m²; 7 phòng thí nghiệm với diện tích 224 m²; 2 phòng thực hành có diện tích: 286 m²; (H9.9.2.1).

Hiện tại, nhà trường đã báo cáo lên các cơ quan chính quyền và được phép tiến hành xây dựng các công trình tạm (do chưa nhận bàn giao đủ diện tích của dự án nên việc bố trí các hạng mục được phê duyệt: Ký túc xá, nhà nghiên cứu, khu thể chất, khu giảng đường... theo quy hoạch chưa được thực hiện).

+ 01 xưởng thực hành gồm 9 phòng học với diện tích: 801 m² (H9.9.2.1).

- Tại mỗi cơ sở đều có khu dịch vụ ăn uống phục vụ cán bộ, giảng viên và sinh viên với tổng diện tích: 1260m²

Nhà tập đa năng với diện tích: 1160m²; khu sân thể thao: 5000m² (H9.9.2.1).

Nhà trường đầu tư tại cơ sở chính khuôn viên với nhiều hạng mục vườn hoa, cây xanh tạo không gian thoáng mát, xanh – sạch – đẹp phục vụ cho các hoạt động ngoài trời cho sinh viên, cán bộ, giảng viên.

- Khu công trình kỹ thuật được bố trí, xây dựng khoa học trong khuôn viên nhà trường. Diện tích trạm bơm là 31m², bể nước khoảng 95m² đất. (H9.9.2.1).

Nhà xe được xây dựng kiên cố với diện tích: 1600m²

Nhằm xây dựng Trường Đại học Đại Nam thành trường trọng điểm quốc gia về đào

Dựa trên chiến lược phát triển của Trường, các kế hoạch phát triển cơ sở vật

chất được lập theo kế hoạch ngắn hạn và dài hạn (H9.9.8.1) và tình hình thực hiện. Hàng năm, Trường đều có báo cáo điều chỉnh kế hoạch sử dụng cơ sở vật chất để nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý, giảng dạy và nghiên cứu khoa học cũng như các hoạt động chung.

Để đảm bảo tốt nhất môi trường làm việc và môi trường đào tạo, nhà trường đang tiến hành triển khai lập phương án xây dựng khu nhà học 9 tầng thứ 2, diện tích mặt sàn ước tính 12.000m². Để có phương án xây dựng tối ưu, ban Lãnh đạo nhà trường thường xuyên tiến hành các cuộc họp để lấy ý kiến đóng góp từ phía lãnh đạo các đơn vị trong toàn trường (H9.9.6.3).

2. Mặt mạnh

Trường đã có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất được khai thác đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của nhà trường.

3. Tồn tại

Chưa xây dựng được quy hoạch tổng thể dài hạn về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất.

4. Kế hoạch hành động

<i>TT</i>	<i>Mục tiêu</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Đơn vị thực hiện</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Khắc phục tồn tại	- Hoàn thành sớm việc giải phòng mặt bằng để có thể xây dựng khu nhà học 9 tầng thứ 2 và các cơ sở vật chất cần thiết khác theo kế hoạch	HĐQT Ban giám hiệu	Từ 2016	
2	Phát huy điểm mạnh	- Lập kế hoạch chi tiết, cụ thể trong quy hoạch sử dụng & phát triển cơ sở vật chất trong kế hoạch chiến lược của trường	- Phòng HCQT	- Thường xuyên	

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 9.9: Có các biện pháp hữu hiệu bảo vệ tài sản, trật tự & an toàn cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học

1. Mô tả

Tổ bảo vệ của Trường được thành lập với chức năng, nhiệm vụ chính là đảm bảo trật tự, an ninh cho cán bộ giảng viên, học viên và bảo vệ tài sản chung của nhà trường (H9.9.9.1). Tổ bảo vệ gồm 6 nhân viên, tuổi đời trung bình 40 (H9.9.9.2). Đội ngũ nhân viên bảo vệ của Trường được cấp phát trang phục, các công cụ phục vụ chuyên môn (H9.9.9.3). Đội ngũ bảo vệ được cử đi tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn như nghiệp vụ bảo vệ (Công An Hà Nội-PA 25), phòng cháy chữa cháy, tự vệ (Quận Đội) ... (H9.9.9.4).

Trường luôn bố trí cán bộ trực 24/24 giờ trong ngày tại 2 cổng ở cơ sở 1, đáp ứng đúng các quy định và yêu cầu an toàn, an ninh của Trường và của công an thành phố Hà Nội (H9.9.9.5).

Mặt khác, Trường đã đầu tư trang thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định tại cơ sở 1 và các cơ sở 2. Trong các năm qua, Trường không có hiện tượng mất an ninh trật tự và không để xảy ra cháy nổ. Đội ngũ nhân viên bảo vệ là lực lượng nòng cốt của đội phòng cháy chữa cháy của Trường.

2. Mặt mạnh

Trường quan tâm đúng mức đối với công tác an ninh, trật tự thông qua việc trang bị các thiết bị cần thiết phục vụ chuyên môn và cử cán bộ đi tham gia các lớp tập huấn, phối hợp chặt chẽ với công an Phường, Quận và Thành phố trong việc giữ gìn trật tự an ninh nhà trường và khu vực.

Đội ngũ cán bộ phần lớn có nghiệp vụ, tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình trong công việc, không quản khó khăn, gian khổ trong công tác.

3. Tồn tại

Thiếu các trang thiết bị hiện đại phục vụ công tác bảo vệ như bộ đàm, hệ thống báo động, camera quan sát...

4. Kế hoạch hành động

<i>TT</i>	<i>Mục tiêu</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Đơn vị thực hiện</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Khắc phục tồn tại	- Đầu tư trang thiết bị hiện đại như máy quay camera, bộ đàm, hệ thống báo động... phục vụ công tác bảo vệ, phòng cháy chữa cháy tại cơ sở 1 và 2.	HDQT Ban giám hiệu Phòng HCQT	Từ 2017	
2	Phát huy điểm mạnh	- Đảm bảo chất lượng giảng đường, phòng học, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập tại nhà trường	- Phòng HCQT	- Thường xuyên	

5. Tự đánh giá: Đạt.

KẾT LUẬN

Trong những năm qua, trường Đại học Đại Nam đã nỗ lực đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, hệ thống phòng học, sách báo tài liệu để phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên và sinh viên. Đến nay, hệ thống cơ sở vật chất nhà trường đã cơ bản đáp ứng được các yêu cầu về nghiên cứu, giảng dạy, học tập và hoạt động. Số lượng sách tham khảo trong thư viện đáp ứng đủ theo yêu cầu trong danh mục tài liệu của CTĐT; các tài liệu được cập nhật thường xuyên. Trong thời gian tới, trường sẽ nhanh chóng triển khai ứng dụng hệ thống phần mềm để tăng cường khả năng quản lý, tiếp tục nâng cao chất lượng và mở rộng hệ thống cơ sở vật chất theo kế hoạch đề ra.

Kết quả: 9/9 tiêu chí đạt

TIÊU CHUẨN 10: TÀI CHÍNH VÀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Tài chính và quản lý tài chính đóng một vai trò quan trọng đối với sự phát triển của nhà trường. Trường Đại học Đại Nam là một trường tư thục và công tác tài chính luôn tuân thủ các chế độ, quy định của Nhà nước (thể hiện qua biên bản kiểm toán, biên bản kiểm tra phê duyệt quyết toán của Bộ Giáo dục và đào tạo).

Nguồn tài chính của Trường chủ yếu từ học phí của sinh viên. Đồng thời, trường cũng đã dành một phần kinh phí từ khoảng 4% cho hoạt động nghiên cứu khoa học, biên soạn giáo trình nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo của trường, đặc biệt là giáo trình điện tử. Ngoài ra, nguồn kinh phí thu sự nghiệp hàng năm còn được trường chú trọng đầu tư sửa chữa, mua sắm tài sản góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý đào tạo.

Kế hoạch tài chính được phân bổ theo các chỉ tiêu rõ ràng, mục đích cụ thể và gia tăng đầu tư cho các nhiệm vụ trọng tâm thông qua các chỉ tiêu tài chính. Kế hoạch tài chính hàng năm được Hội đồng Quản trị phê duyệt.

Tiêu chí 10.1 Có những giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính, tạo được nguồn tài chính hợp pháp và đáp ứng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của trường đại học

1. Mô tả

Căn cứ trên định hướng và kế hoạch tuyển sinh, Nhà trường có chiến lược, kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp thể hiện qua chiến lược, kế hoạch phát triển nguồn thu của nhà trường (H10.10.1.1). Các nguồn tài chính của Trường được nêu rõ trong Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm, chủ yếu gồm:

- Học phí: Các khoản thu học phí theo quy định của nhà trường.

- Các loại phí khác: Phí ký túc xá, cơ sở vật chất, các khoản thu gắn với hoạt động đơn vị (khai thác cơ sở vật chất, các hợp đồng NCKH...), được thực hiện theo đúng Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường (H10.10.1.2).

- Kinh phí thu được từ hoạt động dịch vụ hoạt động bãi xe (H10.10.1.3).

Công tác tài chính của nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc thu các nguồn tài chính theo kết luận của kiểm toán nhà nước (H10.10.1.4)

Có chiến lược, kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tăng các nguồn thu được ban hành, triển khai và rà soát, đánh giá;

Nhà trường định kỳ rà soát, đánh giá cơ cấu nguồn thu của 5 năm (theo từng năm) (H10.10.1.5), (H10.10.1.6). Trường đã thực hiện phân cấp quản lý nhằm tăng cường mở rộng các nguồn thu hợp pháp, dự toán chi tiết các khoản chi, đảm bảo chi hợp lý, cân đối thu chi, tự chủ về mặt tài chính; đáp ứng yêu cầu công tác đào tạo (H10.10.1.7), nghiên cứu khoa học, đầu tư mua sắm tài sản, tăng cường cơ sở vật chất và các hoạt động khác (H10.10.1.8).

2. Mặt mạnh

Các nguồn thu của Trường là những nguồn thu hợp pháp và được sử dụng một cách hiệu quả.

Các nguồn thu đều được hạch toán theo đúng quy định của Nhà nước và định kỳ được kiểm toán Nhà nước.

Trường đã và đang tự chủ về tài chính.

3. Tồn tại

Chưa khai thác các nguồn thu từ nghiên cứu khoa học, kinh phí dự án và tài trợ của nước ngoài.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2015-2016, triển khai nhiều hình thức hỗ trợ khác nhau cho các Khoa chuyên môn, các đơn vị và cá nhân nhằm chủ động khai thác nguồn thu từ các đề tài NCKH, các dự án, đặc biệt là các đề tài, dự án có tính chất mũi nhọn, trọng điểm của Nhà nước, của Bộ, Ngành mang ý nghĩa thực tiễn, gắn liền với yêu cầu xã hội.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 10.2: Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính trong trường đại học được chuẩn hoá, công khai hoá, minh học và theo quy định

1. Mô tả

Trên cơ sở phân cấp quản lý, kế hoạch tài chính của Trường được chuẩn hóa công khai minh bạch theo quy trình: cuối mỗi năm, các Khoa và phòng ban lập dự toán năm sau của đơn vị mình, trên cơ sở đó Phòng Tài chính – Kế toán tổng hợp cân đối và lên kế hoạch chung của Trường. Nhà trường có các quy trình, biểu mẫu, phần mềm chuẩn hóa trong công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính (H10.10.2.1).

Kế hoạch tài chính được phân bổ theo các chỉ tiêu rõ ràng với mục đích ổn định và gia tăng cho đầu tư cho các nhiệm vụ trọng tâm: hoạt động đào tạo (chi trả cho nghiệp vụ chuyên môn; chi trả thu nhập của người lao động...); mua sắm trang thiết bị và xây dựng cơ sở vật chất phục vụ dạy và học; nghiên cứu khoa học (H10.10.2.1), (H10.10.2.2), (H10.10.2.3).

Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính trong trường đại học được chuẩn hoá theo đúng Luật tài chính và các quy định về tài chính; quy định về kế toán và kiểm toán; Luật ngân sách, Luật đấu thầu,...;

Về công tác quản lý tài chính, Trường Đại học Đại Nam đã được giao quyền tự chủ theo hình thức đơn vị sự nghiệp có thu, tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên (H10.10.2.4). Nhằm đảm bảo công tác quản lý tài chính được chuẩn hóa, công khai, minh bạch theo đúng quy định, Trường đã ban hành và xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ (H10.10.2.4), thu học phí sinh viên qua ngân hàng; chi trả lương cho cán bộ giáo viên qua hệ thống ATM; trả tiền giảng dạy cho cán bộ thỉnh giảng qua ATM và chuyển tiền học phí qua tài khoản ngân hàng của Trường đối với tất cả Trung tâm liên kết đào tạo (H10.10.2.5). Trường cũng đã áp dụng phần mềm quản lý tài chính thống nhất trong toàn Trường (H10.10.2.6). Hàng năm, Trường đều tiến hành tự kiểm tra công tác tài chính và thông qua báo cáo tài chính của Trường tại Hội nghị công nhân viên chức (H10.10.2.7).

Công tác lập dự toán thu-chi hàng năm căn cứ trên đề xuất của các đơn vị, yêu cầu và nhiệm vụ trọng tâm của trường;

Nhìn chung, công tác lập kế hoạch tài chính, quản lý tài chính của Trường được chuẩn hóa, công khai, minh bạch và theo quy định.

2. Mặt mạnh

Kế hoạch tài chính được xây dựng trên cơ sở yêu cầu hoạt động thực tiễn cũng như chiến lược phát triển của Trường.

Công tác lập kế hoạch và quản lý tài chính được chuẩn hóa, công khai, minh bạch theo đúng quy định.

3. Tồn tại

Một vài chỉ tiêu kế hoạch tài chính hàng năm cho các hoạt động chưa sát với thực tế.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2015-2016, việc xây dựng kế hoạch tài chính, ngoài sự tuân thủ quy trình đã được thống nhất, Trường tiến hành phân tích, đánh giá chi tiết và khách quan kế hoạch tài chính năm học 2015-2016; tham khảo ý kiến đánh giá của các đơn vị cơ sở nhằm tìm nguyên nhân hạn chế và thành công để khắc phục và phát huy.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 10.3: Đảm bảo sự phân bổ, sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả cho các bộ phận và các hoạt động của trường đại học.

1. Mô tả

Trường đã xây dựng và ban hành Quy chế thu chi nội bộ trên cơ sở các quy định của Nhà nước, thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính cũng như nguyên tắc

phân bổ kinh phí đảm bảo chi đúng, hợp lý, minh bạch, rõ ràng đối với mọi hoạt động (H10.10.3.1).

Tỷ lệ phân bổ kinh phí hàng năm cho đào tạo đại học (chính quy, tại chức, văn bằng 2, liên thông), cao đẳng, trung cấp, nghiên cứu khoa học cũng như chi hỗ trợ đào tạo (Bảng 10.3) nhất quán và luôn chiếm tỷ trọng lớn, thể hiện rõ chính sách của Trường trong việc tập trung nguồn lực tài chính nhằm phát triển công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Việc quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Trường hợp lý đã góp phần làm tốt công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học; biên soạn mới, biên soạn lại giáo trình...; xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy- học-nghiên cứu; công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ giảng viên và phù hợp với chiến lược phát triển của Trường.

Bên cạnh đó, hàng năm Trường thường xuyên tổ chức tự kiểm tra tài chính (H10.10.3.2), đánh giá thực hiện kế hoạch tài chính, so sánh công tác tài chính giữa kế hoạch và thực hiện, giữa các bộ phận để đánh giá những ưu điểm, những tồn tại và đưa ra phương hướng để khắc phục những tồn tại đó (H10.10.3.3). Hiện nay, Trường đã và đang xây dựng hệ thống các biểu mẫu tài chính thống nhất để công tác quản lý tài chính được thuận tiện và hiệu quả hơn. Nhìn chung, các nguồn kinh phí đều được phân bổ sử dụng hợp lý, đúng mục đích, minh bạch, có hiệu quả, đúng quy định của Nhà nước được thể hiện ở Biên bản kiểm toán Nhà nước năm 2007, Biên bản kiểm tra và thông báo duyệt quyết toán hàng năm của Bộ Giáo dục và đào tạo (H10.10.3.4).

2. Những điểm mạnh

Các nguồn kinh phí được sử dụng tương đối hợp lý, phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

Kinh phí hàng năm của Trường được phân bổ vào các hoạt động trọng điểm của trường đúng mục đích, kế hoạch, được sử dụng tương đối hợp lý, không vi phạm các quy định về sử dụng kinh phí.

3. Những điểm tồn tại

Chưa thực hiện công tác kiểm toán nội bộ hàng năm.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2015-2016, thực hiện tổ chức công tác kiểm toán nội bộ nhằm đảm bảo việc phân bổ chi phí và sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả hơn nữa.

5. Tự đánh giá: Đạt

KẾT LUẬN

Nhà trường đã có những giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính, tạo được nguồn tài chính hợp pháp và đáp ứng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của trường đại học. Việc lập kế hoạch và phân bổ tài chính cho các bộ phận trong trường được chuẩn hóa và minh bạch, đúng quy định. Tuy nhiên, trường chưa khai thác các nguồn thu từ nghiên cứu khoa học, kinh phí dự án và tài trợ của nước ngoài trường. Ngoài ra, trường cũng chưa thực hiện công tác kiểm toán nội bộ hàng năm. Trong thời gian tới, trường sẽ nỗ lực triển khai nhiều hình thức hỗ trợ khác nhau cho các Khoa chuyên môn, các đơn vị và cá nhân nhằm chủ động khai thác nguồn thu từ các đề tài NCKH, các dự án. Ngoài ra, trường cũng sẽ thực hiện tổ chức công tác kiểm toán nội bộ nhằm đảm bảo việc phân bổ chi phí và sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả hơn nữa.

Kết quả: 3/3 tiêu chí đạt

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Mục đích tự đánh giá

Nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo và để đăng ký kiểm định chất lượng.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của nhà trường theo các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trong một chu kỳ kiểm định chất lượng.

3. Hội đồng tự đánh giá

3.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá được thành lập theo Quyết định số 68/QĐ-ĐN ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đại Nam Hội đồng gồm có 22 thành viên (danh sách kèm theo).

3.2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách (danh sách kèm theo)

3.3. Phân công thực hiện

STT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu của Trường Đại học Đại Nam	Nhóm chuyên trách 1	02/2016 – 12/2016	
2	Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý	Nhóm chuyên trách 3	02/2016 – 12/2016	
3	Tiêu chuẩn 3: Chương trình	Nhóm chuyên trách 2	02/2016 – 12/2016	

STT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
	đào tạo			
4	Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo	Nhóm chuyên trách 2	02/2016 – 12/2016	
5	Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên	Nhóm chuyên trách 3	02/2016 – 12/2016	
6	Tiêu chuẩn 6: Người học	Nhóm chuyên trách 4	02/2016 – 12/2016	
7	Tiêu chuẩn 7: NCKH, ứng dụng và chuyển giao công nghệ	Nhóm chuyên trách 5	02/2016 – 12/2016	
8	Tiêu chuẩn 8: Hoạt động hợp tác quốc tế	Nhóm chuyên trách 5	02/2016 – 12/2016	
9	Tiêu chuẩn 9: Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác	Nhóm chuyên trách 6	02/2016 – 12/2016	
10	Tiêu chuẩn 10: Tài chính và quản lý tài chính	Nhóm chuyên trách 6	02/2016 – 12/2016	

4. Kế hoạch huy động các nguồn lực

Xác định các nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và tài chính cần huy động hoặc cung cấp cho từng hoạt động tự đánh giá, thời gian cần được cung cấp.

STT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian cần huy động	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu của Trường Đại học Đại Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Xem xét và đánh giá Điều chỉnh sứ mạng, mục tiêu của trường (nếu cần cần thiết). - Thu thập và phân tích minh chứng 	Hội đồng Quản trị, Ban Giám Hiệu, Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn TN, Nhóm công tác chuyên trách số 1, phòng: KH-TC, HCQT, ĐT, KT-ĐBCLGD.	02/2016 – 08/2016	Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học.
2	Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý	<ul style="list-style-type: none"> - Lấy ý kiến đánh giá của cán bộ giảng viên đối với cán bộ quản lý, công tác quản lý, công tác đoàn thể. - Thu thập và phân tích minh chứng 	Phòng HCQT, KH-TC KT-ĐBCLGD	02/2016 – 06/2016	Tổ chức và quản lý; Đội ngũ CB quản lý, GV và NV.
3	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Lấy ý kiến phản hồi về chương trình đào tạo của các bên liên quan (nhà tuyển dụng lao động, cựu sinh viên). - Tổng hợp ý kiến đánh giá 	Phòng CTHSSV, Đào tạo, HCQT, KH-TC, các khoa, KT-ĐBCLGD, Đoàn TN, Hội SV	02/2016 – 12/2016	Chương trình đào tạo; Hoạt động đào tạo.

STT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian cần huy động	Ghi chú
		<p>xây dựng và sửa đổi chương trình đào tạo của chuyên gia.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lấy ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng về sự hài lòng đối với SV tốt nghiệp. - Lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về mức độ đáp ứng công việc của chương trình đào tạo. - Phiếu hỏi, dữ liệu, phân tích đánh giá nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. - Làm bảng so sánh CTĐT với quy định của bộ, các trường trong nước và quốc tế. Bảng so sánh các phiên bản khác nhau của CTĐT 			

STT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian cần huy động	Ghi chú
		- Thu thập và phân tích minh chứng			
4	Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo	<p>- Lấy ý kiến phản hồi về chương trình đào tạo của các bên liên quan (nhà tuyển dụng lao động, cựu sinh viên) nhằm điều chỉnh chương trình đào tạo.</p> <p>- Tiếp tục tổ chức các chương trình bồi dưỡng phương pháp dạy – học tích cực trong trường.</p> <p>- Thu thập và phân tích minh chứng</p>	Phòng CTHSSV, Đào tạo, HCQT, KH-TC, các khoa, KT-ĐBCLGD, Đoàn TN, Hội SV	02/2016 – 12/2016	
5	Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên	- Khảo sát ý kiến của cán bộ, giảng viên và sinh viên về các hoạt động hỗ trợ dạy học.	Phòng HCQT, KT-TC, KT-ĐBCLGD	02/2016 – 08/2016	

STT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian cần huy động	Ghi chú
		<ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp đánh giá quá trình công tác của cán bộ quản lý - Thu thập và phân tích minh chứng 			
6	Tiêu chuẩn 6: Người học	<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát ý kiến người học về các hoạt động hỗ trợ học tập và sinh hoạt của người học. - Khảo sát người học về khả năng tìm việc làm và tự tạo việc làm sau tốt nghiệp. - Cập nhật sổ tay sinh viên mới. - Tổ chức chương trình Bản đồ thành công - Thu thập và phân tích minh chứng 	Phòng CTHSSV, TC-KT, KT-ĐBCLGD, các khoa.	02/2016 – 08/2016	Người học.

STT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian cần huy động	Ghi chú
7	Tiêu chuẩn 7: NCKH, ứng dụng và chuyển giao công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch phát triển khoa học công nghệ trung hạn và dài hạn - Thống kê chỉ số tác động với cộng đồng học thuật của các bài báo khoa học - Thu thập và phân tích minh chứng 	<ul style="list-style-type: none"> Hội đồng quản trị Ban Giám hiệu Phòng NCKH&HTQT 	02/2016 – 08/2016	NCKH, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ; Hoạt động hợp tác quốc tế.
8	Tiêu chuẩn 8: Hoạt động hợp tác quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hội thảo quốc tế AP16 Vietnam - Thu thập và phân tích minh chứng 	<ul style="list-style-type: none"> Hội đồng quản trị Ban Giám hiệu Các Khoa Phòng HCQT Phòng ĐT Phòng NCKH&HTQT 	02/2016 – 08/2016	NCKH, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ; Hoạt động hợp tác quốc tế.
9	Tiêu chuẩn 9: Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác	<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát ý kiến của độc giả về nhu cầu sách, báo, tài liệu học tập và chất lượng phục vụ 	<ul style="list-style-type: none"> Phòng HCQT, TTTTTL, KH-TC, KT-ĐBCLGD, các khoa. 	02/2016 – 08/2016	Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ

STT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian cần huy động	Ghi chú
		của thư viện. - Khảo sát mức độ hài lòng của người sử dụng (GV, SV) về các trang thiết bị phục vụ nhu cầu học tập giảng dạy và NCKH. - Cập nhật học liệu mới cho thư viện			sở vật chất khác.
10	Tiêu chuẩn 10: Tài chính và quản lý tài chính	- Chiến lược, kế hoạch phát triển nguồn thu - Thu thập và phân tích minh chứng	Hội đồng quản trị Ban Giám hiệu Phòng TC-KT	02/2016 – 08/2016	Tài chính và quản lý tài chính.

5. Công cụ đánh giá

Sử dụng Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường Đại học ban hành kèm theo Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 37/2012/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu hướng dẫn khác.

6. Kế hoạch thu thập thông tin ở ngoài nhà trường

Xác định các thông tin cần thu thập từ bên ngoài: Nhằm thu thập ý kiến đóng góp của cựu sinh viên để biết tình hình việc làm của sinh viên sau khi

tốt nghiệp và để đánh giá đúng mức độ thích ứng của chương trình đào tạo với nhu cầu của thị trường lao động, qua đó nâng cao chất lượng đào tạo của chương trình,

Nguồn cung cấp: Cựu sinh viên

Thời gian cần thu thập: Tháng 08/2016

Kinh phí cần có:

TT	Khoa	Số lượng cựu sinh viên khảo sát	Kinh phí (2.000 VND/sv)
1.	Tài chính ngân hàng	2000	4.000.000
2.	Quản trị Kinh doanh	400	800.000
3.	Kế toán	1000	1.000.000
4.	Quan hệ Công chúng – Truyền thông	50	100.000
5.	Ngoại ngữ	200	400.000
6.	Công nghệ thông tin	400	800.000
7.	Xây dựng – Kiến trúc	100	200.000
	Tổng cộng		7.300.000

7. Kế hoạch thuê chuyên gia từ bên ngoài (nếu cần)

Xác định những lĩnh vực cần thuê chuyên gia, mục đích thuê chuyên gia, vai trò của chuyên gia, số lượng chuyên gia, thời gian cần thuê.

8. Thời gian biểu

Thời gian thực hiện tự đánh giá khoảng 6 tháng, có thể tham khảo lịch trình sau:

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 1 - 2	<ul style="list-style-type: none"> • Họp Lãnh đạo nhà trường để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên Hội đồng tự đánh giá; • Ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá;

Thời gian	Các hoạt động
	<ul style="list-style-type: none"> • Họp Hội đồng tự đánh giá để: <ul style="list-style-type: none"> - Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; - Thảo luận và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; - Phân công dự thảo kế hoạch tự đánh giá; - Dự kiến các nhóm công tác chuyên trách để giúp các thành viên Hội đồng thực hiện các nhiệm vụ được giao. • Tiến hành dự thảo kế hoạch tự đánh giá.
Tuần 3 - 4	<ul style="list-style-type: none"> • Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, giáo viên, nhân viên và người học (thông qua các khoa, phòng, ban...); • Tổ chức Hội thảo về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các thành viên của Hội đồng tự đánh giá, các cán bộ chủ chốt của nhà trường, khoa, phòng, ban... (do cán bộ của trường tham gia khoá tập huấn về tự đánh giá hoặc phối hợp với chuyên gia từ bên ngoài để tổ chức Hội thảo); • Hoàn thành bản dự thảo kế hoạch tự đánh giá.
Tuần 5	<p>Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng.</p>
Tuần 6 - 12	<ul style="list-style-type: none"> • Chuẩn bị đề cương báo cáo tự đánh giá; • Thu thập thông tin và minh chứng; • Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được; • Mô tả thông tin và minh chứng thu được; • Phân tích, lý giải các kết quả đạt được;
Tuần 13	<p>Họp Hội đồng tự đánh giá để:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; • Xác định nhu cầu thu thập thông tin bổ sung; • Điều chỉnh đề cương báo cáo tự đánh giá và xây dựng đề cương chi tiết.
Tuần 14	<ul style="list-style-type: none"> • Thu thập, xử lý thông tin bổ sung (nếu cần thiết) • Họp Hội đồng tự đánh giá để thông qua đề cương chi tiết báo cáo tự đánh giá
Tuần 15 -	<ul style="list-style-type: none"> • Thu thập thông tin bổ sung (nếu cần thiết);

Thời gian	Các hoạt động
17	<ul style="list-style-type: none"> • Các cuộc họp bổ sung (nếu cần thiết); • Dự thảo báo cáo tự đánh giá; • Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá.
Tuần 18 - 19	<ul style="list-style-type: none"> • Hội đồng tự đánh giá họp với các khoa, bộ môn, phòng, ban... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.
Tuần 20 - 21	<ul style="list-style-type: none"> • Họp Hội đồng tự đánh giá để thông qua bản báo cáo tự đánh giá đã sửa chữa; • Công bố báo cáo tự đánh giá trong nội bộ nhà trường và thu thập các ý kiến đóng góp.
Tuần 22	Xử lý các ý kiến đóng góp và hoàn thiện bản báo cáo tự đánh giá
Tuần 23	Công bố bản báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện (trong nội bộ nhà trường)
Tuần 24	<ul style="list-style-type: none"> • Tập hợp các ý kiến đóng góp cho quy trình tự đánh giá, các biểu mẫu và các phần khác của tài liệu hướng dẫn; • Lưu trữ bản báo cáo tự đánh giá; • Gửi các file báo cáo về Cục KTKĐCLGD.

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

Mã trường: DDN

Tên trường: Trường Đại học Đại Nam

Khối ngành:

Ngày hoàn thành tự đánh giá:



Các mức đánh giá: Đ: Đạt; C: Chưa đạt; KĐG: Không đánh giá

Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu của Trường Đại học Đại Nam			
1	Đ		
2	Đ		
Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý			
1	Đ		
2	Đ		
3	Đ		
4	Đ		
5	Đ		
6	Đ		
7	Đ		
Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo			
1	Đ		
2	Đ		
3	Đ		
4	Đ		
5	Đ		
6	Đ		

6	Đ		
7	Đ		
8	Đ		
Tiêu chuẩn 6: Người học			
1	Đ		
2	Đ		
3	Đ		
4	Đ		
5	Đ		
6	Đ		
7	Đ		
8	Đ		
9	Đ		
Tiêu chuẩn 7: NCKH, ứng dụng và chuyển giao công nghệ			
1	Đ		
2	Đ		
3	Đ		
4	Đ		
5	Đ		
6	Đ		
7	Đ		
Tiêu chuẩn 8: Hoạt động hợp tác quốc tế			

Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo			
1	Đ		
2	Đ		
3	Đ		
4	Đ		
5	Đ		
6	Đ		
7	C		
Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên			
1	Đ		
2	Đ		
3	Đ		
4	Đ		
5	Đ		

1	Đ		
2	Đ		
3	Đ		
Tiêu chuẩn 9: Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác			
1	Đ		
2	Đ		
3	Đ		
4	Đ		
5	Đ		
6	Đ		
7	Đ		
8	Đ		
9	Đ		
Tiêu chuẩn 10: Tài chính và quản lý tài chính			
1	Đ		
2	Đ		
3	Đ		

Tổng hợp:

- Số tiêu chuẩn có ít nhất 1 tiêu chí đạt: 10; Số tiêu chí đạt: 61 (chiếm 98,4 %);
- Số tiêu chí chưa đạt: 1 (chiếm 1,6 %); Số tiêu chí không đánh giá: 0 (chiếm 0 %).

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2016
HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. PHAN TRỌNG PHÚC

CƠ SỞ DỮ LIỆU

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Thời điểm báo cáo: tính đến ngày 01/12 /2016

I. Thông tin chung của nhà trường

1. Tên trường (theo quyết định thành lập): Trường Đại học Đại Nam
Tiếng Việt: Trường Đại học Đại Nam
Tiếng Anh: Dai Nam University
2. Tên viết tắt của trường: DNU
Tiếng Việt: Đại học Đại Nam
Tiếng Anh: DNU
3. Tên trước đây (nếu có):
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Giáo dục & Đào tạo
5. Địa chỉ trường:
 - Cơ sở chính: Số 1, Phố Xóm – Phường Phú Lãm, Quận Hà Đông, Hà Nội
 - Cơ sở số 1: 56 Vũ Trọng Phụng, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: (04) 35577799 Số fax: (04) 35578759
E-mail: dnudainam.edu.vn Website: <http://dainam.edu.vn>
7. Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập): Trường Đại học Đại Nam được thành lập ngày 14/11/2007 theo Quyết định số 1535/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ.
8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 2008
9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 2012
10. Loại hình trường đào tạo:
Công lập Bán công Dân lập Tư thục
Loại hình khác (đề nghị ghi rõ):

II. Giới thiệu khái quát về nhà trường

11. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của trường:

Trường Đại học Đại Nam được thành lập theo Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 14/11/2007 của Thủ tướng chính phủ. Trường là một cơ sở Giáo dục đại học nằm trong hệ thống Giáo dục quốc dân do Bộ Giáo dục và Đào tạo trực tiếp quản lý. Ngay từ ngày thành lập, Trường Đại học Đại Nam đã đề ra mục tiêu trở thành một trong những Trường đại học có uy tín trong nước và quốc tế về “Chất lượng đào tạo, đổi mới và phục vụ”.

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Nhà trường nguyên là các nhà giáo của các Trường đại học và các chủ doanh nghiệp trong nước. Đứng đầu là chủ tịch HĐQT - Tiến sỹ Lê Đắc Sơn - nguyên giảng viên Đại học Bách khoa Hà nội (1979-1989), Cựu Nghiên cứu sinh ở Châu Âu (1989-2000), nguyên Tổng giám đốc Ngân hàng VPBank (2001-2009) . Trường có sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao trong các lĩnh vực Kinh tế; Kỹ thuật- Công nghệ; Y Dược; Khoa học Xã hội- Nhân văn và Ngoại ngữ phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

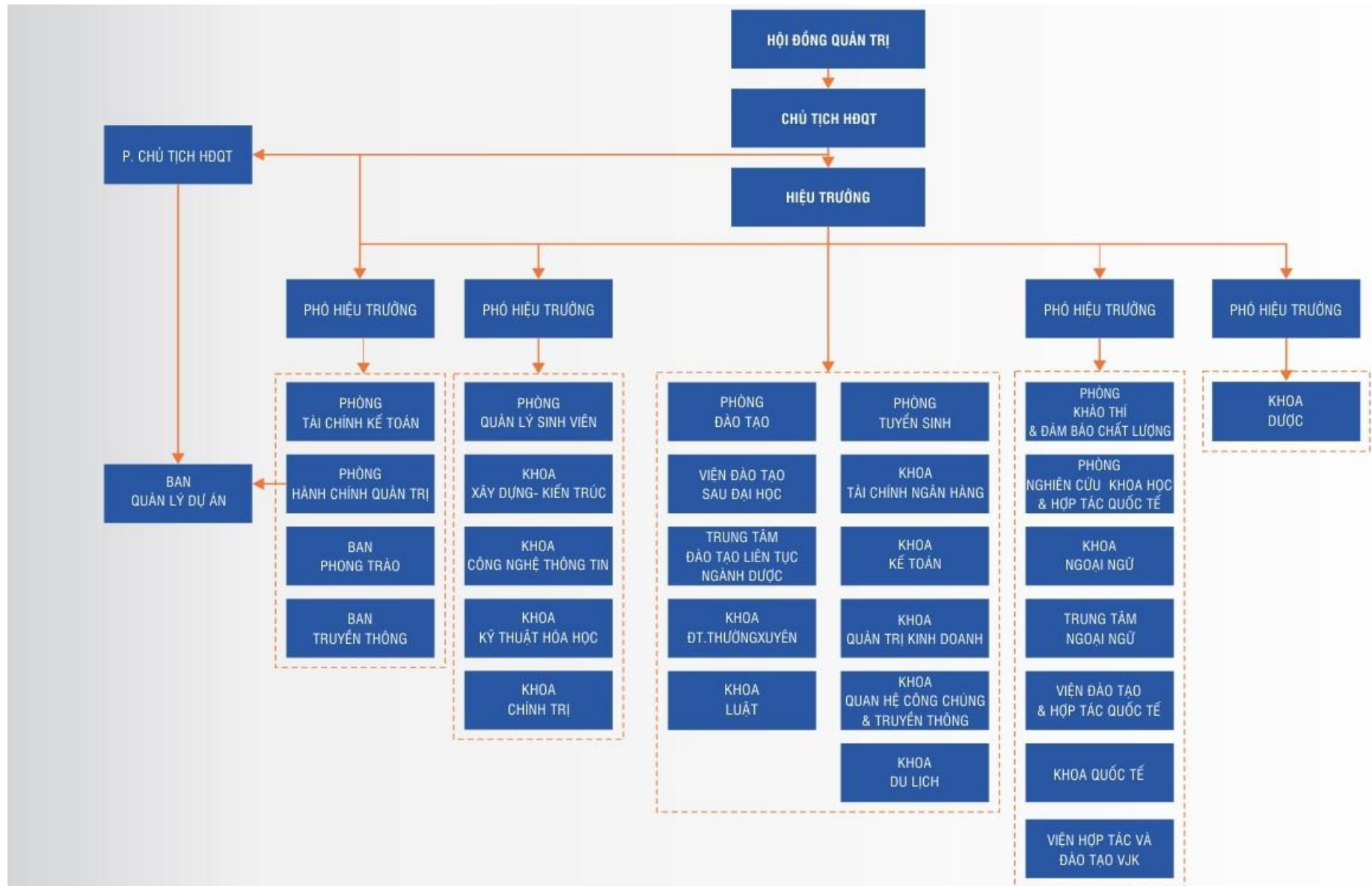
Trong những ngày đầu thành lập (2007) Trường có 220 sinh viên hệ Đại học chính quy. Chỉ sau 2 năm thành lập, năm 2010 có 3000 sinh viên, đến năm 2015 là hơn 10.000 sinh viên đã và đang theo học tại trường hệ chính quy với 14 ngành đào tạo Đại học: Tài chính- ngân hàng; Kế toán- Kiểm toán; Quản trị kinh doanh; Luật kinh tế; Quan hệ công chúng- Truyền thông (PR); Công nghệ thông tin; Kỹ sư xây dựng; Kiến trúc; Kỹ thuật Hóa học; Dược sỹ Đại học; Tiếng Anh, Du lịch. Ba ngành đào tạo cao học cấp độ Thạc sỹ : Tài chính – Ngân hàng; Kế toán – kiểm toán, Quản lý Kinh tế.

Trường Đại học Đại Nam xây dựng các Trung tâm thực hành nhằm tạo điều kiện để sinh viên rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp ngay từ khi còn ngồi trên ghế Nhà trường. Phương châm “Học đi đôi với hành”, “Lý luận gắn liền với thực tế” đã phát huy kết quả tốt. Năm 2015 Trường đã có 5 khóa sinh viên tốt nghiệp ra trường với hơn 5000 sinh viên của các ngành đào tạo. Hầu hết các sinh viên ra trường đã có việc làm.

Cho đến nay, Trường có 15 Khoa; 12 Phòng, Ban, Trung tâm, Viện; 14 ngành đào tạo; với 295 cán bộ giảng dạy gồm các giáo sư, phó giáo sư, tiến sỹ và thạc sỹ có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, nhiều người được đào tạo từ nước ngoài như Mỹ, Anh, Australia, Singapore, v.v. và gần 7000 sinh viên đang theo học các hệ. Trường đang nỗ lực chuẩn bị mọi điều kiện để đào tạo trình độ Thạc sỹ các ngành : Tiếng Anh; Kỹ thuật Xây dựng, Luật kinh tế và trình độ Tiến sỹ ngành Tài chính- Ngân hàng.

Trong những năm qua, trên cơ sở chức năng và nhiệm vụ của mình Nhà trường đã luôn luôn thực hiện tốt mục tiêu: Chất lượng đào tạo đi đôi với đa dạng hóa các loại hình đào tạo, cấp độ và lĩnh vực đào tạo; phấn đấu xây dựng Nhà trường trở thành cơ sở giáo dục đại học có uy tín cao trong nước và quốc tế.

12. Cơ cấu tổ chức hành chính của nhà trường



13. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của nhà trường (các phòng, ban, khoa, trung tâm chỉ ghi cấp trưởng).

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
Hội đồng Quản trị	Lê Đắc Sơn	Tiến sĩ	(04) 35577799	ledacson@dainam.edu.vn
Hội đồng Quản trị	Đỗ Quân		(04) 35577799	doquan@dainam.edu.vn
Ban Giám hiệu	Phan Trọng Phúc	Phó Giáo sư Tiến sĩ Hiệu trưởng	(04) 35577799	Phantrongphuc@dainam.edu.vn
Ban Giám hiệu	Cao Thị Hòa	Cử nhân Phó Hiệu trưởng	(04) 35577799	caohoa@dainam.edu.vn
Ban Giám hiệu	Lương Cao Đông	GVC.Tiến sĩ Phó Hiệu trưởng	(04) 35577799	luongcaodong@dainam.edu.vn
Ban Giám hiệu	Phạm Văn Nguyễn	GVC.Tiến sĩ Phó Hiệu trưởng	(04) 35577799	phamvannguyen@dainam.edu.vn
Ban Giám hiệu	Nguyễn Việt Anh	Thạc sĩ Phó Hiệu trưởng	(04) 35577799	anhnv@dainam.edu.vn

Phòng Đào tạo	Lê Thị Thanh Hương	Tiến sĩ Trưởng phòng	(04) 35577799	lethanhh uong@d ainam.ed u.vn
Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Nguyễn Việt Anh	Thạc sĩ Trưởng phòng	(04) 35577799	anhnv@ dainam.e du.vn
Phòng Hành chính Quản trị	Thái Thu Phương	Cử nhân Trưởng phòng	(04) 35577799	thaithup huong@ dainam.e du.vn
Phòng Tuyển sinh	Cao Thị Hòa	Cử nhân Phụ trách phòng	(04) 35577799	caohoa @daina m.edu.vn
Phòng Quản lý sinh viên	Dương Trọng Châu	Thạc sĩ Trưởng phòng	(04) 35577799	chaudt@ dainam.e du.vn
Phòng Tài chính Kế toán	Nguyễn Thị Hương Lê	Cử nhân Trưởng phòng	(04) 35577799	nguyenth ihuongle @daina m.edu.vn
Phòng NCKH&HTQT	Nguyễn Việt Anh	Thạc sĩ Phụ trách phòng	(04) 35577799	anhnv@ dainam.e du.vn
Viện Đào tạo Sau Đại học	Phan Trọng Phúc	Phó Giáo sư, Tiến sĩ Viện trưởng	(04) 35577799	Phantron gphuc@ dainam.e du.vn
Khoa Tài chính	Lê Thị Xuân	Tiến sĩ	(04)	lethixuan

Ngân hàng		Trưởng khoa	35577799	@daina m.edu.vn
Khoa Kế toán	Lê Thế Anh	Thạc sĩ Trưởng khoa	(04) 35577799	anhlt@d ainam.ed u.vn
Khoa Quản trị Kinh doanh	Phạm Văn Minh	GVC.Thạc sĩ Phó Trưởng khoa	(04) 35577799	minhpv @daina m.edu.vn
Khoa Luật Kinh tế	Bùi Xuân Đức	Phó Giáo sư Tiến sĩ Trưởng khoa	(04) 35577799	bxducvl @yahoo. com
Khoa Ngoại ngữ	Đặng Ngọc Hương	Tiến sĩ Trưởng khoa	(04) 35577799	dangngo chuong @daina m.edu.vn
Khoa Quan hệ Công chúng & Truyền thông	Lê Thị Nhã	Tiến sĩ Trưởng khoa	(04) 35577799	nhalt@d ainam.ed u.vn
Khoa Du lịch	Vũ Đình Thụy	Tiến sĩ Trưởng khoa	(04) 35577799	vudinhth uy@dain am.edu.v n
Khoa Công nghệ Thông tin	Lương Cao Đông	Tiến sĩ Trưởng khoa	(04) 35577799	luongcao dong@d ainam.ed u.vn

Khoa Xây dựng Kiến trúc	Đào Văn Toại	Phó Giáo sư Tiến sĩ Trưởng khoa	(04) 35577799	daovanto ai@dain am.edu.v n
Khoa Dược	Phạm Văn Nguyễn	Tiến sĩ Trưởng khoa	(04) 35577799	phamvan nguyen @daina m.edu.vn
Khoa Chính trị	Lê Nam Thắng	NGƯT. Thạc sĩ Trưởng khoa	(04) 35577799	lenamtha ng@dain am.edu.v n
Khoa Quốc tế	Lê Đắc Sơn	Tiến sĩ Trưởng khoa	(04) 35577799	ledacson @daina m.edu.vn
Viện Đào tạo & Hợp tác Quốc tế	Nguyễn Lương Long	Thạc sĩ Viện trưởng	(04) 35577799	luonglon gdainam @gmail. com
Viện Hợp tác & Đào tạo VJK	Nguyễn Hữu Xuân Thành	Cử nhân Viện trưởng	(04) 35577799	thanhnhx @daina m.edu.vn
Trung tâm Đào tạo liên tục ngành Dược	Nguyễn Thế Tin	DSCKI. Giám đốc Trung tâm	(04) 35577799	nguyenth etin@dai nam.edu. vn
Trung tâm phát triển nguồn nhân lực	Trần Huy Doanh	Cử nhân Giám đốc Trung tâm	(04) 35577799	doanham c@gmail .com

Trung tâm Ngoại ngữ Trường Đại học Đại Nam	Nguyễn Việt Anh	Thạc sĩ Giám đốc Trung tâm	(04) 35577799	anhnv@ dainam.e du.vn
--	-----------------	----------------------------------	------------------	-----------------------------

14. Các ngành/ chuyên ngành đào tạo (còn gọi là chương trình đào tạo):

Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 3

Số lượng ngành đào tạo đại học: 14

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 3

Số lượng ngành đào tạo TCCN: 5

Số lượng ngành đào tạo CDCN: 5

Số lượng ngành đào tạo nghề: 0

Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ):

(Nhà trường cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 14).

15. Các loại hình đào tạo của nhà trường (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình)

16. Tổng số các khoa đào tạo 15

(Số khoa đào tạo phải tương thích với số khoa ở mục 13)

III. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của nhà trường

17. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên (gọi chung là cán bộ) của nhà trường:

STT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
-----	-----------	-----	----	---------

I	Cán bộ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>	193	211	404
I.1	Cán bộ trong biên chế			
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	193	211	404
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)	42	34	76
	Tổng số	235	245	480

(Nhà trường cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ của nhà trường, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên.)

18. Thống kê, phân loại giảng viên (*chỉ tính những giảng viên trực tiếp giảng dạy trong 5 năm gần đây*):

Số TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng giảng viên	Giảng viên cơ hữu			Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	3		3			
2	Phó Giáo sư	35		23	7	5	
3	Tiến sĩ khoa học	0					

¹ Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế (đối với các trường công lập) và cán

² Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được nhà trường mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn, môn học, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

³ Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn

4	Tiến sĩ	69		47	11	11	
5	Thạc sĩ	190		125	11	54	
6	Đại học	94		85	2	6	1
7	Cao đẳng	0					
8	Trung cấp	0					
9	Trình độ khác	0					
	Tổng số	391	0	283	31	76	1

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) = 315 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 78% (tính đến ngày 01/10/2016)

Quy đổi số lượng giảng viên của nhà trường⁴:

Số liệu bảng 19 được lấy từ bảng 18 nhân với hệ số quy đổi.

Số TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư	3	3		3				9
2	Phó Giáo sư	2	35		23	7	5		52.2

⁴ Việc quy đổi áp dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo có hiệu lực tại thời điểm đánh giá

3	Tiến sĩ khoa học	2	0						0
4	Tiến sĩ	1.5	69		47	11	11		78.75
5	Thạc sĩ	1	190		125	11	54		139.1
6	Đại học	0.8	94		85	2	6	1	69.6
	Tổng		391		283	31	76	1	339.6 5

Hệ số quy đổi trình độ (cột 3) của các trình độ giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ và đại học, đối với các trường ĐH, học viện theo thứ tự 3,0; 2,0; 2,0; 1,5; 1,0; 0,8; đối với các trường CĐ và TCCN: theo thứ tự 3,0; 2,0; 2,0; 1,5; 1,3; 1,0 (không tính các trình độ thấp hơn ĐH) theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 57/2011/TT-BGDĐT ngày 02/12/2011 của Bộ GDĐT. Nếu có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với phó giáo sư.

Cách tính:

Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)=339.65

19. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

STT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	3	1	3						3
2	Phó Giáo sư	30	9.5	23	7					30
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	58	18.4	30	28		1	3	13	41

5	Thạc sĩ	137	43.5	47	90	32	48	8	17	32
6	Đại học	87	27.6	41	46	35	16	5	12	19
7	Cao đẳng									
8	Trung cấp									
9	Trình độ khác									
	Tổng	315		144	171	67	65	16	42	125

19.1 Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu:

STT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)		
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)		
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)		
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)		
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)		
	Tổng		

19.2 Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 49.7 tuổi

19.3 Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường: 28.9%

19.4 Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường: 72.4%

IV. Người học

Người học bao gồm sinh viên, học sinh, học viên cao học và nghiên cứu sinh:

20. Tổng số học sinh đăng ký dự thi vào trường, số sinh viên trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh dự thi (người)	Số nhập học thực tế (người)	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
Đại học				
2012-2013		902		
2013-2014		526		
2014-2015		1097		
2015-2016		1022		
2016-2017		638		
Cao đẳng				
2012-2013		52		
2013-2014		10		
2014-2015		0		
2015-2016		0		
2016-2017		0		
Trung cấp				
2012-2013		744		
2013-2014		288		
2014-2015		273		
2015-2016		428		

2016-2017		472		
Cao học				
2012-2013		0		
2013-2014		55		
2014-2015		154		
2015-2016		326		
2016-2017		53		

Số lượng sinh viên hệ chính quy đang học tập tại trường (5 năm): 4957 người.

21. Thống kê, phân loại số lượng người học nhập học trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2012- 2013	2013- 2014	2014- 2015	2015- 2016	2016- 2017
1. Nghiên cứu sinh					
2. Học viên cao học		55	154	326	53
3. Sinh viên đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	902	526	1097	1022	638
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên cao đẳng	52	10			
5. Sinh viên TCCN	744	278	273	428	472
Tổng số	1698	869	1524	1776	1163

Tổng số sinh viên chính quy (chưa quy đổi): 4957

Tổng số sinh viên quy đổi: 6165

Tỷ lệ sinh viên trên giảng viên (sau khi quy đổi): 16

Cách tính số sinh viên quy đổi = (Số sinh viên đại học chính quy) + 0.8 x (Số sinh viên cao đẳng chính quy) + 0.5 x (Số học sinh trung cấp chuyên nghiệp)

chính quy) + 1.5 x (Số học viên cao học, bác sĩ chuyên khoa cấp 1) + 2 x (Số nghiên cứu sinh, bác sĩ chuyên khoa cấp 2, bác sĩ nội trú)

22. Số sinh viên quốc tế nhập học trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017
Số lượng					
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên quy đổi					

23. Sinh viên có chỗ ở trong ký túc xá / tổng số sinh viên có nhu cầu trong 5 năm gần đây:

Các tiêu chí	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)		3920m ²	3920m ²	3920m ²	3920m ²
2. Số lượng sinh viên có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá)		312	238	226	310
3. Số lượng sinh viên được ở trong ký túc xá		312	238	226	310
4. Tỷ số diện tích trên đầu sinh viên ở trong ký túc xá, m ² /người		12.5m ²	16.5m ²	17.3m ²	12.6m ²

24. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học tham gia nghiên cứu khoa học:

	Năm học				
	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017
Số lượng					

(người)					
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên quy đổi					

25. Thống kê số lượng người tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2012- 2013	2013- 2014	2014- 2015	2015- 2016	2016- 2017
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					
2. Học viên tốt nghiệp cao học				31	
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học Trong đó:					
Hệ chính quy	847	913	696	399	
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên cao đẳng	196	215	71	14	
5. Sinh viên liên thông					
Hệ chính quy		169	107	816	
Hệ không chính quy		74			
Tổng số	1043	1371	874	1260	

(Tính cả những học viên đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng).

26. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp
--------------	----------------

	2012- 2013	2013- 2014	2014- 2015	2015- 2016	2016- 2017
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)	1043	1371	874	1260	
2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)					
3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)					
3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>chỉ học</i> <i>được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)					
3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>KHÔNG</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)					

<p>4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:</p> <p>A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5</p> <p>B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây</p>					
<p>4.1 Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%)</p> <p>- Sau 6 tháng tốt nghiệp</p> <p>- Sau 12 tháng tốt nghiệp</p>					
<p>4.2 Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%)</p>					
<p>4.3 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm</p>					

Ghi chú:

- Sinh viên tốt nghiệp là sinh viên có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những sinh viên chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Sinh viên có việc làm là sinh viên tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là nhà trường không điều tra về việc này.

V. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

27. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của nhà trường được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

STT	Phân loại đề tài	Hệ số* *	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	0	0	0	0	1	1
3	Đề tài cấp trường	0,5	0	1	7	2	6	8
4	Tổng		0	1	7	2	7	9

Cách tính: Cột 9 = cột 3 . (cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 9 đề tài

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 9/404

28. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	-	-	-	
Từ 4 đến 6 đề tài	-	6	-	
Trên 6 đề tài	-	-	23	
Tổng số cán bộ tham gia	0	6	23	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

29. Số lượng sách của nhà trường được xuất bản trong 5 năm gần đây:

30.

STT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017	
1	Sách chuyên khảo	2,0	-	-	-	-	-	-
2	Sách giáo trình	1,5	-	-	-	-	-	-
3	Sách tham khảo	1,0	-	-	-	-	-	-
4	Sách hướng dẫn	0,5	-	-	-	-	-	-
5	Tổng		-	-	-	-	-	-

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi):

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:

31. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	-	-	-	-
Từ 4 đến 6 cuốn sách	-	-	-	-
Trên 6 cuốn sách	-	19	2	-
Tổng số cán bộ tham gia	-	19	2	-

32. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của nhà trường được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

STT	Phân loại tạp chí	Hệ	Số lượng					Tổng (đã
			2011-	2012-	2013-	2014-	2015-	

		số**	2012	2013	2014	2015	2016	quy đổi)
1	Tạp chí KH quốc tế	1,5	0	2	1	-	3	9
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	1,0	0	1	7	12	11	31
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	0	0	0	0	0	0
4	Tổng		0	3	8	12	14	40

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 40

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 40/404

33. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng CBGD có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí KH quốc tế	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	Tạp chí / tập san của cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	6	-	-
Từ 6 đến 10 bài báo	-	-	-
Từ 11 đến 15 bài báo	-	-	-
Trên 15 bài báo	-	32	-
Tổng số cán bộ tham gia	6	32	0

34. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng CB có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	-	-	-
Từ 6 đến 10 báo cáo	-	-	-
Từ 11 đến 15 báo cáo	14	-	16
Trên 15 báo cáo	-	52	-
Tổng số cán bộ tham gia	14	51	12

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

35. Nghiên cứu khoa học của sinh viên

34.1. Số lượng sinh viên của nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng sinh viên tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	4	0	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số sinh viên tham gia	0	4	0	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp nhà nước

34.2 Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

STT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016
1	Số giải thưởng	-	-	-	1	-

	nghiên cứu khoa học, sáng tạo					
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	-	-	-	1	1

VI. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

36. Tổng diện tích đất sử dụng của trường (tính bằng m²): 98.891,7m²

37. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

- Nơi làm việc: 3.820m² Nơi học: 12.065m² Nơi vui chơi giải trí: 5000m²

38. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 11.931m²

- Tỷ số diện tích phòng học trên sinh viên chính quy: 2.4

39. Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường: 10.000 cuốn

Tổng số đầu sách gắn với các ngành đào tạo có cấp bằng của nhà trường: 1.500 cuốn.

40. Tổng số máy tính của trường:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 126

- Dùng cho sinh viên học tập: 187

Tỷ số số máy tính dùng cho sinh viên trên sinh viên chính quy: 0.038

41. Tổng kinh phí từ các nguồn thu của trường trong 5 năm gần đây:

- Năm 2012: 40,2 tỷ đồng

- Năm 2013: 46,8 tỷ đồng

- Năm 2014: 49,2. tỷ đồng

- Năm 2015: 66,3 tỷ đồng

- Năm 2016: 80,5 tỷ đồng

42. Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) trong 5 năm gần đây:

- Năm 2011-2012: 37,2 tỷ đồng

- Năm 2012-2013: 45,5 tỷ đồng

- Năm 2013-2014: 46,4 tỷ đồng
- Năm 2014-2015: 62,7 tỷ đồng
- Năm 2015-2016: 72,4 tỷ đồng

VII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên (*số liệu năm cuối kỳ đánh giá*):

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 315

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 78%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường (%): 28,9%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường (%): 43,5%

2. Sinh viên:

Tổng số sinh viên chính quy (người): 4957 người

Tổng số sinh viên quy đổi (người): 6165

Tỷ số sinh viên trên giảng viên (sau khi quy đổi): 16

3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường:

Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):.....

Tỷ lệ sinh viên trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):.....

4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%):.....

Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%):.....

Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm (triệu VNĐ):.....

5. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 9/404

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 40/404

6. Cơ sở vật chất (*số liệu năm cuối kỳ đánh giá*):

Tỷ số máy tính dùng cho sinh viên trên sinh viên chính quy: 0.038

Tỷ số diện tích phòng học trên sinh viên chính quy: 2.4

Tỷ số diện tích ký túc xá trên sinh viên chính quy: 0.8^2

DANH MỤC VÀ MÃ MINH CHỨNG

DANH MỤC VÀ MÃ MINH CHỨNG TIÊU CHUẨN 1

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/ tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
Tiêu chí 1.1: Sứ mạng của trường đại học được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của nhà trường; phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của địa phương và cả nước.				
H1.1.1.1	1. Quyết định thành lập trường; Văn bản có ghi rõ tuyên bố chức năng và nhiệm vụ đã được nêu.	Có	HDQT	
H1.1.1.2	2. Website, Brochure, tờ rơi mà có nêu chức năng nhiệm vụ	Có	HDQT Ban Giám hiệu	
H1.1.1.3	3. Chiến lược phát triển của nhà trường	Có	HDQT	
H1.1.1.4	4. Cuốn Thông tin đào tạo	Chưa có	TP. Hà Nội HDQT	
H1.1.1.5	5. Cẩm nang sinh viên	Chưa có	Ban Giám hiệu	
H1.1.1.6	6. Văn bản tuyên bố sứ mạng năm 2012	Chưa có	HDQT	
Tiêu chí 1.2: Mục tiêu của trường đại học được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục và sứ mạng đã tuyên bố của nhà trường; được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và được triển khai thực hiện.				
H1.1.2.1	7. Danh sách các ngành đào tạo đã được cấp phép	Chưa có	HDQT Ban Giám hiệu	
H1.1.2.2	8. Văn bản xác định mục tiêu nhà trường theo đuổi theo hướng ứng dụng	Chưa có	Ban Giám hiệu	

DANH MỤC VÀ MÃ MINH CHỨNG TIÊU CHUẨN 2

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/ tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
Tiêu chí 2.1. Cơ cấu tổ chức của trường đại học được thực hiện theo quy định của Điều lệ trường đại học và các quy định khác của pháp luật có liên quan, được cụ thể hóa trong quy chế về tổ chức và hoạt động của nhà trường.				
H2.2.1.1	1. Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đại Nam		HĐQT Ban Giám hiệu	
H2.2.1.2	2. Văn bản thành lập Ban Kiểm soát		HĐQT Ban Giám hiệu	
H2.2.1.3	3. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của nhà trường		HĐQT Ban Giám hiệu	
H2.2.1.4	4. Quy định, chức năng hoạt động của các phòng ban		HĐQT Ban Giám hiệu	
H2.2.1.5	5. Văn bản thay đổi cơ cấu tổ chức		HĐQT Ban Giám hiệu	
Tiêu chí 2.2. Có hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động của trường.				
H2.2.2.1	6. Các văn bản về công tác Đào tạo và nghiên cứu khoa học		HĐQT Ban Giám hiệu	
H2.2.2.2	7. Các văn bản về công tác quản lý tài chính		HĐQT Ban Giám hiệu	
H2.2.2.3	8. Các văn bản về công tác quản lý hành chính		HĐQT Ban Giám hiệu	
H2.2.2.4	9. Các văn bản về quản lý nhân sự, tiền lương		HĐQT Ban Giám hiệu	
H2.2.2.5	10. Các văn bản về công tác sinh viên và giáo viên chủ nhiệm		HĐQT Ban Giám hiệu	
H2.2.2.6	11. Các văn bản thành lập đơn vị, quy định chức năng nhiệm vụ các đơn vị trong nhà trường		HĐQT Ban Giám hiệu	
H2.2.2.7	12. Các văn bản về công tác đánh giá và tiêu chí đánh giá cán bộ, giảng viên, nhân viên		HĐQT Ban Giám hiệu	
H2.2.2.8	13. Các quy định, quy trình thực hiện các công việc liên quan đến các lĩnh vực hoạt động		HĐQT Ban Giám hiệu	
H2.2.2.9	14. Cẩm nang sinh viên		HĐQT Ban Giám hiệu	
H2.2.2.10	15. Nội dung cuộc họp được ban hành thành văn bản và gửi về		HĐQT Ban Giám hiệu	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/ tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		tất cả các đơn vị trong trường		
H2.2.2.11	16.	Văn bản bình xét danh hiệu thi đua đối với đơn vị và cá nhân	HĐQT Ban Giám hiệu	
Tiêu chí 2.3. Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý và nhân viên được phân định rõ ràng.				
H2.2.3.1	17.	Nội quy lao động	HĐQT Ban Giám hiệu	
H2.2.3.2	18.	Quy định về tuyển dụng và ký kết hợp đồng lao động	HĐQT Ban Giám hiệu	
H2.2.3.3	19.	Quy định về chế độ đối với công tác giảng dạy	HĐQT Ban Giám hiệu	
H2.2.3.4	20.	Quyết định phân công nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Giám hiệu	HĐQT Ban Giám hiệu	
H2.2.3.5	21.	Phân công công việc của từng đơn vị	HĐQT Ban Giám hiệu	
H2.2.3.6	22.	Công tác đào tạo giảng viên tập sự	HĐQT Ban Giám hiệu	
H2.2.3.7	23.	Biên bản Họp tổng kết các công tác của trường	HĐQT Ban Giám hiệu	
Tiêu chí 2.4. Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong trường đại học hoạt động hiệu quả và hàng năm được đánh giá tốt; các hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể thực hiện theo quy định của pháp luật				
H2.2.4.1	24.	Các Quyết định thành lập tổ chức Đảng, Đoàn, Hội	HĐQT Ban Giám hiệu	
H2.2.4.2	25.	Biên bản họp chi Bộ	Đoàn thanh niên	
H2.2.4.3	26.	Các Quyết định công nhận đảng viên mới	Đoàn thanh niên	
H2.2.4.4	27.	Kế hoạch hoạt động năm của công đoàn	Đoàn thanh niên	
H2.2.4.5	28.	Báo cáo tổng kết hoạt động năm của công đoàn	Đoàn thanh niên	
H2.2.4.6	29.	Quyết định thành lập và phương hướng phát triển của từng CLB	Đoàn thanh niên	
H2.2.4.7	30.	Bản sao các giải thưởng	Đoàn thanh niên	
H2.2.4.8	31.	Kế hoạch hành động và hình ảnh	Đoàn thanh niên	
Tiêu chí 2.5. Có tổ chức đảm bảo chất lượng giáo dục đại học, bao gồm trung tâm hoặc bộ phận chuyên trách; có đội ngũ cán bộ có năng lực để triển khai các hoạt động đánh giá				

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/ tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
nhằm duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường				
H2.2.5.1	32.	Quyết định thành lập và phân công nhiệm vụ		HĐQT Ban Giám hiệu
H2.2.5.2	33.	Kế hoạch hoạt động đảm bảo chất lượng		HĐQT Ban Giám hiệu
H2.2.5.3	34.	Quyết định thành lập Hội đồng, nhóm thực hiện		HĐQT Ban Giám hiệu
H2.2.5.4	35.	Phân công nhiệm vụ trong phòng thể hiện 2 cán bộ chuyên trách		HĐQT Ban Giám hiệu
H2.2.5.5	36.	Trích ngang năng lực của các cán bộ chuyên trách về đảm bảo chất lượng		Phòng KT&ĐBCL
Tiêu chí 2.6. Có các chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của nhà trường; có chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch của nhà trường				
H2.2.6.1	37.	Chiến lược phát triển nhà trường đến năm 2020		HĐQT Ban Giám hiệu
H2.2.6.2	38.	Kế hoạch dài hạn		HĐQT Ban Giám hiệu
H2.2.6.3	39.	Kế hoạch trung hạn (5 năm)		HĐQT Ban Giám hiệu
H2.2.6.4	40.	Kế hoạch hàng năm		HĐQT Ban Giám hiệu
H2.2.6.5	41.	Biên bản họp giao ban hàng tháng		Phòng HCQT
Tiêu chí 2.7. Thực hiện định kỳ báo cáo cơ quan chủ quản, các cơ quan quản lý về các hoạt động và lưu trữ đầy đủ các báo cáo của nhà trường				
H2.2.7.1	42.	Văn bản báo cáo công tác an ninh chính trị		Phòng HCQT
H2.2.7.2	43.	Văn bản báo cáo công tác kê khai thuế		Phòng TC-KT
H2.2.7.3	44.	Văn bản báo cáo công tác xây dựng trường		Ban Giám hiệu
H2.2.7.4	45.	Văn bản báo cáo công tác sinh viên		Phòng QLSV
H2.2.7.5	46.	Văn bản báo cáo công tác đào tạo		Phòng ĐT
H2.2.7.6	47.	Văn bản báo cáo công tác NCKH		Phòng NCKH&HTQT
H2.2.7.7	48.	Văn bản báo cáo công tác thi đua		Phòng HCQT

Mã minh chứng		Tên minh chứng	Số, ngày/ tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H2.2.7.8	49.	Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cấp quản lý		HĐQT Ban Giám hiệu Phòng HCQT	

DANH MỤC VÀ MÃ MINH CHỨNG TIÊU CHUẨN 3

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/ tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
<p>Tiêu chí 3.1. Chương trình đào tạo của trường đại học được xây dựng theo các quy định hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; có sự tham khảo chương trình đào tạo của các trường đại học có uy tín trong nước hoặc trên thế giới; có sự tham gia của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp.</p>				
H3.3.1.1	1.	Quy định xây dựng CTĐT của Bộ GD&ĐT		Bộ GD&ĐT
H3.3.1.2	2.	Danh mục và hồ sơ các CTĐT mở mới trong 5 năm trở lại; Các quyết định phê duyệt mở ngành đào tạo và ban hành CTĐT		Phòng ĐT
H3.3.1.3	3.	Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần với đầy đủ thông tin về cấu trúc, khối lượng, kiến thức và chuẩn đầu ra của 3 chương trình Thạc sỹ,		Phòng ĐT
H3.3.1.4	4.	Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần với đầy đủ thông tin về cấu trúc, khối lượng, kiến thức và chuẩn đầu ra của 13 chương trình hệ đại học		Phòng ĐT
H3.3.1.5	5.	Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần với đầy đủ thông tin về cấu trúc, khối lượng, kiến thức và chuẩn đầu ra của 3 chương trình hệ cao đẳng		Phòng ĐT
H3.3.1.6	6.	Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần với đầy đủ thông tin về cấu trúc, khối lượng, kiến thức và chuẩn đầu ra của 5 chương trình liên thông từ cao đẳng lên đại học,		Phòng ĐT
H3.3.1.7	7.	Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần với đầy đủ thông tin về cấu trúc, khối lượng, kiến thức và chuẩn đầu ra của 4 chương trình liên thông từ trung cấp		Phòng ĐT

Mã minh chứng		Tên minh chứng	Số, ngày/ tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		lên đại học,			
H3.3.1.8	8.	Các văn bản liên quan tới việc xây dựng chương trình đào tạo của nhà trường; qui định về các học phần, trình độ liên thông	117/ĐN-ĐT/2013	Phòng ĐT	
H3.3.1.9	9.	Bảng so sánh chương trình đào tạo của nhà trường với chương trình đào tạo của trường khác, danh mục và nội dung (file, link gốc) các CTĐT của các trường trong nước và quốc tế được tham khảo		Phòng ĐT Các Khoa	
H3.3.1.10	10.	Quyết định thành lập tổ/nhóm công tác xây dựng CTĐT; Biên bản họp xây dựng CTĐT, nghị quyết của Hội đồng KH-ĐT trường; Quyết định thành lập, biên bản họp hội đồng thẩm định, nhận xét của các thành viên; Các văn bản góp ý, biên bản các cuộc họp lấy ý kiến các cá nhân tổ chức được mời tham gia xây dựng CTĐT		Phòng ĐT Các Khoa	
Tiêu chí 3.2. Chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, có cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng của từng trình độ đào tạo và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.					
Tiêu chí 3.3: Chương trình giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên được thiết kế theo quy định, đảm bảo chất lượng đào tạo.					
H3.3.3.1	11.	Minh chứng về điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên,		Phòng HCQT	
Tiêu chí 3.4: Chương trình giáo dục được định kỳ bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hoặc cả nước.					
H3.3.4.1	12.	Bảng so sánh CTĐT của trường với các trường đối tác quốc tế; Bảng so sánh các phiên bản khác nhau của CTĐT		Phòng ĐT Các Khoa	
Tiêu chí 3.5: Chương trình giáo dục được thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông với các					

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/ tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
trình độ đào tạo và chương trình giáo dục khác.				
H3.3.5.1	13. Biên bản, thỏa thuận với các cơ sở giáo dục đại học khác về đào tạo liên thông		Phòng ĐT	
Tiêu chí 3.6: Chương trình giáo dục được định kỳ đánh giá và thực hiện cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá.				
H3.3.6.1	14. Văn bản quy định của nhà trường về việc rà soát, đánh giá, sử dụng kết quả đánh giá chương trình đào tạo trong quá trình triển khai thực hiện chương trình; các tiêu chí đánh giá mà nhà trường áp dụng		Phòng KT&ĐBCL	
H3.3.6.2	15. Các quyết định về thành lập phòng KT&ĐBCL	QĐ121/QĐ-ĐN, QĐ254/QĐ-ĐN	Phòng KT&ĐCBL	
H3.3.6.3	16. Phiếu gốc khảo sát, dữ liệu, báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng CTĐT của cựu sinh viên, nhà tuyển dụng và chuyên gia		Phòng KT&ĐCBL	
H3.3.6.4	17. Phiếu gốc khảo sát, dữ liệu, báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng CTĐT của sinh viên đang học, giảng viên và cán bộ quản lý		Phòng KT&ĐCBL	
H3.3.6.5	18. Các báo cáo tự đánh giá; báo cáo đánh giá đồng cấp, báo cáo đánh giá ngoài CTĐT; Báo cáo về kết quả cải tiến chất lượng chương trình sau khi đánh giá		Phòng KT&ĐCBL	
H3.3.6.6	19. Bảng so sánh các thay đổi sau khi có ý kiến đánh giá về CTĐT		Phòng ĐT	

DANH MỤC VÀ MÃ MINH CHỨNG TIÊU CHUẨN 4

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/ tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
Tiêu chí 4.1 Đa dạng hoá các hình thức đào tạo, đáp ứng yêu cầu học tập của người học theo quy định				
H4.4.1.1	1. Quy chế đào tạo/quy định/mô tả về các hình thức đào tạo của nhà trường và điều kiện thực hiện các hình thức đào tạo: CSVC, đội ngũ GV, học liệu, hướng dẫn và tổ chức CTĐT	- Brochure giới thiệu trường - Sổ tay sinh viên	BGH	
Tiêu chí 4.2: Thực hiện công nhận kết quả học tập của người học theo niên chế kết hợp với học phần; có kế hoạch chuyển quy trình đào tạo theo niên chế sang học chế tín chỉ có tính linh hoạt và thích hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học.				
H1.4.2.1	2. Bảng điểm tích lũy của môn học/học phần và của các CTĐT		Phòng ĐT	
H1.4.2.2	3. Kế hoạch & báo cáo tổng kết việc triển khai chuyển đổi từ niên chế sang tín chỉ; Quyết định chuyển đổi quy trình đào tạo từ niên chế sang học chế tín chỉ		Phòng ĐT	
H1.4.2.3	4. Quyết định phê duyệt CTĐT theo học chế tín chỉ		Phòng HCQT Phòng ĐT	
H1.4.2.4	5. Các thông tin thông qua phòng vận lãnh đạo, giảng viên, người học về đào tạo theo tín chỉ		Phòng KT&ĐBCL	
H1.4.2.5	6. Quyết định Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ		Phòng HCQT Phòng ĐT	
H1.4.2.6	7. Hợp đồng xây dựng phần mềm quản lý đào tạo theo học chế tín chỉ		Phòng HCQT Phòng ĐT	
Tiêu chí 4.3 Có kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy của giảng viên; chú trọng việc triển khai đổi mới phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học.				
H4.4.3.1	8. Quyết định về việc tổ chức đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên	QĐ109/QĐ-ĐN	Phòng HCQT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/ tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H4.4.3.2	9. Phiếu, dữ liệu khảo sát sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên		Phòng KT&ĐBCL	
Tiêu chí 4.4: Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá được đa dạng hoá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu môn học và đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo; đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề.				
H4.4.4.1	10. Quyết định hướng dẫn xây dựng đề cương học phần theo tín chỉ		Phòng ĐT	
H4.4.4.2	11. Ngân hàng đề thi, mẫu đề thi, báo cáo tổng kết công tác ra đề, tổ chức kiểm tra đánh giá của các loại hình đào tạo trong trường		Phòng KT&ĐBCL	
H4.4.4.3	12. Phiếu, dữ liệu khảo sát sinh viên về phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá		Phòng KT&ĐBCL	
H4.4.4.4	13. Quyết định thành lập Hội đồng thi, Ban thanh tra, Hội đồng chấm thi từ 2012 => 2015.	508/ QĐ-ĐHĐN, 2013 509/ QĐ-ĐHĐN, 2013 510/ QĐ-ĐHĐN, 2013 511/ QĐ-ĐHĐN, 2013 512/ QĐ-ĐHĐN, 2013 503/ QĐ-ĐHĐN, 2013 504/ QĐ-ĐHĐN, 2013 505/ QĐ-ĐHĐN, 2013 506/ QĐ-ĐHĐN, 2013 507/ QĐ-ĐHĐN, 2013 28/QĐ/ĐN-ĐT, 2014 29/QĐ-ĐHĐN, 2014 30/QĐ-ĐHĐN, 2014	Phòng ĐT, Phòng HCQT, Phòng KT&ĐBCL	

Mã minh chứng		Tên minh chứng	Số, ngày/ tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			31/QĐ- ĐHĐN, 2014 32/QĐ- ĐHĐN, 2014 23/QĐ/ĐN- ĐT, 2014 24/ QĐ- ĐHĐN, 2014 25/QĐ- ĐHĐN, 2014 26/ QĐ- ĐHĐN, 2014 27/ QĐ- ĐHĐN, 2014 887/ QĐ- ĐHĐN, 2013 888/ QĐ- ĐHĐN, 2014 18/QĐ/ĐN- ĐT, 2014 19/ QĐ- ĐHĐN, 2014 20/ QĐ- ĐHĐN, 2014 21/ QĐ- ĐHĐN, 2014 22/ QĐ- ĐHĐN, 2014		
Tiêu chí 4.5. Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Văn bằng, chứng chỉ được cấp theo quy định và được công bố trên trang thông tin điện tử của nhà trường.					
H4.4.5.1	14.	Quy định về lưu trữ, công bố kết quả học tập, Phòng ĐT,		Phòng HCQT	
H4.4.5.2	15.	Quy định về đối chiếu, kiểm tra kết quả học tập tại ĐH Đại Nam		Phòng ĐT, Phòng HCQT	
H4.4.5.3	16.	Quy định về cấp phát văn bằng, chứng chỉ của Bộ GD&ĐT và Quy định về cấp phát văn bằng, chứng chỉ tại Trường Đại học Đại Nam,		Phòng ĐT, Phòng HCQT	
H4.4.5.4	17.	Quyết định công nhận tốt nghiệp, danh sách tốt nghiệp từ năm 2011 (bản cứng, bản	QĐ446/2015	Phòng ĐT, Phòng HCQT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/ tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		điện tử trên website)		
H4.4.5.5	18. Sổ cấp phát văn bằng, chứng chỉ của người học từ 2011,	Sổ cấp bằng ĐH 2015-2016 Sổ cấp chứng chỉ cao đẳng 2013-2014	Phòng ĐT	
H4.4.5.6	19. Các quyết định, biên bản về việc điều chỉnh, sửa đổi, hủy văn bằng, chứng chỉ từ năm 2011 (nếu có)	QĐ 1289/QĐ/ĐN-ĐT, 2015	Phòng ĐT	
Tiêu chí 4.6: Có cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của nhà trường, tình hình sinh viên tốt nghiệp, tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp.				
H4.4.6.1	20. Cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo và sinh viên tốt nghiệp của trường gồm các CTĐT, các điều kiện về gv, học liệu, cơ sở vật chất		Phòng ĐT	
H4.4.6.2	21. Văn bản quy định về việc thu thập, xử lý phân tích và quản lý thông tin đào tạo, tình trạng việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên		Phòng ĐT, HCQT, KT&ĐBCL	
H4.4.6.3	22. Phiếu khảo sát, dữ liệu, kết quả khảo sát về tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp cung cấp		Phòng KT&ĐBCL, các Khoa	
H4.4.6.4	23. Dữ liệu quản lý sinh viên dạng văn bản: danh sách sinh viên trúng tuyển, hồ sơ nhập học, bảng điểm kiểm tra, điểm thi hết học phần, bảng điểm thi tốt nghiệp		Phòng ĐT	
Tiêu chí 4.7. Có kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường và kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.				
H4.4.7.1	24. Văn bản quy định việc đánh giá chất lượng sinh viên sau khi ra trường		Phòng KT&ĐBCL, phòng HCQT	
H4.4.7.2	25. Phiếu khảo sát, dữ liệu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường		Phòng KT&ĐBCL cung cấp	
H4.4.7.3	26. Đề cương nghiên cứu, Quyết định giao đề tài, Hợp đồng nghiên cứu đề tài cấp		Chủ đề tài, Phòng NCKH &	

Mã minh chứng		Tên minh chứng	Số, ngày/ tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Trường,		HTQT cung cấp	
H4.4.7.4	27.	Báo cáo tổng hợp đánh giá chất lượng hoạt động đào tạo hàng năm		Phòng KT&ĐBCL	
H4.4.7.5	28.	Báo cáo về việc sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh hoạt động đào tạo		Phòng KT&ĐBCL, Phòng HCQT Các Khoa	

DANH MỤC VÀ MÃ MINH CHỨNG TIÊU CHUẨN 5

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/ tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
Tiêu chí 5.1. Có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng phát triển đội ngũ giảng viên, nhân viên; Quy hoạch bổ nhiệm đội ngũ cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với điều kiện cụ thể nhà trường, có quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch				
H5.5.1.1	1. Kế hoạch tuyển dụng hàng năm		HDQT BGH	
H5.5.1.2	2. Quy trình và Quy chế tuyển dụng cán bộ và giảng viên trường Đại học Đại Nam		HDQT BGH	
H5.5.1.3	3. Quy trình đào tạo giảng viên tập sự		Phòng ĐT	
H5.5.1.4	4. Biên bản Họp của HDQT và BGH về quy hoạch cán bộ nguồn		HDQT BGH Phòng HCQT	
H5.5.1.5	5. Công văn và hình ảnh các cuộc đối thoại giữa lãnh đạo nhà trường với cán bộ giảng viên toàn trường; giữa lãnh đạo trường với khoa		Phòng HCQT	
H5.5.1.6	6. Hình ảnh Đăng tải công khai trên Website		Phòng HCQT	
Tiêu chí 5.2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được đảm bảo các quyền dân chủ trong trường đại học				
H5.5.2.1	7. Báo cáo về hoạt động dân chủ trong nhà trường: Biên bản họp đánh giá giảng viên của Khoa, Phòng; Phiếu tự đánh giá; Phiếu đánh giá đồng cấp; Phiếu đánh giá cấp trên; Tổng hợp đánh giá cán bộ giảng viên		Phòng HCQT Phòng KT&ĐBCL	
H5.5.2.2	8. Hình ảnh các buổi gặp mặt và Biên bản tổng kết; Báo cáo tổng kết ý kiến giảng viên		Phòng HCQT	
H5.5.2.3	9. Biên bản họp giao ban hàng tháng		Phòng HCQT	
H5.5.2.4	10. Hình ảnh các buổi tọa đàm và báo cáo tổng kết ý kiến tọa đàm		Phòng HCQT	
Tiêu chí 5.3. Có chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng				

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/ tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước				
H5.5.3.1	11. Quy định Quản lý nội bộ và Quy định về chế độ của cán bộ, giảng viên		HĐQT BGH Phòng HCQT	
H5.5.3.2	12. Biên bản ghi nhớ với đối tác		Phòng NCKH&HTQT	
H5.5.3.3	13. Quy định Quản lý nội bộ và Quy định về chế độ của cán bộ, giảng viên		HĐQT BGH Phòng HCQT	
Tiêu chí 5.4. Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thành nhiệm vụ được giao				
Tiêu chí 5.5. Có đủ số lượng giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học; đạt được mục tiêu của chiến lược phát triển giáo dục nhằm giảm tỷ lệ trung bình sinh viên/giảng viên.				
Tiêu chí 5.6. Đội ngũ giảng viên đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định. Giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo; đảm bảo cơ cấu chuyên môn và trình độ theo quy định; có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học.				
Tiêu chí 5.7: Đội ngũ giảng viên được đảm bảo cân bằng về kinh nghiệm công tác chuyên môn và trẻ hoá của đội ngũ giảng viên theo quy định				
H5.5.7.1	14. Chủ trương phát triển đội ngũ giảng viên thể hiện tại các văn bản của nhà trường		HĐQT BGH	
H5.5.7.2	15. Chiến lược phát triển đội ngũ giảng viên thể hiện tại các văn bản của nhà trường		HĐQT BGH	
H5.5.7.3	16. Thông tin tuyển dụng giảng viên		Phòng HCQT	
H5.5.7.4	17. Thông tin giảng viên của trường		Phòng HCQT	
H5.5.7.5	18. Chính sách cử giảng viên đi tập huấn		HĐQT BGH	
H5.5.7.6	19. Hình ảnh giảng viên trẻ được các GS, PGS kèm cặp		Phòng HCQT	
H5.5.7.7	20. Thông tin đánh giá giảng viên qua các kênh		Phòng KT&ĐBCL	
H5.5.7.8	21. Biên bản đánh giá giảng viên của các khoa		Phòng KT&ĐBCL Các Khoa	
Tiêu chí 5.8: Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đủ số lượng, có năng lực chuyên môn và được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.				

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/ tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H5.5.8.1	22. Danh sách đội ngũ kỹ thuật viên		Phòng HCQT	
H5.5.8.2	23. Báo cáo kết quả làm việc của đội ngũ kỹ thuật viên		Phòng HCQT	
H5.5.8.3	24. Các đợt tập huấn trong và ngoài nước cho đội ngũ kỹ thuật và nhân viên		Phòng HCQT Phòng NCKH&HTQT	
H5.5.8.4	25. Các lớp tập huấn về công nghệ thông tin, phát triển học liệu điện tử, ứng dụng mạng Internet		Phòng HCQT	
H5.5.8.5	26. Lớp tập huấn chuyên đề cho từng loại nhân viên được tổ chức trong thời gian qua như tập huấn về công tác văn thư lưu trữ, kế toán tài chính, nghiệp vụ thư viện, v.v		Phòng HCQT	
H5.5.8.6	27. Yêu cầu trình độ ngoại ngữ và tin học văn phòng đối với nhân viên trong trường		Phòng HCQT	

DANH MỤC VÀ MÃ MINH CHỨNG TIÊU CHUẨN 6

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/ tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
Tiêu chí 6.1: Người học được hướng dẫn đầy đủ về chương trình giáo dục, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.				
H6.6.1.1	1. Chương trình và nội dung "Tuần sinh hoạt công dân-sinh viên"	Tháng 9 hàng năm	Hiệu trưởng	
H6.6.1.2	2. Website cảm nang sinh viên	9/2013	Hiệu trưởng	
H6.6.1.3	3. Thông tin CTĐT trên website	Hiện tại	Hiệu trưởng	
H6.6.1.4	4. Thông tin quy chế đào tạo trên website	Đầu mỗi năm học	P. Đào tạo	
H6.6.1.5	5. Thời khóa biểu	Nhiều lần	P. HCQT	
H6.6.1.6	6. Kế hoạch giảng dạy và học tập đầu năm	Thường xuyên	Các phòng ban có liên quan	
H6.6.1.7	7. Lịch thi	Nhiều lần	Khoa CM	
H6.6.1.8	8. Các thông báo trên website	Hiện tại	P. HCQT	
H6.6.1.9	9. Hệ thống mail nội bộ	4/12/2013	Hiệu trưởng	
H6.6.1.10	10. Các văn bản gửi về phòng/khoa	28/2/2014	Hiệu trưởng	
H6.6.1.11	11. Bảng tin tại 2 cơ sở	Chụp mới		
H6.6.1.12	12. Đối thoại giữa sinh viên với khoa	Chụp mới	Ban phong trào	
H6.6.1.13	13. Đối thoại giữa sinh viên với trường	Chụp mới	Ban phong trào	
H6.6.1.14	14. Thư viện điện tử			
H6.6.1.15	15. Bộ phận một cửa			
H6.6.1.16	16. Quy định về công tác GV chủ nhiệm			
Tiêu chí 6.2: Người học được đảm bảo các chế độ chính sách xã hội, được khám sức khỏe theo quy định y tế học đường; được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục				

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/ tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
thể thao và được đảm bảo an toàn trong khuôn viên của nhà trường.				
H6.6.2.1	17.	Chương trình và nội dung "Tuần sinh hoạt công dân-sinh viên"	Nhiều văn bản	Ban Giám hiệu
H6.6.2.2	18.	Các quyết định khen thưởng và danh sách người học tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc và cán sự lớp/cán bộ đoàn giỏi tại lễ tốt nghiệp hàng năm	Nhiều văn bản	Ban Giám hiệu
H6.6.2.3	19.	Các quyết định và danh sách khen thưởng, số tiền khen thưởng đối với các sinh viên thủ khoa đầu vào	Nhiều văn bản	Ban Giám hiệu
H6.6.2.4	20.	Quyết định khen thưởng đối với sinh viên đạt giải NCKH cấp khoa trở lên	Nhiều đợt/lần	Phòng HCQT
H6.6.2.5	21.	Danh sách người học được Trường xác nhận để hỗ trợ hưởng các chế độ chính sách ưu tiên.	Chưa có	P. QLSV
H6.6.2.6	22.	Số liệu thống kê và phòng ở KTX (KTX đáp ứng 100% nhu cầu cho người học)	Chưa có	P. QLSV
H6.6.2.7	23.	Hợp đồng khám sức khỏe cho sinh viên đầu khóa học của Trường với cơ sở y tế.	Đầu mỗi năm học	Phòng HCQT
H6.6.2.8	24.	Danh sách 100% người học được khám sức khỏe miễn phí đầu khóa	T9 hàng năm	Phòng HCQT
H6.6.2.9	25.	Hồ sơ sức khỏe người học được lưu giữ	Chưa có	Phòng HCQT
H6.6.2.10	26.	Hợp đồng với nhân viên y tế	2011	Phòng HCQT
H6.6.2.11	27.	Hình ảnh Phòng Y tế tại 2 cơ	Chụp mới	Phòng HCQT

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/ tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	sở			
H6.6.2.12	28. Các văn bản về kế hoạch tổ chức các hoạt động phong trào hàng năm của Trường	Hàng năm	Ban Phong trào, Đoàn TN, các Khoa CM	
H6.6.2.13	29. Hình ảnh người học tham gia các hoạt động phong trào	Chụp mới	Ban phong trào	
H6.6.2.14	30. Hình ảnh hội trường lớn	Chụp mới	Ban phong trào	
H6.6.2.15	31. Bản thiết kế và hình ảnh sân bóng đá, sân bóng chuyền, cầu long, nhà thi đấu thể thao, sân tập xà	Chưa có	Ban QLDA	
H6.6.2.16	32. Đơn xin thành lập các CLB	Chụp mới	Thành đoàn	
H6.6.2.17	33. Hình ảnh cơ sở vật chất KTX, hệ thống tường rào bảo vệ và khu vực dịch vụ ngay trong khuôn viên KTX	Chụp mới	Phòng HCQT	
H6.6.2.18	34. Hình ảnh phòng trong KTX	Chụp mới	Phòng HCQT	
H6.6.2.19	35. Hình ảnh khu KTX có lắp điều hòa	Chụp mới	Phòng HCQT	
H6.6.2.20	36. Hình ảnh tường bao giữa các phòng	Chụp mới	Phòng HCQT	
H6.6.2.21	37. Hình ảnh bảo vệ trực tại khu KTX 24/24	Chụp mới	Phòng HCQT	
H6.6.2.22	38. Hình ảnh hệ thống tường rào bao quanh trường	Chụp mới	Phòng HCQT	
H6.6.2.23	39. Hệ thống phòng cháy chữa cháy tại các phòng học, phòng thí nghiệm,...	Chụp mới	Phòng HCQT	
H6.6.2.24	40. Hệ thống camera giám sát	Chụp mới	Phòng HCQT	
H6.6.2.25	41. Hình ảnh bảo vệ trực tại 2 cơ sở	Chụp mới	Phòng HCQT	

Mã minh chứng		Tên minh chứng	Số, ngày/ tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H6.6.2.26	42.	Hình ảnh 3 khu căng tin ở trường	Chụp mới	Phòng HCQT	
H6.6.2.27	43.	Nội quy phòng máy, phòng thực hành, phòng thí nghiệm, khu KTX		Phòng HCQT	
H6.6.2.28	44.	Báo cáo tình hình an ninh của nhà Trường		Phòng HCQT	
Tiêu chí 6.3: Công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học được thực hiện có hiệu quả.					
H6.6.3.1	45.	Cảm nang sinh viên	2011	Phòng Đào tạo	
H6.6.3.2	46.	Chương trình và nội dung "Tuần sinh hoạt công dân"	Hàng năm	Phòng QLSV	
H6.6.3.3	47.	Thống kê về người học tham gia các buổi sinh hoạt chính trị	Chưa có	Khoa Chính trị	
H6.6.3.4	48.	Hình ảnh hiến máu nhân đạo	Chụp mới	Ban phong trào	
H6.6.3.5	49.	Hình ảnh nhặt rác hồ Tây, hồ gươm	2015	Ban phong trào	
H6.6.3.6	50.	Hình ảnh phát cháo cho người vô gia cư	Chụp mới	Ban phong trào	
H6.6.3.7	51.	Hình ảnh gói và tặng bánh chưng nhân dịp Tết	Chụp mới	Ban phong trào	
H6.6.3.8	52.	Hình ảnh tổ chức Tết Trung thu cho các em nhỏ tại bệnh viện	Chụp mới	Ban phong trào	
H6.6.3.9	53.	Hình ảnh mua và phân phối dưa hấu	2015	Ban phong trào	
H6.6.3.10	54.	Hình ảnh mua và phân phối hành tím	2015	Ban phong trào	
H6.6.3.11	55.	Báo cáo kết quả "Tuần sinh hoạt công dân-sinh viên"	Hàng năm	Phòng HCQT, P. QLSV	

Mã minh chứng		Tên minh chứng	Số, ngày/ tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H6.6.3.12	56.	Các phong trào tìm hiểu học tập chính trị tư tưởng, tham gia các hội thảo, tọa đàm		Phòng HCQT, các Khoa CM, Đoàn TN	
H6.6.3.13	57.	Các phong trào hoạt động xã hội	Chụp mới	Ban phong trào	
H6.6.3.14	58.	Các giải thưởng/giấy khen về tham gia các phong trào		Đoàn thanh niên, P.QLSV	
H6.6.3.15	59.	Các giải thưởng/giấy khen lưu trữ tại văn phòng Đoàn		Đoàn thanh niên, P.QLSV	
H6.6.3.16	60.	Các môn học về chính trị được giảng dạy cho 100% người học		Khoa CM	
H6.6.3.17	61.	Hình ảnh sinh viên tham gia ngoại khóa các môn chính trị, tư tưởng	Chụp mới	Khoa CM, Ban phong trào	
H6.6.3.18	62.	Các CLB chuyên môn			
H6.6.3.19	63.	Hình ảnh cơ sở vật chất hỗ trợ các phong trào	Chụp mới	Ban phong trào	
H6.6.3.20	64.	Hình ảnh tưởng niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp	Chụp mới	Ban phong trào	
H6.6.3.21	65.	Hình ảnh xếp chữ với chủ đề bảo vệ biển đảo	Chụp mới	Ban phong trào	
H6.6.3.22	66.	Hình ảnh xếp hình truyền thông về bảo vệ môi trường do xâm nhập mặn	Chụp mới	Ban phong trào	
H6.6.3.23	67.	Hình ảnh Mùa hè xanh, Văn hóa đọc thời @	Chụp mới	Ban phong trào	
H6.6.3.24	68.	Hình ảnh Sinh viên Đại Nam với văn hóa giao thông	Chụp mới	Ban phong trào	
H6.6.3.25	69.	Hình ảnh Giải pháp về nói ngọng	Chụp mới	Ban phong trào	

Mã minh chứng		Tên minh chứng	Số, ngày/ tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H6.6.3.26	70.	Giấy khen của Thành đoàn Hà Nội về “Chiến dịch Mùa hè Xanh”	2011-2016	Đoàn thanh niên	
H6.6.3.27	71.	Thống kê số lượng SVTN hàng năm	Hàng năm	P.QLSV, Đoàn thanh niên	
H6.6.3.28	72.	Đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên	Hàng năm	P.QLSV, Khoa CM	
Tiêu chí 6.4: Công tác Đảng, đoàn thể có tác dụng tốt trong việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học.					
H6.6.4.1	73.	Hình ảnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh	Chụp mới	Ban phong trào	
H6.6.4.2	74.	Hình ảnh xếp chữ tưởng niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp	Chụp mới	Ban phong trào	
H6.6.4.3	75.	Hình ảnh xếp chữ với chủ đề bảo vệ biển đảo	Chụp mới	Ban phong trào	
H6.6.4.4	76.	Hình ảnh xếp hình truyền thông về bảo vệ môi trường do xâm nhập mặn	Chụp mới	Ban phong trào	
H6.6.4.5	77.	Hình ảnh Chiến dịch Mùa hè xanh	Chụp mới	Ban phong trào	
H6.6.4.6	78.	Hình ảnh Hiến máu nhân đạo	Chụp mới	Ban phong trào	
H6.6.4.7	79.	Hình ảnh nhặt rác Hồ Tây, Hồ Gươm	Chụp mới	Ban phong trào	
H6.6.4.8	80.	Hình ảnh Tiếp sức mùa thi	Chụp mới	Ban phong trào	
H6.6.4.9	81.	Hình ảnh Phát cháo cho người vô gia cư	Chụp mới	Ban phong trào	
H6.6.4.10	82.	Hình ảnh Gói và tặng bánh chưng nhân dịp Tết	Chụp mới	Ban phong trào	
H6.6.4.11	83.	Hình ảnh Tổ chức Tết Trung	Chụp mới	Ban phong trào	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/ tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	thu cho các em nhỏ tại nhiều bệnh viện			
H6.6.4.12	84. Hình ảnh Mua và phân phối dưa hấu hay hành tím	Chụp mới	Ban phong trào	
H6.6.4.13	85. Danh sách sinh viên tham dự lớp “Bồi dưỡng nhận thức về Đảng”	Hàng năm	P.QLSV, P.HCQT	
H6.6.4.14	86. Danh sách sinh viên được kết nạp Đảng	Hàng năm	P.QLSV, P.HCQT	
H6.6.4.15	87. Báo cáo về công tác phát triển Đảng trong sinh viên	Hàng năm	P.QLSV, Khoa CM	
H6.6.4.16	88. Kế hoạch các phong trào của Đoàn thanh niên	Hàng năm	P.QLSV, Đoàn thanh niên	
H6.6.4.17	89. Chương trình Sinh viên tự quản	Hàng năm	P.QLSV, Đoàn thanh niên	
H6.6.4.18	90. Chương trình Giảng đường xanh	2015	P.QLSV, Đoàn thanh niên	
H6.6.4.19	91. Báo cáo tổng kết các phong trào thi đua và tổng kết năm học/khóa học	Hàng năm	P.QLSV, Đoàn thanh niên	
Tiêu chí 6.5: Có các biện pháp cụ thể có tác dụng tích cực để hỗ trợ học tập và sinh hoạt của người học.				
H6.6.5.1	92. Hình ảnh tiếp đón sinh viên đầu khóa	Chụp mới	Ban phong trào	
H6.6.5.2	93. Quyết định thành lập và chức năng, nhiệm vụ của "Bộ phận một cửa"	2011	BGH	
H6.6.5.3	94. Danh sách GVCN toàn trường	Hàng năm	Phòng HCQT	
H6.6.5.4	95. Quy định công tác GVCN	2011	Phòng HCQT	
H6.6.5.5	96. Giấy xác nhận sinh viên của nhà trường	2011	P.QLSV	

Mã minh chứng		Tên minh chứng	Số, ngày/ tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H6.6.5.6	97	Hình ảnh giáo viên bản ngữ dạy tiếng anh	Chụp mới	Ban phong trào	
H6.6.5.7	98	Tờ trình lớp học kế toán miễn phí		Khoa CM	
H6.6.5.8	99	Tờ trình lớp học tiếng anh miễn phí	2015	Khoa CM	
H6.6.5.9	100	Hình ảnh dạy môn KNM	Chụp mới	Khoa CM	
H6.6.5.10	101	Hợp đồng với các chuyên gia dạy môn chuyên ngành		Khoa CM	
H6.6.5.11	102	Hình ảnh khu vực KTX (tổng thể và ảnh trong phòng KTX)	Chụp mới	Ban phong trào	
H6.6.5.12	103	Hình ảnh 5 căng tin tại 2 cơ sở của Trường	Chụp mới	Ban phong trào	
H6.6.5.13	104	Lớp học kỹ năng phỏng vấn	Chụp mới	Khoa CM	
H6.6.5.14	105	Khóa học “Bản đồ thành công”	Chụp mới	Khoa CM	
H6.6.5.15	106	Ngày hội tuyển dụng/việc làm từ các nhiều doanh nghiệp	Chụp mới	Phòng HCQT	
H6.6.5.16	107	Thông tin tuyển dụng được đăng trên website	Chụp mới	Phòng HCQT	
H6.6.5.17	108	Hình ảnh sinh viên khoa TCNH đi kiến tập	Chụp mới	Khoa CM	
H6.6.5.18	109	Hình ảnh sinh viên khoa QTKD đi tham quan doanh nghiệp, đốt lửa trại	Chụp mới	Khoa CM	
H6.6.5.19	110	Sinh viên ngành Kiến trúc được đi vẽ thực tế, tham gia triển lãm tại nhiều tỉnh thành	Chụp mới	Khoa CM	
H6.6.5.20	111	Sinh viên ngành Xây dựng được tham gia khảo sát tại	Chụp mới	Khoa CM	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/ tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		các công trình xây dựng		
H6.6.5.21	11	Sinh viên ngành CNTT được học việc, trực tiếp tham gia các câu lạc bộ, dự án, hội thảo ngoài Trường	Chụp mới	Khoa CM
H6.6.5.22	11	Sinh viên ngành QHCC tham gia giao lưu với người nổi tiếng	Chụp mới	Khoa CM
H6.6.5.23	11	Tờ trình tuần “Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên”	T9 hàng năm	P.QLSV
H6.6.5.24	11	Tổ chức khám sức khỏe bắt buộc đầu khóa cho mọi sinh viên	Đầu năm	P.QLSV, P.HCQT
H6.6.5.25	11	Tổ chức bộ phận y tế có nhân viên trực tại 2 cơ sở của Trường		P. HCQT
H6.6.5.26	11	Hoạt động Đông ấm yêu thương	Chụp mới	Ban phong trào
H6.6.5.27	11	Chiến dịch Mùa hè xanh	Chụp mới	Ban phong trào
H6.6.5.28	11	Hình ảnh Tấm bánh nghĩa tình	Chụp mới	Ban phong trào
H6.6.5.29	12	Hình ảnh Ngày chủ nhật đỏ	Chụp mới	Ban phong trào
H6.6.5.30	12	Hình ảnh Hiến máu nhân đạo	Chụp mới	Ban phong trào
H6.6.5.31	12	Hình ảnh nhà thể chất	Chụp mới	Ban QLDA
H6.6.5.32	12	Hình ảnh sân bóng đá	Chụp mới	Ban QLDA
H6.6.5.33	12	Hình ảnh sân bóng chuyền	Chụp mới	Ban QLDA
H6.6.5.34	12	Hình ảnh khu tập xà	Chụp mới	Ban QLDA
H6.6.5.35	12	Hình ảnh phòng thư viện	Chụp mới	Ban QLDA
H6.6.5.36	12	Hình ảnh hội trường lớn	Chụp mới	Ban QLDA

Mã minh chứng		Tên minh chứng	Số, ngày/ tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H6.6.5.37	128	Hình ảnh phòng kỹ năng mềm	Chụp mới	Ban QLDA	
H6.6.5.38	129	Hoạt động Chào mừng ngày nhà giáo VN kết hợp với ngày thành lập trường	Hàng năm	P. HCQT	
H6.6.5.39	130	Ngày thành lập Đoàn	Hàng năm	P. HCQT	
H6.6.5.40	131	Các cuộc thi mang tinh chất học thuật		Khoa CM	
H6.6.5.41	132	Các CLB văn thể mỹ cho sinh viên	Hàng năm	Đoàn thanh niên	
H6.6.5.42	133	Buổi đối thoại của lãnh đạo nhà trường với toàn bộ sinh viên	Chụp mới	Ban phong trào	
H6.6.5.43	134	Buổi đối thoại của từng khoa với sinh viên	Chụp mới	Ban phong trào	
H6.6.5.44	135	Quyết định thành lập và chức năng, nhiệm vụ của "Bộ phận một cửa"	2012	BGH	
H6.6.5.45	136	Lịch trực tiếp sinh viên của lãnh đạo nhà trường	2015	BGH	
Tiêu chí 6.6: Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và các nội quy của nhà trường cho người học.					
H6.6.6.1	137	Quy định về chức năng, nhiệm vụ của Phòng QLSV	2011	BGH	
H6.6.6.2	138	Quy định về chức năng, nhiệm vụ của Bộ phận Một cửa	202	BGH	
H6.6.6.3	139	Quy định về chức năng, nhiệm vụ của Khoa Chính trị	Chưa có	BGH	
H6.6.6.4	140	Chương trình và tài liệu "Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên" Trong đó gồm 01	Hàng năm	Phòng QLSV	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/ tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		buổi nói chuyện về pháp luật, thời sự của khách mời.		
H6.6.6.5	14	Các thông báo, nhắc nhở sinh viên có tính chất tuyên truyền, giáo dục (ví dụ, không tham gia bán hàng đa cấp...)	Hàng năm	BGH
H6.6.6.6	14	Bài viết thu hoạch của sinh viên về “Tuần sinh hoạt công dân – sinh viên”	Chưa có	Phòng QLSV
H6.6.6.7	14	Tờ trình đổi mới phương pháp giảng dạy môn Tư tưởng HCM, Nguyên lý Mác - Lê nin	Chưa có	Khoa CM
H6.6.6.8	14	Hình ảnh đốt nến tưởng niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp	Chụp mới	Ban phong trào
H6.6.6.9	14	Hình ảnh Giảng viên và sinh viên hát các bài hát về biển đảo	Chụp mới	Ban phong trào
H6.6.6.10	14	Hình ảnh Cuộc thi “Sinh viên thanh lịch”	Chụp mới	Ban phong trào Không
H6.6.6.11	14	Hình ảnh “Thi tìm hiểu Luật giao thông đường bộ”	Chụp mới	Ban phong trào
H6.6.6.12	14	Hình ảnh “Hội thảo về văn hóa đọc thời @”	Chụp mới	Ban phong trào
H6.6.6.13	14	Hình ảnh “Giảng đường Xanh”	Chụp mới	Ban phong trào
Tiêu chí 6.7: Có các hoạt động hỗ trợ hiệu quả nhằm tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo.				
H6.6.7.1	15	Một số thỏa thuận hợp tác đã ký kết giữa Trường với các doanh nghiệp về đào tạo và tuyển dụng.	2015	HDQT, BGH

Mã minh chứng		Tên minh chứng	Số, ngày/ tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H6.6.7.2	15	Cam kết/liên kết của Trường với các doanh nghiệp trong lĩnh vực quản trị du lịch và lữ hành về cung cấp sinh viên/học viên tốt nghiệp.	2015	HDQT	
H6.6.7.3	15	Hội chợ việc làm cho sinh viên	Chụp mới	Các Khoa, website	
H6.6.7.4	15	Đối thoại (talkshow) về cơ hội việc làm với nhà tuyển dụng	2012	Phòng HCQT	
H6.6.7.5	15	Seminar/hội thảo về cơ hội việc làm với nhà tuyển dụng	2012	Phòng HCQT	
H6.6.7.6	15	Gặp gỡ, giao lưu trực tiếp giữa sinh viên, giảng viên tại doanh nghiệp	Hàng năm	Khoa CM	
H6.6.7.7	15	Chương trình đào tạo mới được ban hành áp dụng cho các Khoa theo hướng đổi mới phương pháp giảng dạy theo định hướng năng lực người học và bổ sung các học phần kỹ năng nghề nghiệp	Hàng năm	Khoa QTKD, CNTT, KT, TCNH, PR...	
H6.6.7.8	15	Kết cấu chương trình đào tạo mới đã được bổ sung Học phần "Kỹ năng 3 - ứng tuyển, tìm việc" và tăng số lượng vượt trội về tín chỉ Tiếng Anh, Tin học áp dụng cho tất cả các Khoa.		Các Khoa: TCNH, QTKD, XD-KT, CNTT	
H6.6.7.9	15	Đổi mới phương thức thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp		BGH	
H6.6.7.10	15	Lớp học tiếng anh miễn phí	2015	BGH	
H6.6.7.11	16	Lớp bồi dưỡng kiến thức		BGH	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/ tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		chuyên ngành miễn phí		
H6.6.7.12	16	Tổ chức giao lưu, chia sẻ cơ hội việc làm và kinh nghiệm thi Tiếng Anh chứng chỉ quốc tế	2016	BGH
H6.6.7.13	16	Chương trình cấp chứng chỉ quốc tế (Tiếng Anh, Tin học) và giảm phí dự thi cho sinh viên	2016	BGH
H6.6.7.14	16	Các chương trình đưa sinh viên đi thực tế, giới thiệu sinh viên làm việc part-time, làm cộng tác viên tại các doanh nghiệp, học việc mùa hè	2016	BGH
H6.6.7.15	16	Hội thảo “Kỹ năng viết hồ sơ xin việc và trả lời phỏng vấn”	2016	BGH
Tiêu chí 6.8: Người học có khả năng tìm việc làm và tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp. Trong năm đầu sau khi tốt nghiệp trên 50% người tốt nghiệp tìm được việc làm đúng ngành được đào tạo.				
H6.6.8.1	16	Mẫu phiếu thu thập thông tin về việc làm của cựu sinh viên.	Chưa có	BGH
H6.6.8.2	16	Tổng hợp dữ liệu của các GVCN gửi Nhà trường (theo lớp).	?	Các Khoa (GVCN)
H6.6.8.3	16	Tọa đàm, hội thảo về cơ hội việc làm cho sinh viên cuối Khóa (nhiều Khoa, nhiều đợt).	Hàng năm	BGH
H6.6.8.4	16	Facebook của Trường, của một số Khoa kết nối với cựu sinh viên	Chụp mới	Website

Mã minh chứng		Tên minh chứng	Số, ngày/ tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H6.6.8.5	169	Báo cáo tổng hợp về tình hình việc làm của cựu sinh viên Khóa IV và Khóa V.	Chưa có	BGH	
Tiêu chí 6.9: Người học được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên khi kết thúc môn học, được tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của trường đại học trước khi tốt nghiệp.					
H6.6.9.1	170	Văn bản quy định việc người học tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên khi kết thúc môn học		BGH	
H6.6.9.2	171	Quy định chức năng và nhiệm vụ của phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng	2013	BGH	
H6.6.9.3	172	Phổ biến quy định về chương trình đào tạo, phương thức thi/kiểm tra và đánh giá của sinh viên đối với giảng viên... tại Tuần sinh hoạt công dân.	Hàng năm	BGH	
H6.6.9.4	173	GVCN phổ biến đến sinh viên về ý nghĩa, lợi ích của việc tham gia đánh giá giảng viên, chất lượng đào tạo của Trường	Hàng năm	GVCN	
H6.6.9.5	174	Văn bản quy định quy trình người học đánh giá chất lượng giảng dạy, quy trình xử lý số liệu, báo cáo và phản hồi kết quả đánh giá và các hoạt động sau đánh giá.	Chưa có	BGH	
H6.6.9.6	175	- Văn bản lấy ý kiến của cán bộ giảng viên về cải tiến phiếu đánh giá của người học đối với giảng viên.	Chưa có	Phòng KT&ĐBCL	
H6.6.9.7	176	- Báo cáo kết quả cuối mỗi kì học về việc người học	Cuối mỗi kỳ	Phòng KT&ĐBCL	

Mã minh chứng		Tên minh chứng	Số, ngày/ tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên khi kết thúc môn học			
H6.6.9.8	17	- Báo cáo của các khoa về công tác phản hồi kết quả đánh giá của người học tới giảng viên	Chưa có	Khoa CM	
H6.6.9.9	17	- Văn bản quy định việc người học tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của trường trước khi tốt nghiệp	Chưa có	BGH	
H6.6.9.10	17	- Văn bản của trường quy định chức năng và nhiệm vụ cho phòng/bộ phận lập kế hoạch và tổ chức triển khai công tác người học tham gia đánh giá chất lượng chương trình đào tạo	Chưa có	BGH	
H6.6.9.11	18	- Báo cáo hằng năm của Phòng KT&ĐBCL với Lãnh đạo Nhà trường về kết quả đánh giá của người học và những đề xuất cải tiến, điều chỉnh	Cuối mỗi năm	Phòng KT&ĐBCL	

DANH MỤC VÀ MÃ MINH CHỨNG TIÊU CHUẨN 7

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/ tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
Tiêu chí 7.1. Xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của trường đại học.				
H7.7.1.1	1. Kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ 5 năm		Ban Giám hiệu	
H7.7.1.2	2. Kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ hàng năm của nhà trường trên cơ sở đăng ký của các khoa		Ban Giám hiệu	
H7.7.1.3	3. Quy định về Quản lý hoạt động Khoa học công nghệ trường Đại học Đại Nam		Ban Giám hiệu	
H7.7.1.4	4. Kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ hàng năm của Khoa		Các khoa	
H7.7.1.5	5. Biên bản của Hội đồng Khoa học về việc thông qua đề tài NCKH của từng Khoa		Hội đồng khoa học nhà trường	
H7.7.1.6	6. Báo cáo Tổng kết hoạt động NCKH và HTQT của nhà trường năm học 2015-2016		Phòng NCKH &HTQT	
H7.7.1.7	7. Biên bản nghiệm thu đề tài NCKH		Hội đồng khoa học nhà trường	
Tiêu chí 7.2: Có các đề tài, dự án được thực hiện và nghiệm thu theo kế hoạch				
H7.7.2.1	8. Phê duyệt đề tài NCKH năm 2014-2015, 2015-2016		Ban Giám hiệu	
H7.7.2.2	9. Danh sách đề tài được nghiệm thu và Biên bản nghiệm thu từng đề tài		Hội đồng khoa học trường	
H7.7.2.3	10. Thông báo của Phòng NCKH và HTQT về tiến độ thực hiện đề tài/ Những email liên quan đến nhắc		Phòng NCKH&HTQT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/ tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		tiến độ.		
Tiêu chí 7.3. Số lượng bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế tương ứng với số đề tài nghiên cứu khoa học và phù hợp với định hướng nghiên cứu và phát triển của trường đại học.				
H7.7.3.1	11.	Thống kê công trình nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu giai đoạn 2010-2015		Phòng NCKH & HTQT
H7.7.3.2	12.	Các Biên bản họp giao ban trong năm 2015-2016		Ban Giám hiệu
Tiêu chí 7.4. Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường đại học có những đóng góp mới cho khoa học, có giá trị ứng dụng thực tế để giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.				
H7.7.4.1	13.	Trang bìa, đường dẫn của bài báo trên Google Scholar.		Tác giả
H7.7.4.2	14.	Quyết định giao đề tài và Quyết định nghiệm thu đề tài của Bộ GD và ĐT		
Tiêu chí 7.5. Đảm bảo nguồn thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ không ít hơn kinh phí của trường học dành cho hoạt động này.				
Tiêu chí 7.6. Các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường đại học gắn với đào tạo, gắn kết với các Viện nghiên cứu khoa học, các trường đại học khác và các doanh nghiệp. Kết quả của các hoạt động khoa học và công nghệ đóng góp vào phát triển các nguồn lực của trường.				
H7.7.6.1	15.	Hoạt động tập huấn về phương pháp giảng dạy cho giảng viên		Ban Giám hiệu
H7.7.6.2	16.	Chương trình “Bản đồ thành công”		Ban Giám hiệu
H7.7.6.3	17.	Một số công trình NCKH tiêu biểu được ứng dụng trong giảng dạy		Phòng NCKH&HTQT
H7.7.6.4	18.	Dự án POHE 2 thực hiện nghiên cứu “Đánh giá các nhân tố tác động đến kết quả		Phòng NCKH&HTQT

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/ tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		triển khai mô hình POHE”		
H7.7.6.5	19.	Hợp đồng với GBRJ	Phòng NCKH&HTQT	
H7.7.6.6	20.	Công văn của Bộ về việc cho phép tổ chức Hội thảo AP16	Bộ GD&ĐT	
H7.7.6.7	21.	Thông báo Tổ chức Hội thảo, kỹ yếu dưới dạng CD, Tài liệu Hội thảo: Hand Book, Kế hoạch, tờ rơi	Phòng NCKH&HTQT	
H7.7.6.8	22.	Thống kê các công trình công bố của trường Đại học Đại Nam	Phòng NCKH&HTQT	
Tiêu chí 7.7. Có các quy định cụ thể về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định; có các biện pháp để đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ				
H7.7.7.1	23.	Quy định về hoạt động sở hữu trí tuệ trường Đại học Đại Nam	Ban Giám hiệu	

DANH MỤC VÀ MÃ MINH CHỨNG TIÊU CHUẨN 8

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/ tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
Tiêu chí 8.1. Các hoạt động hợp tác quốc tế được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước.				
H8.8.1.1	1. Quy định về hoạt động hợp tác Quốc tế trường Đại học Đại Nam		HDQT Ban Giám Hiệu	
H8.8.1.2	2. Báo cáo của nhà trường về hoạt động Hợp tác quốc tế với Bộ Giáo dục và Đào tạo		Ban Giám Hiệu Phòng NCKH&HTQT	
H8.8.1.3	3. Hồ sơ xin chương trình Raffles, Singapore		Phòng NCKH&HTQT	
H8.8.1.4	4. Quyết định cho phép của Cục Hợp tác Đào tạo với nước ngoài		Cục Hợp tác Đào tạo với nước ngoài, Phòng NCKH&HTQT	
H8.8.1.5	5. Công văn về việc cho phép tổ chức Hội thảo quốc tế AP16		Bộ GD&ĐT, Phòng NCKH&HTQT	
H8.8.1.6	6. Danh sách biên bản ghi nhớ đã ký và các Biên bản ghi nhớ, Hình ảnh Lễ ký kết biên bản ghi nhớ		Viện Đào tạo & Hợp tác Quốc tế Khoa Quốc tế Viện VJK Phòng NCKH&HTQT	
H8.8.1.7	7. Báo cáo bộ về hoạt động Hợp tác quốc tế		Ban Giám hiệu Phòng NCKH&HTQT	
Tiêu chí 8.2: Các hoạt động về hợp tác quốc tế về đào tạo có hiệu quả, thể hiện qua các chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật; các chương trình trao đổi giảng viên và người học, các hoạt động tham quan khảo sát, hỗ trợ, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị của trường đại học.				
H8.8.2.1	8. Danh sách những Biên bản ghi nhớ		Phòng NCKH&HTQT	
H8.8.2.2	9. Danh sách các chương trình		Phòng Đào tạo	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/ tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		đào tạo được Bộ phê duyệt		
H8.8.2.3	10.	Quyết định 2276/QĐ-BGDĐT		
H8.8.2.4	11.	Quyết định cử đi công tác, hình ảnh đến làm việc với trường	Phòng truyền thông	
H8.8.2.5	12.	Quyết định cử đi học	Phòng HCQT Phòng TC-KT	
H8.8.2.6	13.	Sổ đón tiếp các đoàn khách nước ngoài, hình ảnh chụp lại các buổi đón	Phòng HCQT Phòng Truyền thông	
H8.8.2.7	14.	Hợp đồng, Báo cáo thu chi của kỳ thi, Hoạt động tái đầu tư.	Phòng TC-KT	
Tiêu chí 8.3. Các hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học có hiệu quả, thể hiện qua việc thực hiện dự án, đề án hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, các chương trình áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào thực tiễn, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học chung, công bố các công trình khoa học chung.				

DANH MỤC VÀ MÃ MINH CHỨNG TIÊU CHUẨN 9

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/ tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
<p>Tiêu chí 9.1. Thư viện của trường đại học có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học. Có thư viện điện tử được nối mạng, phục vụ dạy học và nghiên cứu khoa học có hiệu quả.</p>				
H9.9.1.1	1. Danh mục tài liệu của CTĐT hiện hành của nhà trường		Phòng Đào tạo	
H9.9.1.2	2. Danh mục tài liệu của CTĐT hiện hành của nhà trường mà đã được số hóa		Phòng Đào tạo	
H9.9.1.3	3. Báo cáo khảo sát hằng năm về mức độ thư viện đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học, bao gồm quy trình, công cụ và kết quả, theo yêu cầu của tiêu chí 1 trong tiêu chuẩn 9 của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường ĐH		Phòng KT&ĐBCL	
H9.9.1.4	4. Hình ảnh, account để có thể truy cập được nguồn tài liệu			
H9.9.1.5	5. Kế hoạch; danh mục, hóa đơn minh chứng việc mua bổ sung tài liệu hàng năm		Phòng HCQT	
H9.9.1.6	6. Hình ảnh, tài khoản và hướng dẫn sử dụng phần mềm Dlib			
H9.9.1.7	7. Các Quy định và Nội quy trong thư viện		Phòng HCQT	
H9.9.1.8	8. Hướng dẫn sử dụng tài liệu Thư viện số		Phòng HCQT	
H9.9.1.9	9. Sổ mượn trả sách chứng minh số lượng người mượn sách tương ứng		Phòng HCQT	

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/ tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
Tiêu chí 9.2. Có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành phục vụ cho dạy, học và nghiên cứu khoa học, đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo.				
H9.9.2.1	10. Giấy tờ chứng minh sở hữu hoặc quyền sử dụng dài hạn (thời hạn ít nhất bằng thời gian cho khóa đầu sử dụng đến khi tốt nghiệp)			
H9.9.2.2	11. Thống kê số lượng và diện tích, tính bình quân số mét vuông diện tích phòng học, giảng đường và phòng thí nghiệm/ thực hành trên đầu người học		Phòng HCQT	
H9.9.2.3	12. Văn bản gửi cơ quan chính quyền và Văn bản được phép xây dựng công trình tạm		Phòng HCQT	
H9.9.2.4	13. Lịch học thực tế minh chứng cho viên khai thác phòng học, phòng thí nghiệm		Phòng HCQT	
H1.9.2.5	14. Hình ảnh nhưng Nội quy hướng dẫn sử dụng		Phòng HCQT	
H9.9.2.6	15. Các thiết bị trong phòng học		Phòng HCQT	
H9.9.2.7	16. Kế hoạch lắp điều hòa cho 24 phòng học tại cơ sở 56 Vũ Trọng Phụng		Phòng HCQT	
H9.9.2.8	17. Hình ảnh phòng hội thảo		Phòng HCQT	
H9.9.2.9	18. Kết quả (góc) khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên, người học về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng học, giảng đường, phòng thực hành thí nghiệm		Phòng KT&ĐBCL	
Tiêu chí 9.3. Có đủ trang thiết bị dạy và học để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, được đảm bảo về chất lượng và sử dụng có hiệu quả, đáp ứng yêu				

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/ tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
câu của các ngành đang đào tạo				
H9.9.3.1	19. Thống kê và danh mục các trang thiết bị phục vụ đào tạo và NCKH (các thiết bị tại phòng học, tại phòng máy tính, tại phòng thí nghiệm và thực hành).		Phòng HCQT	
H9.9.2.2	20. Danh mục các phòng học lắp điều hòa		Phòng HCQT	
H9.9.3.3	21. Biên bản kiểm kê tài sản ngành Dược, Hồ sơ mua sắm trang thiết bị, công cụ, dụng cụ, hóa chất phục vụ công tác giảng dạy, thí nghiệm...		Phòng HCQT	
H9.9.3.4	22. Sổ theo dõi tần suất khai thác các trang thiết bị phục vụ đào tạo và NCKH.		Phòng HCQT	
H9.9.3.5	23. Quy trình mua sắm, sửa chữa TTB		Phòng HCQT	
H9.9.3.6	24. Biên bản kiểm kê tài sản theo định kỳ hàng năm, file quản lý danh sách thiết bị dịch chuyển trong tháng		Phòng HCQT	
H9.9.3.7	25. Minh chứng về hiệu quả tích cực trong công tác quản lý tài sản của nhà trường, đảm bảo sử dụng tài sản		Phòng HCQT	
H9.9.3.8	26. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của người học, giảng viên, cán bộ về mức độ đáp ứng của trang thiết bị dạy học		Phòng KT&ĐBCL	
Tiêu chí 9.4. Cung cấp đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học và quản lý.				

Mã minh chứng		Tên minh chứng	Số, ngày/ tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H9.9.4.1	27.	Danh mục các thiết bị tin học của từng bộ phận trong nhà trường		Phòng HCQT	
H9.9.4.2	28.	Danh e-mail đuôi @dainam.edu.vn tương ứng với số cán bộ và giảng viên nhà trường		Phòng HCQT	
H9.9.4.3	29.	Hợp đồng mua phần mềm quản lý đào tạo		Phòng HCQT	
H9.9.4.4	30.	Hệ thống camera quản lý tài sản		Phòng HCQT	
H9.9.4.5	31.	Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của người học, giảng viên, cán bộ về trang thiết bị tin học		Phòng KT&ĐBCL	
Tiêu chí 9.5. Có đủ các diện tích lớp học theo quy định cho việc dạy và học; có ký túc xá cho người học, đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho sinh viên nội trú; có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao theo quy định					
H9.9.5.1	32.	Bản đồ mặt bằng chính thức (quy hoạch tỷ lệ 1/500); Danh mục thống kê các loại phòng (30 chỗ, 50 chỗ...)		Ban QLDA	
H9.9.5.2	33.	Thời khóa biểu hàng năm		Phòng đào tạo	
H9.9.5.3	34.	Cơ sở vật chất phục vụ đời sống sinh hoạt, văn hóa, thể dục thể thao của sinh viên		Phòng HCQT	
H9.9.5.4	35.	Hồ sơ xây dựng khu Ký túc xá xây mới giai đoạn 2		Phòng HCQT	
Tiêu chí 9.6. Có đủ phòng làm việc cho các cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu theo quy định					
H9.9.6.1	36.	Danh mục và sơ đồ các phòng làm việc của các đơn vị		Phòng HCQT	

Mã minh chứng		Tên minh chứng	Số, ngày/ tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H9.9.6.2	37.	Các phòng ban tại cơ sở chính		Phòng HCQT	
H9.9.6.3	38.	Văn bản lấy ý kiến đóng góp từ phía lãnh đạo các đơn vị trong toàn trường		Ban giám hiệu	
Tiêu chí 9.7: Có đủ diện tích sử dụng đất theo quy định của tiêu chuẩn TCVN3981-85. Diện tích mặt bằng tổng thể đạt mức tối thiểu theo quy định.					
Tiêu chí 9.8: Có quy hoạch tổng thể về sử dụng & phát triển cơ sở vật chất trong kế hoạch chiến lược của trường					
H9.9.8.1	39.	Kế hoạch phát triển cơ sở vật chất được lập theo kế hoạch ngắn hạn và dài hạn		HĐQT	
Tiêu chí 9.9: Có các biện pháp hữu hiệu bảo vệ tài sản, trật tự & an toàn cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học					
H9.9.9.1	40.	Chức năng, nhiệm vụ của tổ bảo vệ		Phòng HCQT	
H9.9.9.2	41.	Danh sách tổ bảo vệ		Phòng HCQT	
H9.9.9.3	42.	Danh mục các vật dụng cấp cho tổ bảo vệ		Phòng HCQT	
H9.9.9.4	43.	Đội ngũ bảo vệ được cử đi tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn		Phòng HCQT	
H9.9.9.5	44.	Hình ảnh cán bộ trực 24/24 ở 2 cơ sở		Phòng HCQT	

DANH MỤC VÀ MÃ MINH CHỨNG TIÊU CHUẨN 10

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/ tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
Tiêu chí 10.1 Có những giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính, tạo được nguồn tài chính hợp pháp và đáp ứng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của trường đại học				
H10.10.1.1	1. Kế hoạch tuyển sinh trong 1, 3, 5 năm tới và ứng với dự báo nguồn thu từ học phí trên kế hoạch tuyển sinh		Ban Giám Hiệu	
H10.10.1.2	2. Quy chế chi tiêu nội bộ nhà trường		Phòng TC-KT	
H10.10.1.3	3. Báo cáo tài chính hàng năm		Phòng TC-KT	
H10.10.1.4	4. Báo cáo kiểm toán trong những năm gần đây		Phòng TC-KT	
H10.10.1.5	5. Văn bản, biên bản rà soát cơ cấu nguồn thu; Thống kê về cơ cấu thu của 5 năm (tỷ lệ thu từ tất cả các nguồn).		Phòng TC-KT	
H10.10.1.6	6. Các báo cáo đánh giá về hiệu quả đầu tư tài chính cho các hoạt động và các định hướng cho các năm sau của trường			
H10.10.1.7	7. Thống kê về việc chi, giải ngân cho các hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học trong 5 năm qua		Phòng TC-KT	
H10.10.1.8	8. Danh mục thiết bị đã mua sắm			
Tiêu chí 10.2: Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính trong trường đại học được chuẩn hoá, công khai hoá, minh học và theo quy định				
H10.10.2.1	9. Quy định quản lý nội bộ			
H10.10.2.2	10. Quy chế tài chính nội bộ			
H10.10.2.3	11. Quy chế giảng dạy			

Mã minh chứng		Tên minh chứng	Số, ngày/ tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
H10.10.2.4	12	Báo cáo tài chính hàng năm			
H10.10.2.5	13	Các Trung tâm liên kết đào tạo với trường			
H10.10.2.6	14	Phần mềm quản lý tài chính			
H10.10.2.7	15	Báo cáo tài chính của Trường			
Tiêu chí 10.3: Đảm bảo sự phân bổ, sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả cho các bộ phận và các hoạt động của trường đại học.					
H10.10.3.1	16	Quy chế thu chi nội bộ			
H10.10.3.2	17	Hoạt động tự kiểm tra tài chính			
H10.10.3.3	18	Biên bản các biện pháp khắc phục những vấn đề			
H10.10.3.4	19	Biên bản kiểm tra và thông báo duyệt quyết toán hàng năm của Bộ Giáo dục và đào tạo			